

TRUNG TÂM QUẢN LÝ BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA HỘI AN

Địa chỉ: 10B - Trần Hưng Đạo - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam

Điện thoại: 0510.3864625 – 0510.3862946 – 0510.3862367

Fax: 05103.861.779 - Email: ttqfbtdt@gmail.com

Website: hoianheritage.net



CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

Nguyễn Chí Trung

CHịu TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG

Trần Văn An

BIÊN TẬP

Đỗ Thị Ngọc Uyên

Võ Hồng Việt

Trần Thị Lệ Xuân

TRÌNH BÀY

Nguyễn Tuyết Phi

Trần Thị Lệ Xuân

LƯU HÀNH NỘI BỘ

BẢN TIN Số 01 (21) - 2013

❁ Trao đổi chuyên môn nghiệp vụ:

- Vài nét về di tích lịch sử cách mạng xóm Mồ Côi
- Hội An trong phòng trào chống thuế ở Trung Kỳ
- Vấn đề bảo tồn và phát huy di tích di vật khảo cổ ở Hội An
- Phong tục cưới hỏi ở Hội An
- Trú Vinh biên và quan hệ giao lưu văn hoá Triều Tiên-Việt Nam ở Hội An thế kỷ XVII
- Hội An qua tác phẩm Hải Nam tạp trí của Thái Đình Lan
- Những thông tin mới về Chùa Kim Bửu
- Giới thiệu một số tư liệu Hán - Nôm liên quan đến tộc Trần với nghề khai thác yến Thanh Châu
- Nghề đóng ghe thuyền ở Kim Bồng
- Cây dừa nước ở Cẩm Thanh
- Giải mã biểu tượng Long Châu
- Hội An điểm đến du lịch bên vừng - định hướng tương lai cho bảo tồn và phát triển

❁ Tin tức - Sự kiện

❁ Bạn cần biết



Xóm Mồ Côi hiện nằm trên địa bàn khối Trường Lệ, phường Cẩm Châu, thành phố Hội An. Nhìn từ xa, xóm Mồ Côi như một ốc đảo nhỏ, bao bọc xung quanh là cánh đồng Trường Lệ trải rộng xuống tận Xóm Chiêu, kéo dài ra Trà Quế. Trong xóm có 07 hộ gia đình đang sinh sống trên diện tích đất tự nhiên rất khiêm tốn.

Trước năm 1945, Trường Lệ vốn là một ấp của làng Cẩm Phô thuộc tổng Phú Triêm hạ, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn. Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, nhân dân Hội An nói chung, nhân dân Trường Lệ và xóm Mồ Côi nói riêng phải chịu bao cảnh lầm than, cực khổ. Trong cách mạng tháng 8 năm 1945, người dân xóm Mồ Côi hăng hái tham gia lực lượng chính trị, cùng với nhân dân Trường Lệ nói riêng, Hội An nói chung đánh đuổi kẻ thù, giành chính quyền thắng lợi. Thế nhưng chưa được bao lâu, thực dân Pháp quay lại đánh chiếm Hội An vào năm 1947. Trong buổi đầu kháng chiến, người dân trong xóm tích cực đóng góp nhân tài, vật lực cho cuộc

kháng chiến trường kỳ của dân tộc, tiêu biểu là phong trào chống địch cướp lúa vào đầu những năm 1950 để rồi tự gánh số lúa này xuống An Mỹ tập kết trước khi đưa vào vùng Tiên Điền phục vụ kháng chiến, hay tích cực tham gia vào lực lượng vũ trang thị xã, du kích địa phương để trực tiếp đánh địch...

Theo hồi cố của người dân, trước đây trong xóm cây cối rất rậm rạp, bao bọc xung quanh là lũy tre. Địa thế này dễ dàng cho lực lượng của ta quan sát từ trong ra ngoài nhưng cũng rất khó để địch tiếp cận vào trong xóm. Hơn nữa nơi đây có thể xem là cầu nối quan trọng trong mạng lưới liên lạc ở cánh Bắc Thị xã, vừa gần với các căn cứ Trà Quế và Xóm Chiêu lại nằm ngay sát nách địch là vùng trung tâm nội ô - nơi đóng các cơ quan đầu não của chúng. Lúc bấy giờ cả xóm chỉ có hơn chục nóc nhà nhưng hầu như nhà nào cũng là một cơ sở cách mạng tham gia làm hầm bí mật nuôi, che giấu cán bộ như cơ sở nhà đồng chí Nguyễn Văn Việt, nhà ông Ty, nhà bà Lài, nhà ông Trần,

nhà ông Nguyễn Cho, nhà bà Bò,... Với tinh thần cống hiến tất cả cho cách mạng, thà hy sinh chứ nhất định không để địch bắt, không chịu khai báo cơ sở nên trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp và thời gian đầu kháng chiến chống Mỹ, lòng dân nơi đây đã tạo được sự tin tưởng cho nhiều cán bộ từ các nơi về hoạt động, trong đó có lãnh đạo Thị ủy như các đồng chí Nguyễn Kim Khánh, Đặng Tiên, Trần Quang Tính, Võ Học (Ngọc),...

Tháng 3/1966, Thị ủy triệu tập hội nghị chuyên đề về công tác nội ô và vùng yếu. Hội nghị nhấn mạnh mối liên hệ mật thiết của phong trào cách mạng giữa vùng quân ta làm chủ và vùng địch tạm chiếm, chủ trương lấy vùng giải phóng ở nông thôn làm bàn đạp đẩy mạnh hoạt động đưa phong trào cách mạng ở vùng yếu và nội ô thị xã phát triển lên một bước mới. Hội nghị chủ trương thành lập Ban cán sự công tác nội ô do đồng chí Trương Minh Lượng - Phó Bí thư Thị ủy làm Trưởng ban và đặt cơ quan tiền phương tại xóm Mồ Côi. Lúc này, xóm Mồ Côi được Thị ủy xây dựng thành một căn cứ đặc thù, không còn thuộc sự quản lý của xã Cẩm Châu như trước mà được bàn giao lại cho Thị ủy quản lý dưới sự chỉ đạo của Ban cán sự công tác nội ô. Ban cán sự công tác nội ô trực tiếp phụ trách cả về tổ chức Đảng, đoàn thể, cơ sở quần chúng và du kích,

Mặc dù đất không rộng người không đông nhưng với địa thế hiểm yếu và lòng dân vững chắc, mảnh đất và con người nơi đây đã có nhiều thành tích trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, góp phần quan trọng vào sự nghiệp đấu tranh cách mạng chung trên quê hương Hội An anh hùng.

khi cần thiết thì có thể điều động lực lượng từ các địa phương khác về cùng phối hợp. Về mặt tổ chức, ở đây có 2 Chi bộ hoạt động, gồm Chi bộ của Đội công tác đặc biệt do đồng chí Nguyễn Văn Việt làm Bí thư dưới sự chỉ đạo của Ban cán sự nội ô và Chi bộ trong dân do đồng chí Ty làm Bí thư. Ngoài ra ở đây còn có tổ chức của Đoàn thanh niên với nhiệm vụ chủ yếu là liên lạc, nắm bắt tình hình và xây dựng các cơ sở dẫn đường trong Thị xã (các cơ sở này sẽ dẫn đường cho lực lượng của ta khi đánh vào vùng nội ô).

Từ xóm Mồ Côi, trong các vai thầy thuốc và thầy bói, đồng chí Trương Minh Lượng thường xuyên ra vào nội ô nắm bắt tình hình, xây dựng và chỉ đạo mạng lưới cơ sở hoạt động. Hàng chục cơ sở trong nội ô đã được đồng chí gây dựng, trong đó có cơ sở Nguyễn Cho là lính gác ngục ở nhà lao Hội An và cũng là người con của xóm Mồ Côi. Đêm ngày 14/7/1967, quân ta tấn công vào nhà lao Hội An. Được Nguyễn Cho làm nội ứng bên trong đã đưa bộ đội ta cải trang thành lính trung đoàn chủ lực 51 nguy hiểm thẳng vào cổng nhà lao bất ngờ đánh địch giải phóng hơn 1.200 tù nhân. Thế nhưng khi lực lượng chủ lực của quân ta tiến vào nhà lao, trong lúc giao tranh, Nguyễn Cho đã bị trúng đạn chết. Sau này, công lao của Nguyễn Cho đã được nhà nước ghi nhận và phong tặng liệt sĩ. Cũng tại xóm Mồ Côi, Đội biệt

động thành do đồng chí Trương Minh Lượng trực tiếp chỉ đạo thường xuyên có những đợt học tập, huấn luyện ngắn ngày ở đây. Bên cạnh đó, nơi đây còn là địa điểm để các đồng chí lãnh đạo Thị ủy, lãnh đạo lực lượng vũ trang và tổ chức đoàn thể vạch kế hoạch tổ chức nhiều trận đánh lớn như trận tập kích vào cơ quan Quận lý Hiếu Nhơn ngày 10/6/1967, nhà lao Hội An ngày 14/7/1967,...

Ngày 18/10/1967, địch bắt ngờ tấn công vào trong xóm. Tình hình diễn biến quá nhanh khiến người dân cũng như lực lượng phòng vệ không kịp xoay sở. Lực lượng của quân ta lúc này dù đã cố gắng chống trả nhưng do tình thế bất ngờ, lực lượng của địch lại mạnh hơn gấp nhiều lần nên không thể cầm cự được lâu. Lúc này đồng chí Trương Minh Lượng đang họp bàn công việc trong nhà đồng chí Nguyễn Văn Việt để chuẩn bị cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968. Trước tình thế nguy cấp, đồng chí Trương Minh Lượng chủ động rút lui để về căn cứ Trà Quế. Tuy nhiên, dưới làn mưa đạn của kẻ thù, đồng chí đã anh dũng hy sinh khi vừa rời khỏi xóm. Lúc này, trong nhà đồng chí Nguyễn Văn Việt đang cất giữ nhiều tài liệu mật quan trọng của Thị ủy. Nếu để số tài liệu này rơi vào tay giặc, hàng loạt cơ sở của ta ở nội ô sẽ bị lộ, tổn thất sẽ rất lớn. Quyết không để địch bắt, không để địch lấy tài liệu, đồng chí đã dũng cảm đốt cháy căn nhà tranh của mình, bản thân đồng chí cũng tự thiêu cùng với số tài liệu đang cất giữ trong nhà. Sau sự kiện này, địch đã bắt toàn bộ người dân trong xóm, từ người già đến trẻ em nhốt

giam trong nhà lao Hội An, một số bị đẩy đi nhà lao Côn Đảo. Toàn bộ nhà cửa bị địch đốt phá, vườn tược bị san bằng. Xóm Mồ Côi trở thành vùng đất trắng dân, trắng nhà.

Sau khi được tự do, người dân trở về xóm sinh sống và tiếp tục đóng góp cho cách mạng. Từ năm 1969 trở đi, xóm Mồ Côi vẫn là căn cứ quan trọng để các đồng chí lãnh đạo Ban cán sự nội ô lui tới hoạt động như các đồng chí Nguyễn Đức Minh, Trần Thị Hai (Hai Á), Lê Trung Thành,... cho đến ngày đất nước được hoàn toàn giải phóng.

Hiện nay, xóm Mồ Côi chỉ còn lại 7 hộ gia đình đang sinh sống nhưng có đến tổng cộng 10 liệt sĩ, 01 Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, 01 bà mẹ được phong tặng Mẹ Việt Nam Anh hùng, 03 thương binh đang được hưởng chính sách của Nhà nước. Ghi nhận đóng góp của mảnh đất và con người nơi đây cho sự nghiệp đấu tranh cách mạng chung ở Hội An, đầu năm 2013, UBND Thành phố đã công nhận xóm Mồ Côi là di tích lịch sử cách mạng nằm trong danh mục di tích Lịch sử - Văn hóa của Thành phố và Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đang xây dựng hồ sơ trình cấp trên công nhận di tích này♣

*** Tài liệu tham khảo:**

- Lịch sử Đảng bộ thị xã Hội An (1930 - 1975).
- Hồi ký “Đời Tôi” của Nguyễn Đức Minh, Nhà xuất bản Đà Nẵng, 2011.
- Báo cáo thành tích đề nghị truy tặng Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho đồng chí Trương Minh Lượng.
- Báo cáo thành tích đề nghị truy tặng Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho đồng chí Nguyễn Văn Việt.
- Ý kiến của các nhân chứng: Nguyễn Đức Minh, Trang Anh Tuấn, Lê Anh Tuấn, Nguyễn Ty, Nguyễn Hải Sơn, Đoàn Long.

HỘI AN TRONG PHONG TRÀO CHỐNG THUẾ TRUNG KỲ

Trương Hoàng Vinh

Trong năm 1907, đầu 1908, chính quyền của Pháp cùng với triều Nguyễn ra lệnh tăng sưu, thuế. Điều này khiến cho người dân nhất là ở nông thôn đang khó khăn lại càng khó khăn hơn. Trong hoàn cảnh đó, vào đầu năm 1908, tại làng Phiếm Ái - huyện Đại Lộc, trong một bữa giỗ, các ông Lương Châu, Trương Hoàn, Hứa Tạo, Trương Tôn, Trương Côn, Trương Đính... đã bàn tính, thảo đơn kháng thuế, cự sưu.

Kế hoạch của họ là làm đơn và bàn nhau lấy chữ ký của 108 lý trưởng của huyện Đại Lộc; tập hợp dân đến huyện đường yêu cầu quan huyện cùng dân đến tỉnh thành La Qua, Điện Bàn và từ tỉnh thành sẽ đến tòa sứ ở

Hội An; Sau đó sẽ loan tin cho dân ở huyện, phủ nào sẽ vây huyện lý, phủ lý huyện ấy, lấy khẩu hiệu yêu cầu quan huyện, phủ cùng dân đi xin xâu; không gây phương hại đến tính mạng và tài sản các quan phủ, huyện, tỉnh. Mục đích của phong trào là làm tê liệt guồng máy Nam triều từ cấp xã đến cấp huyện, cấp tỉnh.⁽¹⁾

Một trong những lý do Hội An trở thành điểm cuối của cuộc biểu tình chống sưu thuế được cụ Huỳnh Thúc Kháng mô tả trong tác phẩm *Cuộc cự sưu ở Trung kỳ năm 1908*, được xuất bản lần đầu tiên vào năm 1947 là: “*Hội An là thị trấn buôn bán hội tụ đông nhất tỉnh Quảng Nam. Tòa công sứ cũng đóng ở đây. Không kể dân ở các phủ, huyện trong tỉnh mà dân buôn bán ở các tỉnh lân cận cũng thường qua lại rất đông.*”

Theo dự định của những người tổ

chức thì cuộc kháng thuế diễn ra chậm hơn nhưng do một lý tưởng trong làng đã báo cáo sự việc này lên quan huyện. Từ đó, đề cuộc kháng thuế được tiến hành, các vị chủ xưởng đã quyết định phải tổ chức nộp đơn sớm khi chỉ xin được chữ ký của 35 lý trưởng ở Đại Lộc. Ngày 11/3/1908, một đoàn 400 người đã kéo đến huyện đường Đại Lộc để nhờ quan huyện chuyển giúp đơn. Quan huyện đã bỏ chạy xuống tỉnh đường để báo cáo. Sau đó, đoàn

Dù đã lùi vào quá khứ hơn 105 năm, thế nhưng sự kiện kháng thuế cự sưu ở Trung kỳ vẫn còn là vấn đề quan tâm bàn thảo của nhiều nhà khoa học trên nhiều khía cạnh. Với tư cách là trung tâm chính trị thương mại của Quảng Nam, là đích đến theo kế hoạch của những người khởi xướng phong trào cự sưu kháng thuế, Hội An có vai trò quan trọng góp phần duy trì và tạo điều kiện cho cuộc kháng thuế cự sưu bùng phát mạnh mẽ ở Trung Kỳ.

người kéo xuống tỉnh đường, trên đường đi, họ vận động người dân ven đường cùng nhau kéo về tỉnh đường (ở *huyện Điện Bàn*) rồi đi thẳng xuống tòa công sứ ở Hội An. Đến Hội An đoàn người đã lên đến con số ngàn người. Tại tòa công sứ, các ông Hứa Tạo, Trương Hoàn, Lương Châu đưa đơn kháng thuế, yêu cầu công sứ giảm sưu thuế. Công sứ Charles đã yêu cầu đoàn người ra về, sẽ xin ý kiến của toàn quyền Đông Dương và triều Nguyễn rồi giải quyết sau. Nhưng ngay chiều hôm đó, công sứ Pháp đã ra lệnh bắt những người là đại diện của đoàn biểu tình gồm Lương Châu, Trương Hoàn, Hứa Tạo, Trương Tôn, Trương Côn, Trương Đính, ra lệnh dùng gậy gộc đàn áp đoàn người.⁽²⁾ Mặc dù vậy, người dân vẫn kiên quyết bao vây tòa công sứ, cử người đi loan tin ở khắp các phủ huyện, từ đó đoàn người kéo về Hội An càng đông hơn và cuộc biểu tình kháng thuế trở thành sự kiện kéo dài đến một tháng.

Về hoạt động và qui mô của đoàn người chống sưu thuế ở Hội An, trong tác phẩm ***Cuộc cự sưu ở Trung kỳ năm 1908***, cụ Huỳnh Thúc Kháng viết “*Nhân dân các phủ huyện trong tỉnh khoai mo, cơm gói, quần rách, áo mang kéo đi từng đoàn ra Phố (Hội An), thay nhau kể ở người về giúp nhau*”. Với địa thế của một đô thị hành chính, thương mại của Hội An lúc bấy giờ đã có tác động làm cho phong trào mau chóng phát triển theo như ý kiến của cụ Huỳnh viết trong ***Cuộc cự sưu ở Trung kỳ năm 1908 như sau*** “*Vì thế, kẻ truyền đi, người đồn lại tấn kịch “nhân dân xin sưu” không cánh mà bay lan tràn rất chóng*”.

Và trong công điện ngày 13/3/1908 của khâm sứ Trung kỳ Levecque gửi toàn quyền Đông Dương cho biết “... *Nhiều người Nam ở các phủ huyện tập hợp ở nhiều nơi trong tỉnh và hàng nghìn người đã kéo đến Hội An, phản đối thuế thân và sưu dịch... Một đoàn năm, sáu trăm người đã vượt rào chắn, một hôm đã tìm cách tràn vào văn phòng công sứ, yêu cầu trả tự do cho những tên cầm đầu bị bắt. Họ đã bị đẩy lùi bằng đòn gậy và từ đó đám biểu tình luôn đông người, bị cản lại và dừng lại cách Hội An khoảng một cây số. Sáng hôm sau đến từ các làng lân cận mà họ nghỉ qua đêm và nhận tiếp tế của những người cầm đầu, họ tụ tập theo từng làng ở ven đường, nằm dài và yên lặng... ở Hội An, trên đường cách nội thành khoảng chừng một cây số, tôi đã thấy có gần hai nghìn người... Họ là dân nghèo, phần lớn là những cu li ăn mặc rách rưới...*”.⁽³⁾

Giữa lúc đoàn người chống sưu thuế đang vây tòa công sứ, thì ở các phủ huyện khác nhân dân tập trung lại bao vây các phủ đường, huyện đường Thăng Bình, Tam Kỳ, Hòa Vang... tạo nên một sức mạnh quần chúng lớn lao trong khắp cả tỉnh Quảng Nam. Ngày 22/3/1908, có 8000 người kéo đến phủ đường Điện Bàn và ép được tri phủ Nguyễn Văn Thống cùng đoàn người xuống tòa công sứ để xin xâu. Trên đường đi, tri phủ đã sai người ngầm báo cho lính tòa công sứ lên đàn áp. Đoàn người chống thuế đi đến đoạn sông Lai Nghi - Thanh Hà thì đã có 30 lính đến cứu viện cho tri phủ Điện Bàn và đàn áp đoàn người biểu tình. Bọn lính đã dùng roi, gậy gộc để đánh nhân dân và nổ súng. Quần chúng chạy tán

loạn, có 3 người ngã xuống sông Thanh Hà chết đuối, nhân dân đã tổ chức lễ truy điệu và chôn cất rất chu đáo với nhiều câu đối trên vải điều, giấy đỏ, mo cau, thẻ tre được cắm ở bờ sông Thanh Hà và ở mộ người chết.⁽⁴⁾

Cuộc kháng thuế của người dân Quảng Nam ở Hội An không chỉ góp phần mở rộng phong trào trong Tỉnh mà còn lan rộng đến cả Quảng Ngãi. Trong tác phẩm **“Cuộc cự sưu ở Trung kỳ năm 1908”**, cụ Huỳnh mô tả thêm *“Đến dịp cự sưu xảy ra, bọn buôn bán ra Hội An thấy thế truyền tin đến Quảng Ngãi là hưởng ứng...”* và thực tế đã lan rộng khắp các tỉnh Trung kỳ và kéo dài đến cuối năm 1908.

Sự kiện người dân Quảng Nam tổ chức đấu tranh kháng thuế ở Hội An đã gây nên tiếng vang lớn không chỉ ở miền Trung mà còn lan rộng khắp cả nước. Báo tiếng Pháp *Courrier de Ha Noi* năm 1908 đăng bài viết của Rogé mô tả khá chi tiết (*bản dịch của Nguyễn Q Thắng*): *“Thành phố Faifoo nhỏ bé lúc này đang là điểm nhắm của tất cả những người châu Âu sống ở Trung Kỳ thường chú tâm đến những phong trào biến động của những người An Nam. Từ hơn hai tuần lễ nay, nhiều nhóm bất mãn đã tụ tập biểu tình ở trước dinh công sứ Faifoo, nhằm mục đích lôi kéo sự chú ý của công sứ Charles đến các yêu sách của họ. Sự ngoan cố dai dẳng của những kẻ phản đối, mà số lượng mỗi ngày mỗi gia tăng, đã khiến ông công sứ hết kiên nhẫn, nên mấy ngày mới đây, ông đã ra lệnh phải làm sao chấm dứt những cuộc biểu tình đó, vì tuy chúng là biểu tình bất bạo động nhưng mọi người cũng đã hết kiên nhẫn, vì những*

kẻ biểu tình hoàn toàn gan lì trước mọi trách cứ và nhất định không chịu giải tán”. Như vậy, cuộc biểu tình này với chủ trương bất bạo động nhưng đã tạo một sức mạnh to lớn khiến cho các quan chức cao cấp nhất của Pháp ở Việt Nam lúc bấy giờ phải đau đầu xử lý và dẫn đến nhượng bộ chấp nhận giảm sưu thuế.

Theo những tư liệu trên thì người Hội An đã tham gia vào phong trào chống thuế với đoàn người biểu tình bằng cách cho người dân ngủ lại nhà qua đêm và tiếp tế lương thực trong thời gian đoàn người biểu tình tại đây, ngoài ra, tuy chưa có tài liệu nào nói đến trực tiếp nhưng chúng tôi cho rằng với vai trò của Châu Thượng Văn trong phong trào Đông Du, Cần Vương thì hẳn trong phong trào này cụ Châu Thượng Văn cũng đã góp phần sức, của để phục vụ đoàn người biểu tình. Ngoài ra, thương cuộc Quảng Nam đóng ở Hội An do các chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng, Phan Chu Trinh, Trần Quý Cáp lập ra đã có nhiều hoạt động ủng hộ kinh phí cho hoạt động kháng thuế. Thực tế khi phong trào kháng thuế bị đàn áp vào cuối tháng 4/1908 thì thương cuộc bị đóng cửa và người đứng đầu thương cuộc đã bị bắt.⁽⁵⁾

Như vậy, có thể nói rằng vị trí Hội An đã góp phần cho phong trào chống thuế ở Quảng Nam có sức lan tỏa không chỉ trong Tỉnh mà còn mở rộng ra khắp miền Trung, tạo nên một phong trào quần chúng bất bạo động có sức mạnh mạnh mẽ, rộng lớn buộc thực dân Pháp phải nhượng bộ. Người dân Hội An cũng đã góp phần lớn cho việc hậu cần, giúp đỡ đoàn người chống thuế trong thời gian một tháng

cũng như tham gia giúp giải quyết hậu sự những người bị thực dân Pháp đàn áp. Qua bài viết này, chúng tôi cũng nhận thấy rằng vẫn còn phải tiếp tục khảo sát, định vị những địa điểm di tích có liên quan đến phong trào chống thuế Trung kỳ như nhà cụ Châu Thượng Văn, Thương cuộc Quảng Nam, nhà ông Bang Toại, đoạn sông Lai Nghi nơi dân bị đàn áp... để làm cơ sở cho việc nghiên cứu, phát huy♣

*** Chú thích:**

(1), (2) Trần Viết Ngạc (2008): Phong trào chống thuế Quảng Nam - Kỳ yếu Hội thảo 100 năm Phong trào chống thuế Quảng Nam - Sở Văn hóa Thể thao Du lịch Quảng Nam, tr.57.

(3) Vân Thu (2008): *Hội An - điểm hợp quân của cuộc biểu tình kháng thuế, cự sưu 100 năm trước*, Báo Quảng Nam, Thứ sáu, ngày 04/4/2008 16:14)

(4) Ths. Lưu Anh Rô (2008): Phong trào chống thuế Quảng Nam qua hồi ức người đương thời - Tham luận in trong Kỳ yếu Hội thảo 100 năm Phong trào chống thuế Quảng Nam - Sở VH TTDL Quảng Nam xuất bản, tr 198.

(5) Đơn của bà Huỳnh Thị Lý, vợ của tú tài Mai Luyện và mẹ của cử nhân Mai Dị gửi Toàn quyền Đông Dương khiếu nại về việc bắt giữ Mai Luyện và Mai Dị cùng việc tịch thu tiền bạc của Thương hội Quảng Nam, đề tháng 11.1908 - Dẫn theo Phan Văn Hoàng: Cuộc dân biến Trung kỳ qua tài liệu lưu trữ của Pháp - Tham luận in trong Kỳ yếu Hội thảo 100 năm Phong trào chống thuế Quảng Nam - Sở VH TTDL Quảng Nam xuất bản, tr.122.

VẤN ĐỀ BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY DI TÍCH, DI VẬT KHẢO CỔ Ở HỘI AN

Võ Hồng Việt

Ngày 04/12/1999, Khu phố cổ Hội An được UNESCO công nhận là Di sản Văn hoá thế giới theo 2 tiêu chí 2 và 5. Trong đó, tiêu chí 2 nêu rõ « Hội An là biểu hiện vật thể nổi bật của sự kết hợp của các nền văn hoá qua các thời kỳ lịch sử trong một thương cảng quốc tế ». Ngoài các di tích, di vật hiện hữu trên mặt đất, kết quả nghiên cứu khảo cổ học ở Hội An trong hơn 20 năm qua đã minh chứng và ngày càng làm sáng tỏ hơn những nội dung của tiêu chí này, đặc biệt là đối với giai đoạn Tiền Sơ sử và Champa.

Tính đến nay, trên mảnh đất Hội An đã có 25 di tích/địa điểm khảo cổ cùng hàng ngàn di vật được phát hiện thuộc các giai đoạn Tiền Sơ sử như di tích Bãi Ông ở Cù Lao Chàm, di tích mộ táng An Bang, Hậu Xá II, Xuân Lâm, Thanh Chiêm và di tích mộ táng - di chỉ Hậu Xá I của phức hệ Văn hóa Sa Huỳnh; Di chỉ Đồng Nà, Trảng Sỏi, Ruộng Đồng Cao, Ruộng rau muống

chùa Bà Mụ, Lăng Bà, Bãi Làng thuộc giai đoạn Champa và nhiều di tích thuộc giai đoạn Đại Việt như Di chỉ đình Cẩm Phô, đình ấp Tu Lễ, nhà 129 Phan Chu Trinh, nhà 16 Nguyễn Thị Minh Khai, nhà số 76/18, 80, 85 Trần Phú, Hội quán Triều Châu, trường Nguyễn Duy Hiệu, trường Trần Quý Cáp, Chùa Cầu và nhà 52/2 Phan Chu Trinh và tàu đắm cổ Cù Lao Chàm.

Song song với công tác nghiên cứu, công tác bảo tồn và phát huy di tích, di vật khảo cổ ở Hội An cũng được đặc biệt chú trọng.

Trước hết, đó là kết quả nghiên cứu về các di tích, di vật khảo cổ ở Hội An đều được các nhà khoa học thông tin, giới thiệu trên các tạp chí hay trong các cuộc hội thảo chuyên ngành như Hội nghị thông báo những phát hiện mới về khảo cổ học hằng năm, đặc biệt là hội thảo khoa học về Văn hóa Sa Huỳnh ở Hội An vào năm 1995. Thông qua đây, giá trị và tầm quan trọng của các di tích, di vật khảo cổ ở Hội An từng bước được khẳng định và gợi mở ra những hướng nghiên cứu mới đầy thú vị.

Việc xây dựng hồ sơ đề nghị xếp hạng di tích các cấp nhằm tạo cơ sở pháp lý và những điều kiện tốt hơn để bảo tồn và phát huy giá trị di tích khảo cổ cũng được tiến hành thường xuyên. Hiện nay, ở Hội An có 02 di tích khảo cổ được xếp hạng di tích cấp quốc gia gồm Di chỉ Bãi Ông thuộc giai đoạn Tiền Sa Huỳnh có niên đại hơn 3000



năm cách ngày nay và di tích Bãi Làng niên đại thế kỷ VIII-X; 05 di tích được xếp hạng cấp tỉnh gồm Di tích mộ táng An Bang, Hậu Xá I, Hậu Xá II

thuộc giai đoạn Văn hóa Sa Huỳnh cổ điển và Di chỉ Trảng Sỏi, Lăng Bà Cẩm Thanh thuộc giai đoạn Champa. Bên cạnh đó, nhiều di tích cũng được khoanh vùng bảo vệ và trích lục sơ đồ đất.

Để hạn chế tình trạng xâm hại, trong những năm qua, một số di tích khảo cổ ở Hội An đã được cắm mốc khoanh vùng bảo vệ và dựng bia thông tin di tích bao gồm di tích Hậu Xá I, Hậu Xá II, An Bang và Trảng Sỏi. Thông qua hình thức này, người dân có thể hiểu rõ hơn giá trị của di tích và những quy định của pháp luật về bảo vệ di tích, tạo điều kiện cho du khách và các nhà khoa học tham quan và nghiên cứu di tích một cách dễ dàng hơn.

Về công tác tuyên truyền, đó là việc thiết lập các bảo tàng chuyên đề và biên soạn các ấn phẩm, tập gấp quảng bá giá trị các di tích, di vật khảo cổ. Năm 1994, bảo tàng chuyên đề về Văn hóa Sa Huỳnh được thiết lập nằm bên cạnh Chùa Cầu với hơn 2000 hiện vật được trưng bày giới thiệu. Đây là những hiện vật tiêu biểu khai quật được tại các di tích khảo cổ ở Hội An thuộc Văn hóa Sa Huỳnh và giai đoạn Chăm sớm. Thông qua hiện vật trưng bày, thông tin thuyết minh và sơ đồ

phân bố di tích tại bảo tàng này, người xem có thể nhận biết rõ hơn đặc điểm di tích, di vật và văn hóa Hội An giai đoạn Tiền Sơ sử và Chăm sớm. Sang năm 1995, Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch Hội An cũng ra đời. Bảo tàng này là nơi trưng bày của các hiện vật gốm sứ sưu tập được trong nhân dân và tại các đợt thám sát, khai quật khảo cổ các di tích ở Hội An thuộc giai đoạn Champa và Đại Việt, trong đó đáng chú ý là những hiện vật gốm Chu Đậu trực vớt được từ tàu đắm cổ Cù Lao Chàm và những hiện vật gốm sứ Hizen - Nhật Bản. Người xem có thể hiểu rõ hơn mặt hàng gốm sứ thương mại ở Hội An trong con đường mậu dịch quốc tế tại bảo tàng này. Ngoài ra, nhiều hiện vật khảo cổ ở Hội An cũng được trưng bày, giới thiệu tại bảo tàng Lịch sử - Văn hóa Hội An nằm ở phía sau Quan Công Miếu. 03 bảo tàng chuyên đề trên đều nằm trong khu phố cổ Hội An và được đưa vào ô vé tham quan. Hàng năm, các bảo tàng này đón hàng trăm nghìn lượt khách tham quan, nghiên cứu.

Ngoài trưng bày bảo tàng, một số hiện vật văn hóa Sa Huỳnh Hội An cũng được đưa đi trưng bày theo chuyên đề tại một số bảo tàng lớn trên thế giới như ở Mỹ, Nhật Bản,...

Bên cạnh việc thiết lập các bảo tàng chuyên đề, việc biên soạn, phát

hành các ấn phẩm giới thiệu các di tích, di vật khảo cổ ở Hội An cũng được đầu tư. Hiện tại, nhiều đầu sách giới thiệu các di tích, di vật khảo cổ ở Hội An đã được ấn hành, tiêu biểu như: Hội An khảo cổ - lịch sử (2003), Văn hóa Sa Huỳnh ở Hội An (2005), Cù Lao Chàm: Vị thế, tiềm năng và triển vọng (2006), Di tích danh thắng Hội An (2007), Di tích Danh thắng Cù Lao Chàm (2007), Nghiên cứu Hội An từ quan điểm khảo cổ (2010), tập gấp giới thiệu về các bảo tàng,...

Những di tích, di vật khảo cổ ở Hội An còn được giới thiệu trong nhiều phóng sự truyền hình, phim tư liệu của các kênh truyền hình VTV Đà Nẵng, VTV1 như: Việt Nam - Nhật Bản và những câu chuyện Phật giáo, Bóng thời gian,...

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác bảo tồn và phát huy di tích, di vật khảo cổ ở Hội An cũng còn nhiều vấn đề đặt ra cần tiếp tục thực hiện.

Trước hết đó là việc bảo quản các hiện vật khảo cổ: Do có tuổi hàng ngàn năm, đặc biệt là có thời gian dài nằm trong lòng đất nên hiện nay nhiều hiện vật khảo cổ đang xuống cấp, bị hư hoại, nhất là các hiện vật sắt nên công tác bảo quản để đảm bảo sự tồn tại lâu dài của hiện vật khảo cổ ở Hội An cần được quan tâm đầu tư thực hiện. Về vấn đề này phải chú ý đầu tư từ



phương tiện, thiết bị, phương pháp bảo quản ở kho lẫn ở phòng trưng bày.

Tăng cường sức hấp dẫn của các điểm bảo tàng chuyên đề về di vật khảo cổ đối với khách tham quan thông qua việc nâng cấp, đổi mới hệ thống trưng bày vừa trang trọng, hiện đại vừa phù hợp với không gian ngôi nhà cổ trong khu phố cổ. Bên cạnh đó cũng cần biên soạn các tập gấp, sách giới thiệu riêng cho từng bảo tàng chuyên đề với hình ảnh và màu sắc bắt mắt để phát hoặc bán cho khách tham quan. Ngoài việc nâng cấp, đổi mới hệ thống trưng bày tại các bảo tàng hiện có, đối với Hội An với mục tiêu xây dựng thành Thành phố văn hóa - sinh thái - du lịch, lấy du lịch làm trọng điểm trong cơ cấu kinh tế nên cần thiết thiết lập bảo tàng kiểu mới - bảo tàng tại chỗ để tạo ra những điểm tham quan mới, hấp dẫn và sinh động. Bảo tàng tại chỗ này trước mắt có thể thực hiện tại một điểm khảo cổ nằm trong khu phố cổ như tại nhà số 16 Nguyễn Thị Minh Khai hoặc đình Cẩm Phô.

Tiếp tục xây dựng hồ sơ đề nghị xếp hạng các cấp, trích lục sơ đồ đất và dựng bia cắm mốc cho các di tích khảo cổ.

Biên soạn các ấn phẩm giấy và điện tử giới thiệu những hiện vật tiêu biểu, giá trị đặc trưng của các di tích khảo cổ Hội An để tuyên truyền, giới thiệu đến các bạn bè xa, gần.

Hy vọng rằng trong tương lai không xa, với sự tâm huyết, nỗ lực của các cơ quan chuyên môn và sự quan tâm của chính quyền Thành phố, công tác bảo tồn và phát huy các di tích, di vật khảo cổ ở Hội An sẽ đạt được những kết quả mới.

PHONG TỤC CƯỚI HỎI Ở HỘI AN

Nguyễn Chí Trung

Ý thức được tầm quan trọng của hôn nhân - cưới hỏi đối với một đời người, cha ông ta đã đặt ra những lễ nghi trang trọng, thiêng liêng để tạo ra những dấu ấn không phai trong tâm khảm của đôi vợ chồng trẻ, qua đó tạo cho họ ý thức về trách nhiệm và nghĩa vụ đối với nhau, cũng như đối với gia đình, con cái, với dòng họ gia tiên. Tuy nhiên, theo nhận biết của chúng tôi, ở Hội An - xứ Quảng trước đây, hôn nhân - cưới hỏi có phần giản lược hơn về một số lễ tục so với một số địa phương ở phía Bắc và ngay cả vùng Thừa Thiên - Huế.

Trước hết, việc dựng vợ, gả chồng hầu như là do cha mẹ, ông bà quyết định (*cha mẹ đặt đâu con ngồi đó*), trai gái không có quyền tự do tìm hiểu bạn đời và định đoạt hôn nhân cho mình (*nam nữ thụ thụ bất tương thân*). Vì theo quan niệm, hôn nhân là để nối dõi giống giống, việc cưới hỏi không chỉ là của bản thân mà liên quan cả dòng họ, do đó cha mẹ, cả họ hàng đều tham gia ý kiến việc lập gia đình của đôi trai gái. Yếu tố đòi hỏi “*môn đăng hộ đối*”

(liệu cơm mà gấp mắt ra/ liệu cửa liệu nhà mới gả con cho) luôn được đặt ra, cũng là một rào cản đối với hôn nhân. Mặt khác, cũng cần phải nói rằng trong xã hội phong kiến “môn đăng hộ đối” lại phần nào giúp tránh được sự khinh rẻ lẫn nhau do phân biệt giữa giàu nghèo; chức dịch với thường dân; học ít với không có học... tạo được sự công bằng, bình đẳng giữa cặp trai - gái và cả hai bên gia đình; tạo được sự đồng cảnh, cảm thông, tránh các mâu thuẫn sau khi hôn nhân. Hơn nữa, vì người phụ nữ là người sinh con cháu cho nhà chồng nên họ được chú ý lựa chọn cho việc sinh “con đàn cháu đống”, để dòng họ luôn phát triển đông đúc, bền vững (mua heo chọn nái, kén gái chọn dòng). Trong dựng vợ, gả chồng cho con tuyệt đối kiêng kỵ việc những người bà con, người cùng một họ mà không xác định được gốc tích.

Đối với bà con bên ngoại của cả hai bên, khác họ thì có phần nhẹ nhàng hơn khi đã xuống 3 đến 5 đời. Tuy nhiên cũng khó được chấp nhận vì đối với cư dân Hội An bên ngoại cũng có ý nghĩa thiêng liêng, gần bó gần gũi không khác gì bên nội. Đối với bà con người Hoa có điểm khác là người ta khuyến khích con trai lấy vợ người Việt, con gái lấy chồng người Hoa. Nghĩa là tăng số lượng con dâu, sui gia, thông gia với người Việt mà hạn chế con gái mình về làm dâu người Việt (bởi xuất phát từ quan niệm, con gái là con người ta, con dâu mới là con mình).

Cưới hỏi tuy có nhiều nghi tiết, nhưng cũng tùy thuộc vào hai bên gia đình mà có thể thêm hay giảm bớt, song vẫn phải trải qua trình tự các lễ sau:

Khi hai bên đã dò hỏi tuổi tác và



đến thầy xem được tuổi hợp rồi, mới nhờ một người thân thiết với bên nhà gái và sắm trâu, rượu đến nhà **nhờ làm mai**. Có nhà người ta chọn cả ông làm mai nhưng phải là người có đức vọng, còn đủ vợ chồng, con cái song toàn. Ông/bà mai không những làm cầu nối giữa hai họ đi đến hôn nhân của con cái, mà còn là người hòa giải sau này nếu có việc gì trắc trở giữa vợ chồng và hai họ. Vì ngày xưa, chưa có lệ khai giá thú nên ông/bà mai còn là chứng nhân của việc thảo kiện khi có việc ly dị hay vợ chồng kiện cáo nhau. **Lễ bỏ trâu cau** là lễ đầu tiên của nhà trai đến nhà gái, là ngày nhà trai gồm có cha mẹ, anh, chị hoặc ông bà khoảng 3 - 5 người, nếu không có thì phải là người thân nhất, có quyền quyết định đến việc hôn nhân của người con trai, sắm lễ trâu - cau - rượu cùng ông/bà mai đến nhà gái và hai bên bàn bạc để thống nhất việc dựng vợ gả chồng cho con (*lễ bỏ trâu cau tục còn gọi là "hàng rào sưa"*). Sau đó là đến **lễ hỏi** (*còn gọi là lễ vấn danh*), trong lễ này, nhà trai với thành phần đầy đủ gồm cha, mẹ, ông, bà, bác, chú, cô, dì, cậu... tức là những người thân ruột của cha - bên nội và của mẹ - bên ngoại, chọn cho đủ đôi, đủ cặp, những người song toàn, số lượng ít cũng được 5 - 6 cặp/đôi trở lên (*thường họ chọn cho đủ số cặp/đôi là số rơi vào chữ sinh thay chữ lão - theo sinh - lão - bệnh - tử*). Nếu vì hoàn cảnh neo đơn có thể mượn những người thân hữu, ân nhân đi giúp. Lễ vật có trâu - cau, trà - rượu, một đôi bông tai (*giàu thì đi vàng, còn nghèo thì đồng xúng*). Sau lễ hỏi, hai

bên (*trai, gái*) chính thức đi lại và công khai với họ hàng - làng xóm và nhà trai chính thức nhờ thầy xem ngày giờ để tổ chức lễ cưới. Tiếp đến là **lễ cưới**, trong lễ cưới có trâu - cau, trà - rượu, tiền heo - tiền giẻ. Tiền heo là của nhà trai đem đến cúng ông bà bên nhà gái và đãi khách. Tiền giẻ là cho cô dâu may áo quần lúc về nhà chồng. Tiền sính lễ hoặc là ruộng, vườn, nhà... Heo có nơi mang theo y con bỏ vào cũi khiêng đến. Tất cả đều ghi rõ trong tờ **hôn thư**. Kèm theo các lễ vật này phải có ít nhất cái vòng xuyên (*bằng vàng thiệt, hoặc nghèo cũng phải bằng bạc*). Trước ngày định lễ cưới phải có **lễ thỉnh kỳ** của nhà trai gồm cha mẹ hoặc anh em khoảng 3 - 5 người có ông/bà mai cùng đến nhà gái làm thủ tục "*xin y hạn*" (*thực chất 2 bên gặp gỡ cùng bàn bạc, rà soát lại công việc chuẩn bị hôn lễ để đi đến thống nhất thực hiện*). Đặc biệt, tại lễ này nhà trai trao đầy đủ vật dẫn cưới: Tiền heo, tiền giẻ, vật sính lễ (*ruộng, vườn, nhà...*) theo đúng như lời ghi trong hôn thư. Trong lễ cưới thì có hai cách, một là sau khi cưới thì **rước dâu**; hai là sau khi cưới thì **gởi rể**, việc này do ông/bà mai cùng hai bên cha mẹ tùy vào tình hình, hoàn cảnh cụ thể của mỗi nhà mà thống nhất, quyết định. Trước ngày cưới, nhà trai cũng như nhà gái phải có bữa **hội thân** (*hay còn gọi là nhóm họ*), sắm lễ trước là cáo, cúng ông bà tổ tiên, sau là mời bà con nội ngoại, thân hữu, hàng xóm, láng giềng của cha mẹ. Ngày cưới họ nhà trai thành phần đi **dẫn cưới** (*sau này gọi là rước dâu*) cũng giống như khi đi lễ hỏi.

Điều quan trọng là phải sắp xếp thời gian đi làm sao để vào nhà gái đúng giờ đã quy định. Lễ vật đem đến chỉ có trầu - cau - rượu - trà - đèn giắc/trâm để làm lễ cúng (*còn mọi đồ dẫn cưới: Tiền heo, tiền giẻ, vật sinh lễ: Ruộng, vườn hoặc nhà... thì đã đi trước tại lễ thỉnh kỳ*). Lễ vật dẫn cưới cũng như khi đi lễ hỏi phải được đựng vào những cái hộp tròn, sơn đỏ - gọi là **quả**, trên phủ khăn đỏ có chữ song hi - thường phân thành 3 quả hoặc 5 quả (*5 quả gồm trầu - cau, kim - ngân, trà - rượu, đèn - giắc/trâm; nem - chả*). Khi đến cổng ngõ của nhà gái thì phải cho một người đại diện bưng khay đựng ve rượu, 2 ly, đĩa trầu tèm sẵn vào nhà gái, lật ly, rót rượu, mời trầu, xin thưa... gọi là **trình giờ** (*báo đã đến giờ, họ nhà trai xin cho vào nhà làm thủ tục cưới*)

Sau khi họ nhà trai vào nhà, đại diện họ nhà gái nhận lễ rồi lấy trầu - cau, rượu - trà, đèn - giắc/trâm dâng/đặt lên bàn thờ gia tiên làm lễ cúng. Cúng xong, cho cô dâu ra trình họ và nhà trai cho của **thăm dâu**.

Hoàn tất nghi lễ họ nhà trai ra về, chú rể, ông/bà mai ở lại để cùng đi với họ nhà gái - **đưa dâu/ dẫn dâu**. Tục sau này có thay đổi gọi là rước dâu - tức là họ nhà trai cùng họ nhà gái, ông/bà mai và cô dâu, chú rể cùng đi/rước về

nhà trai một lần. Riêng cha, mẹ cô dâu không đi cùng đoàn mà đi riêng đến sau. Thành phần tham gia đưa dâu/rước dâu của họ nhà gái cũng giống như họ nhà trai (*thông thường nhà trai có vai vế nào thì nhà gái cũng cố gắng đưa ra thành phần đủ vai vế như họ nhà trai*). Việc đưa dâu/rước dâu về nhà trai, nhập/vào nhà cũng phải theo đúng giờ đã định trước. Trường hợp cô dâu/gái có thai trước thì phải gửi rể hoặc nếu rước thì phải đi vào nhà trai bằng ngõ sau, rồi đi từ dưới bếp lên. Ở nhà trai, họ đặt giữa nhà, phía trước bàn thờ một bàn án gọi là cáo **trung đình** (*có nơi gọi là bàn ông Tơ - bà Nguyệt*). Khi chú rể cùng cô dâu bước vào nhà, họ nhà trai chọn một ông trong họ có đức vọng và con cháu đông đúc đứng làm lễ Trung đình - cô dâu, chú rể đến lạy. Có nhà còn có lễ giao bôi (*chú rể bưng chén rượu đưa cho cô dâu uống, cô dâu đưa cho chú rể miếng trầu ăn - với ý là hòa hợp đoàn viên*). Sau đó lạy ông bà, tiếp đến lạy tạ ông/bà mai, cha mẹ, ông bà nội/ngoại. Sau phần nghi lễ là phần



ông/bà, đại diện bên nội, bên ngoại của cả hai bên và các bác, chú, cô, cậu dì, anh chị em của cô dâu, chú rể lên trao quà cưới cho cô dâu và chú rể (*ở đây có thể là vàng/bạc hoặc phong bì tiền...*), thông thường họ nhà gái cho trước, họ nhà trai cho sau. Tiếp theo là phần tiệc mừng của họ nhà trai cùng họ nhà gái. Tiệc xong thì họ nhà gái ra về, cô dâu, chú rể phải ra đứng tại cổng/ngõ có khay trầu - rượu - thuốc để tiễn đưa, một số người thân của cô dâu thường lì xì cho cô dâu ít tiền gọi là làm phước. Lễ cưới chấm dứt, sau 3 ngày làm lễ **phản diện** (*có nhà gọi là lễ lại quả*), cha mẹ chồng bày một lễ nhỏ: bánh, rượu, trà, đi cùng cô dâu, chú rể, ông/bà mai đến nhà gái. Lễ vật này đặt lên bàn thờ cúng ông bà bên nhà gái để tạ ơn. Trường hợp gửi rể thì sau khi dẫn cưới chú rể ở lại nhà vợ, không phải đưa/rước dâu.

Trên đây là những nét cơ bản của nghi lễ hôn nhân - cưới hỏi, tùy theo hoàn cảnh, sự thỏa thuận của cả đôi bên (*họ nhà trai - họ nhà gái*) mà có thể có những thay đổi thêm - bớt. Ngoài ra trong quá trình tiến hành hôn lễ còn nhiều điều kiêng kỵ mà mọi người trong gia đình phải lưu ý như: không để ly, đĩa, chén, tách... bị vỡ/ bể; nhánh cau dẫn cưới không cho đứt/ rút trái nào; người có tang không mời đi họ dẫn cưới hay đưa dâu; khi đám cưới tránh đi ngang qua lăng miếu mà đi quanh hay đi sau lưng; số người đi họ dẫn cưới hay đưa dâu phải là số chẵn, theo từng cặp; các đồ lễ dẫn cưới không được đem đến nhà người khác để♣

TRÚ VĨNH BIÊN VÀ QUAN HỆ GIAO LƯU VĂN HOÁ TRIỀU TIÊN – VIỆT NAM Ở HỘI AN VÀO THẾ KỶ XVII

Trần Văn An

Gần đây, nhờ sự mở rộng hợp tác quốc tế trên lĩnh vực nghiên cứu khoa học nên nhiều tư liệu nước ngoài liên quan đến quá trình giao lưu văn hoá, trao đổi kinh tế giữa Hội An, Đàng Trong nói riêng, Việt Nam nói chung với các nước trong khu vực và trên thế giới dần được tìm thấy và giới thiệu, công bố rộng rãi. Trong số đó có một loại tư liệu nói về tàu thuyền các nước bị tai nạn khi đi lại trên biển và phiêu dạt đến Việt Nam, trong đó có Hội An. Đây là những tư liệu chứa đựng nhiều thông tin thú vị liên quan đến đất đai, phong thổ, sinh hoạt văn hoá của vùng đất nơi những nhà du thám “*bất đắc dĩ*” buộc phải đặt chân đến. Có thể kể một số tác phẩm loại này đã được công bố như Hải Nam tạp trứ ⁽¹⁾ của Thái Đình Lan, người đời Thanh, Trung Quốc; Dị quốc phiêu đăng ký văn ⁽²⁾; An Nam quốc giang phong tục tả sinh đồ ⁽³⁾ của Nhật Bản; Trú Vĩnh Biên của Triều Tiên... Trong đó, Trú Vĩnh Biên có thể coi là một tư liệu sớm nhất đề

cập đến sự có mặt của người Triều Tiên ở Hội An, Đàng Trong nói riêng, Việt Nam nói chung.

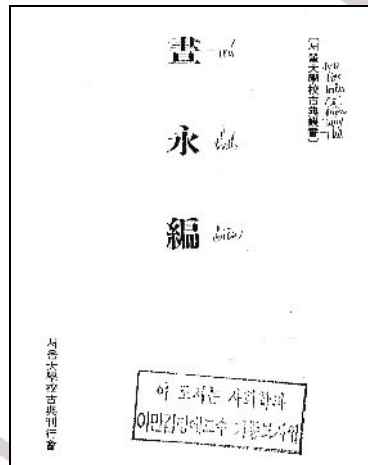
Trú Vĩnh Biên là một cuốn sử của triều đình phong kiến Triều Tiên trong đó ghi lại câu chuyện vào tháng 10 năm Đinh Mão (1687), một số người dân đảo Tế Châu, Triều Tiên trên đường làm nhiệm vụ bằng thuyền đã bị gió bão đánh phiêu dạt đến một địa phương xa lạ mà sau này xác định mới biết đó là Hội An nước Đại Việt. Nơi thuyền những người Tế Châu tấp vào chính là Cù Lao Chàm. Họ được những cư dân xứ đảo này cứu giúp, cho nước uống, lương thực và đưa vào trình diện quan sở tại ở Hội An. Tư liệu cho biết: *“... Lúc đó, gió lớn lại nổi lên, phải khó khăn lắm những người dân địa phương mới đưa họ lên được bờ. Tất cả được dẫn vào làng thuộc phủ Minh Đức, quận Hội An, được đưa đến trước viên quan mặc áo đen, đội mũ làm bằng đuôi lông ngựa. Người này ngồi trên ghế và viết hỏi đáp. Viên quan nói, đại ý: “Thái tử nước chúng tôi trước đây bị người Triều Tiên giết nên giờ đây phải giết các người để báo thù”. Những người Tế Châu khi đọc được những dòng chữ đó đều khóc rống lên. Bỗng nhiên một phụ nữ mặc đồ lụa, đeo dây trang sức xuất hiện. Đó là người đàn bà dài tóc, từ bà toả ra hương thơm kỳ lạ. Cầm*

lấy bút bà viết: “Các người đừng khóc, nước ta vốn không sát hại người, các người có thể ở lại, nếu không thì cứ đi”. Sau cuộc tiếp xúc đó những người Tế Châu được đưa trở lại hòn đảo mà họ đã đến lúc đầu là Cù Lao Chàm ngày nay” ⁽⁴⁾.

Tư liệu này cũng cho biết, đoàn người bị nạn gồm 24 người, sau đó ba người bị chết do uống nước lạnh khi mới được cứu. Những người còn lại được người dân địa phương cũng như chính quyền giúp đỡ tiền, gạo, được đi lại tự do các nơi, do vậy có điều kiện chứng kiến tận mắt cảnh vật nơi đây và đã ghi chép lại trong Trú Vĩnh biên. Sau gần 10 tháng ở lại Hội An, vào tháng 7 năm 1688 nhờ sự giúp đỡ của một thương nhân Trung Quốc có tên là Châu Hán Nguyên và chủ thuyền Trần Hữu Ly cùng với sự bảo hộ của triều đình chúa Nguyễn mà cụ thể là ban cho họ 600 lạng bạc và cử Minh

Đức hầu làm thư gửi chính quyền phong kiến Triều Tiên thông báo sự việc xảy ra, những người Triều Tiên bị nạn đã được lên thuyền để về nước và mất gần nửa năm lênh đênh trên biển họ mới đặt chân lên được mảnh đất quê nhà. ⁽⁵⁾

Sự kiện những người Triều Tiên phiêu dạt đến Hội An và những diễn biến xung quanh sự kiện này, ngoài những giá trị về mặt lịch sử nó còn góp





phần khắc họa rõ nét tính cách thuần hậu, nhân ái của cư dân Hội An trong việc sẵn sàng cứu giúp những người phương xa sa cơ lỡ bước. Đồng thời, sự kiện này có thể xem là một mốc son trong quan hệ hữu nghị giữa hai dân tộc Việt - Triều. Không phải gần đây khi quan hệ ngoại giao Việt - Triều, Việt - Hàn được thiết lập thì mối quan hệ hữu nghị, sự giao hảo giữa hai dân tộc mới có dịp thắt chặt mà từ rất sớm mối quan hệ giao hảo này đã được vun đắp bằng những cuộc gặp gỡ, trao đổi thơ văn giữa các sứ đoàn Việt Nam - Triều Tiên tại triều đình Trung Quốc, bằng sự di cư của Lý Long Tường và sự phát triển của hậu duệ nhà Lý ở Triều Tiên, bằng sự có mặt của những người Triều Tiên ở Hội An và việc họ được giúp đỡ để về nước an toàn... Quan hệ giao lưu kinh tế, văn hoá Việt Nam - Triều Tiên cũng đã diễn ra khá sớm ở Hội An qua việc tìm thấy khá nhiều tiền đồng Triều Tiên bên cạnh

các loại tiền đồng Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, ở sự chiếm lĩnh thị trường Hội An của sâm Cao Ly từ rất lâu đời: *“May mô tí nữa thì lắm, khoai lang khô xắt lát mà tưởng sâm Cao Ly bên Tàu”*. Quan hệ giao lưu văn hoá này cũng đã diễn ra khá sôi nổi với sự có mặt của các quân nhân Hàn Quốc, Triều Tiên ở Việt Nam nói chung, Hội An nói riêng trước đây, kèm theo đó là sự phổ biến của các món ăn kim chi, môn võ Taekwondo, các hình thức múa dù, múa quạt kiểu Hàn Quốc. Và cũng không loại trừ có thể có những cuộc hôn nhân Hàn/Triều - Việt và những đứa con đã ra đời từ các cuộc hôn nhân này...

Hội An là tụ điểm giao lưu văn hoá, là nơi gặp gỡ giữa các nền văn hoá trong một thương cảng cổ. Đây chính là một trong những giá trị nổi bật toàn cầu của Di sản Văn hoá Hội An. Trong các mối quan hệ giao lưu đó có mối quan hệ giao lưu Triều

Tiên/Hàn Quốc - Việt Nam mà lâu nay chưa được chú ý nghiên cứu, tìm hiểu. Trú Vĩnh biên ⁽⁶⁾ là một tư liệu nhắc nhở chúng ta về vấn đề này♣

*** Chú thích:**

(1) Trần Ích Nguyên - Thái Đình Lan và tác phẩm Hải Nam Tập Trứ, Nxb Lao Động 2006. Trong sách Hải Nam Tập Trứ, Thái Đình Lan có đề cập đến Cù Lao Chàm mà ông gọi là Chiêm Tất La, thành phố Huệ An (*Hội An*); phong cảnh Quảng Nam, núi Tam Thai v.v...

(2) Là cuốn sách nằm trong tập Ngoại quốc từng thư, tập hợp một số ghi chép trong quá trình phiêu dạt đến các vùng đất An Nam, Quảng Đông thời Mạc Phủ. Xem Trần Thị Xuân - Du ký của người Nhật liên quan đến Việt Nam, tạp chí Xưa Nay, tháng 2/2013, tr. 25 - 29.

(3) Tác phẩm gồm 50 bức hoạ màu mô tả sinh động cuộc sống, phong tục tập quán, con người ở An Nam, Quảng Đông của thuyền trưởng Thanh Tạng (Nhật Bản), vẽ vào thế kỷ XVIII khi ông cùng thủy thủ đoàn bị tai nạn trôi dạt đến An Nam, Quảng Đông. Xem thêm Trần Thị Xuân, bđd.

(4) Ngoài những thông tin liên quan đến vụ trôi dạt của người Triều Tiên, chi tiết về phủ Minh Đức ở Hội An và người đàn bà quý phái có mùi thơm kỳ lạ có thể liên quan đến một nhân vật là Minh Đức Vương thái phi, vợ của chúa Tiên Nguyễn Hoàng (*vợ thứ*) mẹ của Nguyễn Phúc Khuê. Vấn đề này sẽ được trình bày ở dịp sau.

(5) Theo Thanh Lê - Về những người dân Triều Tiên trôi dạt đến Hội An thế kỷ XVII, báo An ninh Thế giới, số 657/2007, tr28 - 29. Bức thư của Minh Đức hầu gửi Triều Tiên ghi lại khá rõ diễn biến sự việc, nên trích lại ở đây để tham khảo: “Minh Đức hầu, Ngõ Vĩ nước Đại Việt phụng mệnh lòng tốt của vua để đưa những người gặp nạn trên biển trở về quê quán”. Lý do của việc này như sau: Tháng 10 năm Đinh Mão (1687) một chiếc thuyền nhỏ gặp bão bị trôi dạt vào Đại Việt. Bản quốc hỏi 24 người trên thuyền và họ trả lời rằng họ là người Triều Tiên, đi buôn bán bất ngờ bị bão lớn, thuyền bị vỡ và hàng hoá mất... Sau khi kiểm tra biết họ là người của quý quốc. Bản quốc lấy làm thương cảm vì họ là người của một nước thân cận. Đức vua của bản quốc có lòng nhân đức muốn cứu người nên đã dành sự tiếp đãi đặc biệt, cung cấp tiền, lương thực, cho ở lại bình an ở xứ Hội An.

Không may ba người do bị bệnh mà chết, 21 người còn lại, bản quốc có ý định chờ gió Nam đưa họ lên thuyền trở về quê hương. Nhưng toàn là thuyền thuộc Quảng Đông, Phúc Kiến hoặc là thuyền đi về phía biển Nhật Bản. Bản quốc định gửi những người này đi theo thuyền đi Nhật Bản nhưng biển xa và rộng, mà những thuyền đi Nhật này không vững chãi e rằng ước mong trở về quê của người bị nạn sẽ không trở thành hiện thực.

Vì chưa chắc chắn, bản quốc còn phải đắn đo, thì lúc đó thuyền buôn phủ Ninh Ba, nước Thanh đã cập bến Đại Việt hồi tháng 3. Thuyền ấy là một thuyền buôn chuyên chở hàng cho khách, nhưng thật may mắn, chủ thuyền Trần Hữu Ly và thương nhân Châu Hán Nguyên khi thấy 21 người bị nạn này mong muốn trở về quê hương thì đã thương cảm trước những nỗi cô đơn của những người bị lưu lạc nơi đất khách quê người nên đã quyết tâm làm việc nghĩa.

Bản quốc được biết 2 người này đã chuyển hàng của khách sang thuyền khác sử dụng thuyền của mình để chở những người phiêu dạt này trở về quê quán tại Triều Tiên, giúp họ thực hiện được ước vọng của mình.

Trên nguyên tắc, bản quốc tất phải gửi thông điệp, nên xin gửi thư này. Vâng lệnh của vua nước Đại Việt và căn cứ quy định của nơi quản lý thuyền buôn thuộc phủ Ninh Ba, bản quốc quyết định cho chủ thuyền và thuyền viên đó chở những người bị nạn trở về quê quán. Đồng thời để chủ thuyền Trần Hữu Ly xuất tiền tu sửa thuyền, thuê người thông thạo dẫn đường và lái thuyền. Ngoài việc tu sửa ra, bản quốc còn cung cấp lương thực, rau và kinh phí dùng hàng ngày cho họ.

Sau đó, ngày 22 cùng tháng, chủ thuyền cùng thuyền viên đã nhổ neo và khởi hành rồi. Chỉ vì lo luật lệ cửa khẩu nghiêm ngặt, bản quốc viết thư gửi đến quý quốc. Mong quý quốc điều tra làm sáng tỏ.

Bản quốc xin quý quốc trực tiếp trao thư trả lời cho chủ thuyền đã mang thư này trở về bản quốc để giải tỏa lòng mong đợi. Và mong quý quốc sẽ sửa chữa thuyền, thật là may mắn nếu thuyền này quay lại trong thời gian sớm nhất.

Ngày 22 tháng 7 năm Chính Hoà 9 (1688)

(6) Bản sao tài liệu này hiện lưu trữ tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hoá Hội An (do một đoàn nghiên cứu văn hoá Hàn Quốc cung cấp).

HỘI AN QUÁ TÁC PHẨM “HẢI NAM TẬP TRÚ” CỦA THÁI ĐÌNH LAN⁽¹⁾

Ngô Đức Chí

Danh từ « Hội An » từ lâu đã được nhắc đến trong nhiều tài liệu của các nhà truyền giáo, những ghi chép của các nhà buôn... Dưới con mắt của một nho sĩ, Thái Đình Lan cũng có những cảm nhận riêng về mảnh đất và con người nơi đây. Trong bài này chúng tôi sẽ giới thiệu về mặt tư liệu của tác phẩm « Hải Nam tập trú » và những mô tả của Thái Đình Lan về Hội An trong thời gian ông lưu trú tại đây.

Thái Đình Lan sinh năm 1801 mất năm 1859 người Bành Hồ, Trung Quốc. Năm Quang Đạo thứ 15, tức năm 1835, Thái Đình Lan thi đậu hương tiến, thi xong ông đáp thuyền từ Phúc Kiến về Đài Loan, không ngờ gặp bão tố, mấy phen thập tử nhất sinh, may cuối cùng thuyền dạt vào Cù Lao Chàm, sau đó được người dân đi

biển đưa đến bờ biển Thới Cẩn thuộc phủ Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Tin này được báo lên triều đình, vua Minh Mệnh châu phê cho Thái Đình Lan như sau: “Viên này xuất thân văn học không may bị tai nạn gió bão, đồ dùng hành lý mất sạch thật đáng thương. Trước đã được quan địa phương cấp phát tiền gạo, ngoài số ấy, nay gia ân thưởng thêm cho tiền 50 quan, gạo 20 phượng để có mà chi dùng qua ngày...”

Những chuyện mắt thấy tai nghe trong chuyến hành trình này được ông ghi chép rất cẩn thận trong tác phẩm của mình. Khi thuyền ông dạt đến Cù Lao Chàm thuộc bờ biển của Quảng Nam, ông viết:

“Chiều tối khi mặt trời sắp lặn, từ xa nhìn thấy dưới đụn mây nổi thấp thoáng có một vệt đen dường như dính vào mặt nước mà không chuyển động, lơ mơ như hình ngọn núi! Qua một đêm, đến khi trời sáng mây tan thì thấy đá chồng lên dựng nháp nhô đã hiện lên rõ một trước mắt, cách thuyền chỉ chừng một dặm. Bấy giờ mới thấy rõ đó là ba hòn đảo nhỏ bên trên có cỏ

cây xanh tốt, bên rìa đảo có nhiều tảng đá chông hình thức rất hiếm ác. Thuyền theo thủy triều dập dờn mà trôi vào, nhận ra các con thuyền đang đi tới đều là thuyền giáp bản, thuyền giáp bản tức là tên thuyền nước ngoài. Nhìn kỹ thì thấy ở cửa khẩu đảo lớn có nhiều cột buồm tua tủa, biết đó là một cảng lớn, mọi người trên thuyền đều cuống cuống vui mừng, đều quỳ cả xuống thuyền, ngược nhìn lên mà tạ ơn ông trời, xé trưa nổi lên mấy cơn gió nhẹ, rồi mây đen ùn ùn kéo đến, vừa gió mưa, vừa trên dưới mờ mịt sương mù, mấy hòn đảo như lùi ra xa tít, ngay phía trước mà không thể nhìn rõ nữa. Dòng thủy triều thì chảy xiết, sóng tung lưng trời, hết xô đầu thuyền lại dập đuôi thuyền, tiếng sóng vỗ nổ vang như sấm... Một lúc sau thì gió nhẹ mưa tan, các con sóng cũng dịu dần rồi lặng hẳn. Tôi nhào ra ngoài khoang thuyền thấy mặt trăng đã mọc lên từ phương đông, giữa màn mây tối đen đã thấy mấy vệt sáng trời lấp loáng. Nheo mắt nhìn kỹ thấy mấy hòn đảo chụm thành một cụm, mà nhìn

ngang thì như một dải chạy dài từ nam đến bắc, thuyền chúng tôi có thể vào đấy dễ nhờ. Thả dây chuông xuống đo thử, thấy nước chỉ sâu chừng hai ba trượng, mà bên dưới toàn cát mịn, chủ thuyền bèn cho thả neo đậu thuyền. Bấm đốt tay mà tính thì lúc này là đêm ngày 11 tháng 10. Mờ sáng hôm sau thấy một thuyền đánh cá đi qua hô gọi, không hiểu họ hỏi gì vì không biết tiếng, thấy dùng ngón tay viết hai chữ “An Nam”. Một lát sau lại có một thuyền nhỏ chèo đến, trên thuyền có một người biết nói tiếng Hoa, tự xưng là Đường nhân, người An Nam gọi người Trung Quốc là Đường nhân. Họ lên thuyền nghiêm giọng hỏi:

- Các ông từ Trung Quốc đến phải không? Không biết luồng cảng sao đến được đây?

- Chúng tôi trình bày thực tình bị nạn. Các ông quan Việt Nam nghe xong đều lắc đầu thề lười nói: không có thần linh phù hộ làm sao được thế? Hòn đảo nhỏ nơi các ông dạt vào là đảo Chiêm Tất La tức là Cù Lao Chàm



ở Quảng Nam. Hai phía đông tây đảo dòng chảy rất xiết, giữa có một luồng vào cảng rất hẹp, nhưng nếu thuyền không nhân theo hải triều thì không vào được, húc đá là chìm ngay! Theo hướng tây rồi chuyển về hướng nam thì vào được trong cảng. Cột buồm bị gãy mà chèo ngược dòng thì không tới được. Suốt một dải từ đông sang tây, đến chỗ này là nguy hiểm nhất, đáy biển đều là đá và đụn cát ngầm. Đụn cát ngầm dài mấy chục dặm, đường luồng vào cảng thì quanh co, ngay cả những dân chài nhiều tuổi cũng không biết chắc, thuyền húc vào là lập tức tan tành!”.

Thoát được nạn trên biển Thái Đình Lan theo đường bộ từ Quảng Ngãi về Trung Quốc, khi qua đất Quảng Nam có lưu trú lại vài ngày. Ông đã mô tả về khung cảnh và con người ở đây như sau:

“Đến chợ Ván đi 160 dặm nữa đến tỉnh thành Quảng Nam tục gọi là Huệ An⁽²⁾; thành tỉnh ấy tục gọi là thành Quỳnh, dừng nghỉ ở nhà người trưởng phố là Hồng Định quê huyện Đồng An tỉnh Phúc Kiến. Cách thành tỉnh 20 dặm là phố Huệ An người Trung Quốc ở đây rất đông. Ở đây có dinh thự cũ của quan Vận chuyển sứ, rất rộng lớn, trong dinh thờ quan Vận chuyển sứ của triều trước, người Trung Quốc dâng cúng đèn hương phần nhiều đều bắt lợi, nay trả về cho người bản địa trong giữ, nhưng thường khóa cửa không cho ai vào. Đi đường trên đất Quảng Nam, thấy lúa má tươi tốt, những chân ruộng mạ mới gieo xanh mượt như nhung, cò trắng đậu giữa đồng im phăng phắc không cử động, những rừng cây mờ xa tít tắp.

Ngoài ra, trong thời gian Thái Đình Lan lưu trú lại ở hai tỉnh Nam - Ngãi, ông đã gặp gỡ với nhiều nho sĩ, cũng như quan lại của địa phương, trong đó có Phan Thanh Giản lúc bấy giờ đang giữ chức quan tuần phủ Nam Ngãi. Ông đã viết về Phan Thanh Giản như sau:

“Phan công là người tài học uyên bác, tính tình khiêm tốn nhã nhặn, một ngày hôm ấy mời tôi nói chuyện hai lần, tặng tôi năm quan tiền cùng mấy thứ trà, bánh. Tôi có làm thơ xướng họa cùng Phan công. Sáng hôm sau Phan công sai thuộc hạ cầm danh chỉ đưa tôi đi đường”.

Từ Hội An ông tiếp tục hành trình ra kinh thành Huế. Ông được yết kiến vua và từ đó ông trở về Trung Quốc, trên đường đi ông đều ghi chép cẩn thận những sự việc mắt thấy tai nghe của mình.

Qua tác phẩm *Hải Nam tạp trí* chúng ta thấy được tinh thần lạc quan của tác giả, trước những hiểm nguy cận kề cái chết mà ông vẫn viết và đề lại cho đời sau một nguồn tư liệu quý. Thiết nghĩ, tác phẩm *Hải Nam tạp trí* là một tác phẩm có giá trị lịch sử, là ấn phẩm bổ sung tư liệu về cảng thị Hội An vào giữa thế kỷ XIX cần được phổ biến để phục vụ cho công tác nghiên cứu về văn hóa lịch sử Hội An♣

* Chú thích:

(1) Ngô Đức Thọ, *Thái Đình Lan và tác phẩm Hải Nam tạp trí*, NXB Lao động Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ đông tây, 2009.

(2) Không hiểu vì sao tác giả lại ghi là “Huệ An”, có lẽ tác giả đã ghi nhầm từ “Hội” sang từ “Huệ” hoặc có sự nhầm lẫn khi sao chép tác phẩm.

NHỮNG THÔNG TIN MỚI VỀ CHÙA KIM BỬU

Tống Quốc Hưng

Chùa Kim Bửu (*Kim Bửu tự* 金寶寺) được đánh giá là một trong những ngôi chùa làng có quy mô bề thế, có lối kiến trúc cổ xưa gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của làng Kim Bồng xưa, xã Cẩm Kim ngày nay. Hơn thế nữa, nơi đây còn ghi dấu những sự kiện quan trọng về quá trình đấu tranh cách mạng của Cẩm Kim nói riêng, của Hội An, của Quảng Nam nói chung. Do đó, trong nhiều năm qua trong khi tìm hiểu, nghiên cứu về làng mộc Kim Bồng các nhà nghiên cứu đều có những khảo sát, đánh giá về vai trò của di tích tôn giáo quan trọng này. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn những vấn đề liên quan đến ngôi cổ tự vẫn chưa được làm sáng tỏ, cụ thể là niên đại ra đời và tên gọi “*Bửu Kim tự*” (寶金寺) của ngôi chùa...

Mới đây, trong quá trình xử lý, dịch thuật các tư liệu Hán - Nôm về Phật giáo ở Quảng Nam, chúng tôi đã tìm thấy nhiều nội dung liên quan đến chùa Kim Bửu từ tập “*Long Thơ Tịnh Độ*” (龍舒淨土) được đại sư Thiệt Uyên (實淵) hiệu Trí Bảo trụ trì chùa

Hội Nguyên (會源寺)⁽¹⁾ thuộc hai giáp Đông, Nam của Kim Bồng châu, thuộc Hoa Châu, phủ Thăng Hoa, xứ Quảng Nam khắc in vào năm Cảnh Hưng thứ 7 (1746)⁽²⁾.

Khi nói về sự ra đời của chùa Kim Bửu, trước đây các nhà nghiên cứu chủ

yếu dựa vào lịch sử hình thành của làng Kim Bồng, hiện trạng kiến trúc của ngôi chùa và những truyền tụng trong dân gian mà cho rằng chùa Kim Bửu được dân làng Kim Bồng xây dựng vào khoảng thế kỷ XIX, đến những thập niên đầu thế kỷ XX, Hòa thượng Phổ Thoại trụ trì chùa Long Tuyên mới đứng ra đại trùng tu quy mô ngôi chùa tồn tại đến ngày hôm nay. Riêng về bức hoành mang tên “*Bửu Kim tự*” (寶金寺) và tại sao chỉ có Kim Bửu là ngôi chùa làng được ban biển sắc tứ... đến nay vẫn là những tồn nghi chưa có lời giải đáp.

Trong tác phẩm “*Những ngôi chùa cổ ở Hội An*”⁽³⁾ Đại đức Thích Như



Tịnh - Trụ trì chùa Viên Giác cho rằng ban đầu Kim Bửu là một ngôi chùa làng, cúng tế theo lệ “*Tam ngươn tứ quý*”⁽⁴⁾, đến năm Giáp Tuất (1874) dân làng thiên di trùng tu trên mảnh đất của bà Khiêm bên cạnh sông Thu Bồn và lập biển hiệu “*Bửu Kim tự*” đến nay vẫn còn. Nội dung trong bản “*Long Thơ Tịnh Độ*” (龍舒淨土) ghi rõ niên đại khắc in vào năm Cảnh Hưng thứ 7 (1746), có khắc tên các chùa cúng tiền ấn tông kinh, thì trong số đó có “*Bửu Kim tự*” (tiền thân của chùa Kim Bửu). Bên cạnh đó, trong “*Long Thơ Tịnh Độ*” còn in tên của Hòa thượng Pháp Bảo tức Hòa thượng Minh Hải khai sơn chùa Chúc Thánh cúng ngân 1 quan tiền, giấy, thạch đăng... năm Cảnh Hưng thứ 7 (1746) cũng là năm tổ Minh Hải Pháp Bảo viên tịch⁽⁵⁾. Từ những thông tin trên cho chúng ta biết một cách chính xác niên đại hình thành của ngôi cổ tự này muộn nhất cũng phải vào giữa thế kỷ thứ XVIII (mặc dù niên đại xây dựng của chùa Kim Bửu hiện nay là vào thế kỷ XX).

Điều thứ hai là hiện nay, giữa chánh điện chùa Kim Bửu còn treo bức hoành với tên gọi “*Bửu Kim tự*” (寶金寺), dòng lạc khoản bên phải đề “*Kim Bồng đồng châu nhân đẳng trùng hưng*” (mọi người trong châu



Kim Bồng cùng trùng hưng), dòng bên trái đề “*Tuế thứ Giáp Tuất quý đông cốc đán*” (ngày tốt cuối mùa đông năm Giáp Tuất). Để lý giải tên gọi trên bức hoành có người cho rằng do thợ khắc bị nhầm trong quá trình sắp chữ. Ý kiến này khó chấp nhận được bởi lẽ người xưa rất cẩn thận trong việc chạm khắc các bức hoành phi, câu đối... mà đây còn là bức hoành mang tính chất quan trọng, là tên gọi của một ngôi chùa, liên quan đến vấn đề tâm linh, tín ngưỡng. Và nếu đã bị khắc nhầm thì dứt khoát người ta sẽ không dùng mà sẽ thay đổi bằng bức hoành mới. Lại có người cho rằng nội dung bức hoành như vậy là đúng, nhưng cách đọc khác thông thường tức là đọc chữ ở giữa trước, sau đó mới đọc chữ bên phải rồi đến chữ bên trái thì tên gọi sẽ đúng với tên gọi “*Kim Bửu tự*”. Ý kiến này tương đối hợp lý hơn bởi lẽ cách đọc hoành phi như vậy có diễn ra ở giai đoạn triều Nguyễn, nhưng chủ yếu phổ biến ở một số địa phương phía Bắc. Do đó cách lý giải về tên gọi “*Bửu Kim tự*” của chùa Kim Bửu cho đến trước khi tìm thấy bản “*Long Thơ Tịnh Độ*” vẫn chưa được giải thích một cách thỏa đáng. Do vậy, theo nội dung của “*Long Thơ Tịnh Độ*” thì chỉ đơn giản là ban đầu chùa có tên “*Bửu Kim tự*” sau được đổi lại là “*Kim Bửu tự*”, không phải do khắc nhầm hay cách đọc hoành phi gì cả.

Về thời gian ra đời tên gọi “*Bửu Kim tự*”, Đại đức Thích Như Tịnh căn cứ vào nội dung bức hoành hiện tồn cho rằng “*Bửu Kim tự*” được đặt vào năm Giáp Tuất (1874), sau khi dân làng di dời về trùng tu lại trong vườn bà Khiêm vẫn chưa đầy đủ vì trong “*Long Thơ Tịnh Độ*” khắc in năm

1746 thì đã có tên gọi ấy rồi. Do đó căn cứ vào bản in chúng ta có thể khẳng định rằng niên đại hình thành của chùa Kim Bửu muộn nhất cũng phải vào giữa thế kỷ thứ XVIII và thời bấy giờ chùa có tên là “**Bửu Kim tự**”. Việc đổi tên chùa từ “**Bửu Kim tự**” thành “**Kim Bửu tự**” một số tư liệu của các chùa cho rằng ngôi chùa mang tên Kim Bửu từ năm 1941 gắn liền với sự kiện vào năm Bảo Đại thứ 16 nhằm năm Tân Tỵ (1941), dân làng hiến cúng ngôi chùa cho Hòa thượng Phổ Thoại⁽⁶⁾ Trụ trì chùa Long Tuyền. Hòa thượng đã đứng ra đại trùng tu ngôi chùa cải tên thành “**Kim Bửu tự**” (金寶寺) và đã được triều Nguyễn ban sắc tứ vào năm Bảo Đại thứ 18 (1943). Từ đây, chùa Kim Bửu đã nhập vào sự quản lý của chư sơn do Hòa thượng Phổ Thoại kiêm quản, sau ngài cử đệ tử là thầy Trang Long Hoa về lo hương khói. Riêng việc chùa Kim Bửu được ban sắc tứ cũng đặt ra vấn đề cần nghiên cứu tiếp đó là trên đất Hội An có khá nhiều chùa làng như Hải Tạng, Cẩm Lý (tiền thân của chùa Viên Giác), Cẩm Giác... sao chỉ có chùa Kim Bửu được sắc tứ, trong khi đó chỉ có những ngôi tổ đình như Chúc Thánh, Vạn Đức, Phúc Lâm... mới được ân ban. Phải chăng nhờ vào uy tín của Hòa thượng Phổ Thoại kiêm quản, đại tu bổ ngôi chùa này...

Tóm lại, thông qua những nội dung trong bản “**Long Thơ Tịnh Độ**” và một số vấn đề nghiên cứu mới đây của Đại đức Thích Như Tịnh đã cung cấp cho chúng ta nhiều thông tin mới về chùa Kim Bửu một di tích khá quan trọng trong quần thể di tích ở Hội An. Cụ thể là bản “**Long Thơ Tịnh Độ**” đã

minh chứng khá rõ ràng về thời điểm ra đời của ngôi chùa, về tên gọi “**Kim Bửu tự**” (金寶寺), thời điểm thay đổi tên gọi của ngôi chùa... Qua đó, chúng ta càng thấy được bề dày của một ngôi chùa cổ nổi riêng, của Phật giáo cũng như các vấn đề về tôn giáo, tín ngưỡng gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của làng Kim Bồng nói chung♣

* Chú thích:

(1) Chùa Hội Nguyên (會源寺) thuộc nhị giáp Đông Nam của Kim Bồng châu, thuộc Hoa Châu, phủ Thăng Hoa, xứ Quảng Nam. Chùa đã bị chiến tranh tàn phá, hiện chỉ còn nền móng tại thôn Đông Hà xã Cẩm Kim.

(2) Nguyên văn trong “**Long Thơ Tịnh Độ**” (龍舒淨土): Đại Việt quốc, Quảng Nam xứ, Thăng Hoa phủ, Hoa Châu thuộc, Kim Bồng châu Đông Nam nhị giáp Hội Nguyên tự Trụ trì Thiết Uyên, hiệu Trí Bửu đại sư... Cảnh Hưng thất niên tuế thứ Bính Dần mạnh xuân cốc nhật.

(3) “**Những ngôi chùa cổ ở Hội An**”⁽³⁾ Đại đức Thích Như Tịnh: Bản thảo chưa in.

(4) “**Tam ngươn tứ quý**”: Tam Ngươn còn gọi là Tam Nguyên tức Thượng nguyên (rằm tháng giêng) - Thiên quan tứ phúc; Trung Nguyên (rằm tháng 7) - Địa quan xá tội và Hạ Nguyên (rằm tháng 10) - Thủy quan giải ách. Tứ quý là Xuân, Hạ, Thu, Đông.

(5) Tổ Minh Hải Pháp Bảo người gốc Phước Kiến - Trung Hoa, Tổ là người khai sáng và trụ trì chùa Chúc Thánh - Hội An và cũng là vị sơ tổ của dòng Lâm tế Chúc Thánh ở Đàng Trong. Ngài sinh vào năm 1670, viên tịch vào năm 1746 nhằm năm Cảnh Hưng thứ 7.

(6) Hòa thượng Phổ Thoại thế danh Nguyễn Văn Thọ sinh năm Ất Hợi - Tự Đức 28 (1875) tại làng Kim Bồng. Năm 12 tuổi ngài xuất gia tại chùa Chúc Thánh làm môn đồ của tổ Chương đạo Quảng Viên. Năm Kỷ Dậu (1909) ngài khai sơn chùa Long Tuyền.

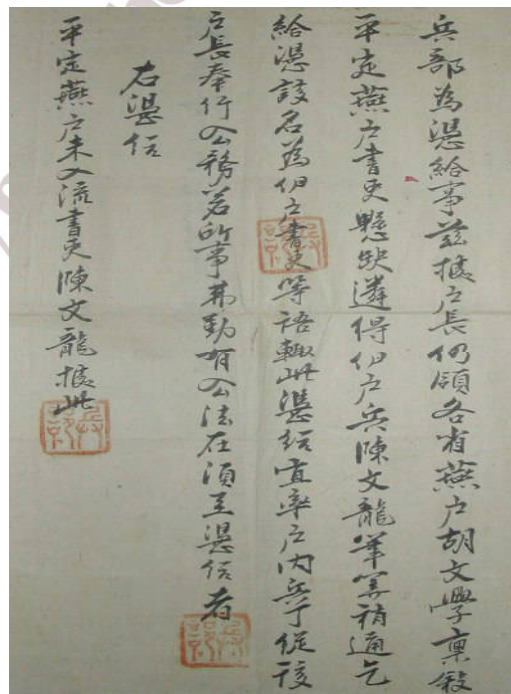
MỘT SỐ TƯ LIỆU HÁN - NÔM LIÊN QUAN ĐẾN TỘC TRẦN VỚI NGHỀ KHAI THÁC YẾN THANH CHÂU

Trần Thị Lệ Xuân

Nghề khai thác yến sào của cư dân làng Thanh Châu (nay là thôn Thanh Đông - xã Cẩm Thanh - thành phố Hội An) ở vùng đảo Cù Lao Chàm - Hội An có lịch sử hình thành từ lâu đời và đã được nhiều tư liệu thư tịch ghi chép, như nhà sử học Lê Quý Đôn đến Đảng Trong thế kỷ XVIII (thời Chúa Nguyễn) cho biết: “Phủ Thăng Hoa, huyện Hà Đông, xã Thanh Châu có nghề lấy yến sào, dân xã ấy tản cư ở các phủ Thăng Hoa, Điện Bàn, Quy Nhơn, Phú Yên, Bình Khang, Diên Khánh, Gia Định ...”. Có giai thoại nói rằng người đầu tiên phát hiện ra yến sào ở Cù Lao Chàm là vợ chồng ông lão ngư dân người làng Thanh Châu (theo dân gian, đó là vợ chồng ông Trần Tiến, hiện còn miếu thờ tại thôn Thanh Đông - xã Cẩm Thanh, dân gian gọi là miếu Ông Tiến - ông Tổ nghề yến) đi đánh cá bị bão đánh dạt ra Cù Lao Chàm, mấy ngày không có gì để ăn, tình cờ vợ chồng ông nhặt một vật có màu trắng để ăn cho đỡ đói, ăn vào thấy khoẻ và đủ sức để về đất liền. Khi về đất liền vợ chồng ông kể lại

cho dân làng nghe, từ đó nghề khai thác yến sào ở làng Thanh Châu đã ra đời.

Dựa vào một số tư liệu Hán - Nôm, vào thời nhà Nguyễn (từ đời vua Gia Long) đã thành lập “Thanh Châu yến đội”, sau này đổi thành “Thanh Châu yến hộ” với chức vụ quản lãnh tam tỉnh yến hộ và cuối cùng là các yến hộ trông coi nghề khai thác yến trong cả 3 tỉnh Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa. Lực lượng tham gia chính vào nghề khai thác yến trong thời gian này chủ yếu là người làng Thanh Châu. Theo một số tư liệu, sách vở đã được công bố thì vào giai đoạn đầu thế kỷ XIX, tộc Hồ là một dòng tộc đứng đầu trong các tổ chức Yến đội, Yến hộ, Quản Tam Tỉnh Yến hộ với những tên tuổi Hồ Văn Hoà, Hồ Văn Học. Bên cạnh đó, tộc Trần ở làng Thanh Châu cũng có tham gia vào việc quản lý khai thác yến trong giai đoạn



này.

Theo tư liệu Hán - Nôm hiện lưu giữ tại nhà ông Trần Văn Sang (*thôn Thanh Đông - xã Cẩm Thanh*) thì trong gia tộc của ông trước đây có người từng tham gia vào “*Thanh Châu yên hộ*”, với chức danh: Thợ lại, Ngũ đội trưởng. Sau đây xin trích nguyên văn 02 bản Hán - Nôm đã qua phiên âm, dịch nghĩa (*Người dịch: Tống Quốc Hưng*). Những tư liệu này đã được sưu tầm và lưu trữ bản sao ở Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hoá Hội An.

Bản 1:

Dịch âm:

Binh bộ vi bằng cấp sự: tư cứ Hộ trưởng nhưng lãnh các tỉnh yên hộ Hồ Văn Học bẩm tỵ: Bình Định yên hộ Thợ lại huyền khuyết, lân đặc y hộ binh Trần Văn Long, bút toán tiêu thông, ngật cấp bằng cai danh vi y hộ Thợ lại, đẳng ngữ triếp thử bằng cấp, nghi suất hộ nội binh đình tưng cai hộ trưởng phụng hành công vụ, nhược sở sự phát cần, hữu công pháp tại, tu chí bằng cấp giả.

Hữu bằng cấp: Bình Định yên hộ vị nhập lưu Thợ lại Trần Văn Long cứ thử.

Tự Đức thập ngũ niên nhuận bá nguyệt nguyên sơ lục nhật.

(*ấn: Binh Bộ chi ấn*).

Dịch nghĩa:

Binh bộ cấp bằng: Nay căn cứ theo lời của Hộ trưởng nhưng lãnh các tỉnh yên hộ Hồ Văn Học bẩm lên, hiện tại còn thiếu người giữ chức yên hộ Thợ lại ở Bình Định, đã chọn được Trần Văn Long thuộc binh của y hộ là người

bút toán tiêu thông và xin cấp bằng cho y giữ chức Thợ lại. Theo đó nay ban bằng cấp, giao cho y đốc xuất binh đình trong hộ cùng với Hộ trưởng thừa hành công vụ, nếu công việc không cần cù gây chậm trễ thì sẽ bị xử theo phép công. Bằng cấp này phải được giao đến cho người nhận.

Bằng cấp trên giao cho Bình Định yên hộ chưa nhập lưu Thợ lại Trần Văn Long căn cứ thi hành.

Ngày mùng 6 tháng 8 nhuận, Tự Đức năm thứ 15 (1862)

(*Dấu ấn: Binh bộ chi ấn*).

*** Bản 2:**

Dịch âm:

Binh bộ Tả tham tri sung Tham tán quân vụ Đại thần kiêm lý Nam Ngãi Tổng đốc Nguyễn.

Vi bằng cấp sự chiếu đặc xung phong nhị vệ ngũ đội binh Trần Văn Cuộc (*Cục*) Hòa Vang huyện Thanh Châu xã Tây xã, tự lai nghĩa biện, tiêu hữu vi lao, nghi ưng thưởng hàm thị khuyến, triếp thử bằng cấp y vi ký danh Ngũ Trưởng, nghi thính tưng đội nội suất đội viên thừa hành công vụ. Nhược sở sự phát cần, hữu quân pháp



tại, tu chí bằng cấp giả.

Hữu bằng cấp xung phong nhị vệ ngũ đội ký danh Ngũ trưởng Trần Văn Cuộc (*Cục*) cử thử.

Hàm Nghi tam niên nhuận tứ nguyệt thập lục nhật.

(*ấn: Tham tán quân vụ quan phòng*)

Dịch nghĩa:

Quan họ Nguyễn giữ chức Tả Tham tri của Bộ Binh sung chức Tham tán quân vụ đại thần, kiêm Tổng đốc hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi.

Nay cấp bằng: Được hay xung phong nhị vệ ngũ đội binh Trần Văn Cuộc (*Cục*) người Tây xã thuộc xã Thanh Châu huyện Hòa Vang, từ trước đến nay là người hay lo việc nghĩa, từng có công lao, nay thưởng hàm để nhằm khuyến khích, cấp bằng cho y làm ký danh Ngũ đội trưởng, suất lãnh

đội viên trong đội thừa hành công vụ. Nếu để việc chậm trễ, không chịu cù thì sẽ bị xử theo quân pháp. Bằng cấp này phải được đưa đến cho người nhận.

Bằng cấp trên đây giao cho xung phong nhị vệ Ngũ đội ký danh Ngũ trưởng Trần Văn Cuộc (*Cục*) căn cứ thi hành.

Ngày 16 tháng 4 nhuận, Hàm Nghi năm thứ 3 (1885)

(*Dấu đỏ: Tham tán quân vụ quan phòng*).

Kết hợp giữa những giai thoại và một số bản tư liệu Hán - Nôm, chúng ta có thể thấy rằng, tộc Trần là một trong những tộc họ ở làng Thanh Châu đã có nhiều đóng góp vào việc hình thành và phát triển của nghề yến Thanh Châu trong giai đoạn trị vì của triều Nguyễn♣



NGHỀ ĐÓNG GHE THUYỀN Ở KIM BÔNG

Phạm Phước Tỉnh



Làng Kim Bông ngày xưa là châu Kim Bông thuộc tổng Mỹ Khê, huyện Duy Xuyên, nay là xã Cẩm Kim thuộc thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Đây là một làng được hình thành khá sớm ở Đô thị thương cảng Hội An khoảng thế kỷ XVJ dưới thời các Chúa Nguyễn.

Quá trình đô thị hóa đã dẫn đến sự phân công và phân vùng lao động tại Hội An. Các nghề thủ công truyền thống có điều kiện phát triển mạnh mẽ nhằm đáp ứng các yêu cầu sinh hoạt đô thị thương cảng, trong đó có nghề mộc đóng ghe thuyền Kim Bông. Nghề đóng ghe thuyền Kim Bông trên cơ sở truyền thống của người Việt, có

sự kế thừa kỹ thuật đóng thuyền của người Champa, kỹ thuật đóng thuyền của người Hoa, Nhật Bản và phương Tây.

Nghề đóng ghe thuyền được nhắc đến trong nhiều nguồn tư liệu lịch sử. Về tư liệu dân gian thì có **truyền thuyết về Thầy Thiêm** một đôi vợ chồng pháp sư người Chăm chuyên đóng ghe bầu cho người Việt. Ghe bầu là một loại thuyền buôn đặc trưng của Quảng Nam và một số địa phương ven biển miền Trung Việt Nam. Về tư liệu thư tịch, trong **Bình Nam đồ**, một bản đồ vẽ hoàn chỉnh vào thế kỷ XVII thời các chúa Nguyễn có ghi một địa danh là Chu Tượng. Chu là ghe thuyền, tượng là thợ, Chu Tượng có thể hiểu là xưởng đóng ghe, trại đóng ghe, nơi có các hiệp thợ chuyên về đóng ghe thuyền cư trú, hành nghề. Địa danh này có vị trí nằm giữa cửa Đại Chiêm (*Hội An*) và cửa An Hòa (*Tam Kỳ*) (1).

Trong *Phủ biên tạp lục*, học giả Lê Quý Đôn vào thế kỷ XVIII đã ghi tại huyện Duy Xuyên thuộc xứ Quảng Nam có 10 xã, 11 thôn, 10 phường, 1 tộc chuyên về đóng ghe (2).

Lực lượng đóng ghe thuyền hiện nay ở Kim Bồng chiếm số lượng lớn. Họ lập những trại đóng ghe ở các cồn bãi, bên nước ven sông và đóng đủ các loại ghe, từ ghe đua đến các loại ghe đi sông, đi biển. Theo tư liệu hồi cố của các nhân chứng, trước năm 1975 ở Kim Bồng tồn tại hơn 15 trại ghe lớn như trại của ông Lòi, ông Phán, ông Thích, trại Hương Thiệt, Trầm Quê.... Sau năm 1975 có hơn 12 trại ghe hiện nay vẫn còn làm như trại ông Huỳnh Kim Chính, Phan Nhu, Võ Xuân Phương, Nguyễn Nhân, Huỳnh Kim Thương Nguyễn Hùng, Đỗ Hiên... Hầu hết các thợ và chủ trại ghe có gốc gác từ làng mộc Kim Bồng. Bên cạnh những người thợ đã mất thì đội ngũ thợ lâu năm có kinh nghiệm và thợ trẻ của địa phương có khả năng duy trì nghề chiếm số lượng khá lớn. Theo thống kê đội ngũ thợ lâu năm có hơn 50 người, đội ngũ thợ trẻ hơn 40 người. Họ là những người thợ có tay nghề và tiếp tục duy trì nghề đóng ghe ở địa phương. Ngoài ra một số người thợ thường xuyên đi đóng ở địa phương khác trong Quảng Nam cũng như các tỉnh lân cận Huế, Quảng Ngãi, Bình Định.

Sản phẩm ghe thuyền Kim Bồng đa dạng và phong phú với hơn 12 loại ghe thuyền khác nhau. Trong đó mỗi loại ghe thuyền có chức năng sử dụng khác nhau:

TT	Loại ghe thuyền	Chức năng sử dụng
1	Thuyền lớn 15m	Đánh bắt cá xa bờ
2	Thuyền nhôm	Chở hàng hóa
3	Ghe trường (<i>Ghe ở</i>)	Dùng để sinh sống và buôn bán hàng hóa
4	Thuyền nhựa	Đi lụt, đánh bắt cá trên sông
5	Tàu 22-24m	Câu mực, đánh bắt cá xa bờ
6	Tàu 20m lưới vây	Đánh bắt cá ngày và đêm
7	Tàu 18-20m lưới căng	Đánh bắt cá xa bờ
8	Tàu 15-17m lưới quét	Đánh bắt cá xa bờ
9	Ghe đua	Dùng bơi đua
10	Ghe trung bày (<i>tràng trí</i>)	Dùng làm hàng bán lưu niệm
11	Thuyền trung 10m	Đánh bắt cá gần bờ
12	Ghe câu	Phương tiện câu cá

Vật liệu đóng ghe thuyền gồm gỗ, nhôm, đinh, ốc vít, dầu rái, sơn, sợi tre, chai phà... Trong đó chủ yếu là vật liệu gỗ. Gỗ đóng ghe thường dùng những loại gỗ chịu được độ bền, sự ăn mòn, mối mọt như lim, sến, kiền kiền... Tùy theo tính chất của từng loại gỗ mà thợ ghe sẽ dùng chúng vào những bộ phận phù hợp. Gỗ đóng ghe thuyền được người thợ ghe mua lại từ những người khai thác từ những cánh rừng thượng nguồn Quảng Nam đem về.

Về công cụ, thợ đóng ghe thuyền sử dụng hơn 31 công cụ khác nhau như: cưa, đục, rìu, khoan, búa... Trong đó một số công cụ riêng gắn liền với

nghề đóng ghe thuyền như ông và nhíp mực, cái dờ, rập sắt, dây xích, cầu số, tân đơ, kít... Ngày nay thợ ghe sử dụng các công cụ kỹ thuật hiện đại để đóng ghe thuyền nên một số công cụ sử dụng sức lao động tay chân như cưa đọi, cưa liếu không dùng nữa. Tùy theo chức năng mà người thợ ghe sử dụng công cụ vào các công đoạn khác nhau:

TT	Tên công cụ	Chất liệu	Chức năng sử dụng
1	Cái dờ (búa gỗ)	Gỗ lim	Vỗ be, đóng nọc
2	Nhíp và dây	Gỗ lim	Kẹp be, rốp be
3	Đục móng	Sắt và gỗ	Đục lỗ tròn

4	Rập sắt	Sắt	Rập gian đà
5	Ống khoan	Sắt	Khoan lỗ
6	Kít	Sắt	Đội ghe (nông)
7	Cầu cung (lớn + nhỏ)	Sắt	Cùm be (khép kín gỗ)
8	Rìu	½ sắt và ½ gỗ	Đẽo gỗ
9	Đục 1, 2, 3, 4, 5, 6 phân và chằm, chàn)	1/3 sắt và 2/3 gỗ	Đục các lỗ
10	Búa, mỏ nhấc	Sắt	Đóng đinh, đục, quay lỗ cho rộng
11	Ống và nhíp mực	Gỗ mít và tre	Vẽ mực, viết mực

Về thước đo, thợ ghe sử dụng thước tây (bằng 2m3 thước mộc). Khi



tính toán dùng đơn vị thước mộc, mỗi thước bằng 0,43 cm (hay thợ ghe còn tính theo trược).

Khi có nhu cầu đóng ghe thuyền, chủ ghe đến hợp đồng với người thợ ghe (thường là chủ trại ghe) về giá cả, kích thước, thời hạn giao ghe. Tùy theo yêu cầu của chủ ghe, người thợ nhận khoán đóng toàn bộ chiếc ghe hay đến tại nhà chủ ghe để đóng ghe. Quy trình đóng ghe thuyền phức tạp, đòi hỏi công phu và sự tỉ mỉ của người thợ, được tiến hành theo các bước: Đẽo lô - Uốn long cốt (uốn cong hai đầu) - Giáp ghim (đóng 8 chốt đầu tiên, liên kết giữa long cốt và lô) - Làm đôi be nhất lều (đôi đầu tiên) - Đôi be nhì lều (cho đến đôi be cuối cùng - be nhất lều, nhì lều, tam lều còn gọi là chông nhất, chông nhì, chông ba) - Chặn đầu chông (be phủ đầu chông) - Làm đà - Be hông - Be thẳng - Be dành - Làm giang - Thả thẳng (các thanh ngang) - Xa quạ (lót ván trên các thanh ngang, tiếp sau khâu này, đối với các loại ghe thuyền lớn vươn khơi đi xa thì làm tời và rơi hai bộ phận này liên kết với nhau để thả dây kéo cá - Viên áp be - Lá phủ (đề trên viên be) - Bàn đạo (hai tấm ván uốn cong sau lái) - Làm đà máy - Gắn máy - Làm cabin - Xảm (trét kín các khoảng hở giữa các be bằng sợi tre trộn với dầu rái, chai phà) - Điểm nhãn - Hạ thủy. Đối với một số ghe thuyền, thợ ghe còn gắn thêm hai cái vè ở hai bên để giảm lắc khi di chuyển. Hạ thủy là khâu cuối cùng đánh dấu sự hoàn thành một chiếc ghe thuyền. Hạ thủy trước đây các thợ ghe dùng đòn lãn, gió đá. Hiện nay họ dùng đường ray để tiện hơn và nhanh hơn, hạn chế

tai nạn xảy ra. Trong một số trường hợp những người thợ, chủ trại ghe cho hạ thủy rồi tiếp tục làm một số công đoạn dưới nước sau như ca bin, điểm nhãn...

Ghe thuyền Kim Bồng là sản phẩm đặc trưng của Hội An, do đó so với các địa phương khác, ghe thuyền Kim Bồng có những dấu hiệu, đặc trưng riêng. Ghe thuyền Kim Bồng có cặp mắt bầu, thon, to, tròn đen; con cóc ở mũi đứng hoặc ngồi; có ngà (đây là nét riêng chỉ có ở Hội An). Ở các nơi thì ghe thuyền có cặp mắt thẳng, tròn đen nhỏ; con cóc ở mũi nằm; một số nơi khác không có ngà. Riêng ở Quảng Ngãi, ghe thuyền có mang.

Đối với nghề đóng ghe thuyền, hàng năm vào ngày mùng 6/1 Âm lịch, nghề mộc nói chung và nghề đóng ghe thuyền nói riêng đều tổ chức cúng tổ nghề tại đình tiền hiền Kim Bồng. Đây là lễ tế có quy mô lớn nên lực lượng tham gia rất đông. Đứng lễ cúng do người lớn tuổi trong nghề đứng cúng. Riêng cúng Khai trương và Cúng tạ, tất niên do Chủ ghe, xưởng đứng lễ. Bên cạnh đó, người thợ ghe còn tổ chức các lễ cúng liên quan đến quá trình đóng một chiếc ghe thuyền, bao gồm các lễ cúng theo thứ tự được thể hiện dưới bảng như sau:

TT	Tên lễ cúng	Thời gian tổ chức	Nghi thức đặc trưng	Thời gian	Người đứng cúng
1	Lễ phạt mộc	Ngày tốt khởi công	Đẽo lác dăm	1 hoặc 2 tiếng	

2	Lễ Giáp ghim	Ngày tốt, theo tuổi	Đóng 8 chốt	nt	- Chủ xưởng - Chủ ghe thuyền
3	Lễ Dăng đà	1/3 công việc	Đóng đà đầu tiên	nt	
4	Lễ phủ bì	2/3 công việc	Đủ phần vỡ	nt	
5	Lễ Điểm nhân	Ngày tốt	Vẽ mắt	nt	
6	Lễ Hạ thủy	Ngày tốt	Đưa ghe xuống sông	nt	
7	Lễ Đưa đám tổng mộc	Ngày tốt	Xong công việc	nt	

Có thể nói, lễ cúng nghề đóng ghe thuyền đã góp phần làm phong phú thêm đời sống văn hóa tinh thần của làng mộc Kim Bồng nói riêng và Hội An nói chung.

Bên cạnh các lễ cúng, để công việc được tiến hành thuận lợi, không gặp trắc trở các thợ ghe Kim Bồng đã có kiêng cử riêng đối với nghề. Thợ ghe không tiến hành công việc khi trong nhóm thợ có người có tang, dòi mả. Thợ ghe không hạ thủy vào các ngày 5, 14, 23 Âm lịch các tháng, hay ngày 18 âm lịch (*Tam Nương*) các tháng không tiến hành đóng ghe. Bên cạnh đó chủ ghe còn xem tuổi, ngày giờ phù hợp với mình mới tiến hành các công việc đóng ghe. Riêng lễ Phủ bì, dâng đà không kiêng cử ngày 5, 14, 23 Âm

lịch. Các kiêng cử này được thực hiện tại các cơ sở đóng sửa ghe thuyền, các lễ cúng này diễn ra trong các công đoạn từ khởi công đóng ghe thuyền đến khi hoàn thành sản phẩm. Lễ vật thì thợ ghe không cúng thịt vịt, mít, bí.

Ngoài ra, trong quá trình hành nghề nhiều thợ ghe Kim Bồng đã tích lũy cho mình ít nhiều kinh nghiệm trong việc tạo ra một loại ghe thuyền đẹp, chất lượng cao như người thợ phải nắm vững các công đoạn đóng ghe, phải chọn loại gỗ tốt, chất lượng, đúng chiều cong hoặc thẳng đúng với chiếc ghe thuyền, gỗ phơi cho khô, bỏ hết phần gỗ ruột. Bên cạnh đó người thợ ghe Kim Bồng phải có lương tâm nghề nghiệp, thực hiện đúng hợp đồng của khách hàng.

Có thể nói nghề đóng ghe thuyền là một nghề khá đặc biệt ở Kim Bồng, đây không chỉ là nghề truyền thống có lịch sử lâu đời mà nó còn tạo điều kiện tạo giải quyết công ăn việc làm cho người dân. Nghề đóng ghe thuyền góp phần làm phong phú thêm các ngành nghề thủ công truyền thống ở Kim Bồng nói riêng và Hội An nói chung♣

*** Tài liệu tham khảo:**

1. Trần Văn An (2011), *Ghe bầu trong đời sống văn hóa ở Hội An - Quảng Nam*, Nxb Dân Trí.
2. Lê Quý Đôn (1977), *Phủ biên tạp lục*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
3. Nhiều tác giả (2008), *Nghề thủ truyền thống Hội An*, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An, Hội An.
4. Báo cáo tổng hợp tham vấn cộng đồng nghề đóng ghe thuyền năm 2013.

Cầm Thanh là xã vùng ven biển, nằm cách trung tâm thành phố Hội An chừng 3km về phía Đông Nam. Theo số liệu năm 2003, Cầm Thanh có tổng diện tích tự nhiên là 879,51ha, dân số khoảng 6.574 người, chia thành 8 thôn. Nằm ở địa thế bốn bề

là sông nước, khí hậu nơi đây mang tính đặc trưng của khí hậu ven biển, mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12, các tháng còn lại mưa ít và khô hạn. Địa hình Cầm Thanh thuộc dạng địa hình ven biển, bị chia cắt bởi hệ thống sông rạch chằng chịt và là vùng đất nằm giữa nơi hợp lưu của hạ nguồn sông Thu Bồn, Đê Võng, Trường Giang. Vùng nước này thường xuyên nhiễm mặn, đây là điều kiện thuận lợi cho hệ sinh thái rừng ngập mặn phát triển. Đặc biệt, một loại dừa nước sinh sôi nảy nở thành những rừng dừa dọc khắp các bờ sông, mương, tạo nên màu xanh mát đặt trưng nơi đây. Dừa nước có tên khoa học là *Nypa fruticans* còn được gọi là Attap palm là loài duy nhất trong họ Cau (*Areaceae*) sinh sống trong đầm lầy.

Hiện nay, tại Cầm Thanh chưa tìm thấy một tài liệu nào cho biết dừa được trồng từ khi nào và lấy ở đâu, nhưng theo một số người dân lớn tuổi tại địa phương cho biết cây dừa nước có nguồn gốc xuất xứ từ Nam Bộ, do những thương lái buôn ghe bầu tại địa phương mang về trồng ở vùng ngập mặn. Cây dừa trồng đầu tiên tại đây

CÂY DỪA NƯỚC CẦM THANH

Lê Thị Ngọc Hương

khoảng trên 200 năm. Qua thời gian, cây dừa sinh trưởng phát triển tốt thích nghi với môi trường nước lợ chua, mặn của vùng đất Cầm Thanh. Ban đầu, dừa được một số người dân địa phương trồng từng cụm nhỏ dọc theo các sông, mương, về sau chúng phát triển thành rừng dừa nước bạc ngàn, quanh năm xanh tốt. Hiện nay cây dừa nước được trồng phổ biến, tập trung chủ yếu ở thôn Thanh Tam Đông, Thanh Tam Tây, Thanh Nhứt, thôn Vạn Lăng mà người dân thường gọi là Rừng Dừa Bảy Mẫu.

Cây dừa nước mọc thành từng cụm trong những vùng sinh lầy dọc theo bờ sông, phần rễ nằm sâu dưới lớp bùn đất, hệ thống rễ chằng chịt, thân cây cũng ngâm xuống nước và đất, chỉ có phần lá và cuống hoa mọc lên trên, tàu dừa dài từ 5 đến 8m gồm cuống lá tròn, dài, phần trên bẹ lá phình to. Hoa cái nở thành chùm, ở đầu cụm hoa hình cầu, hoa đực màu cam hoặc vàng dạng đuôi sóc. Khi hoa thụ phấn, những trái nhỏ ép vào nhau lớn lên thành như hình cầu, đường kính từ 25 đến 30 cm. Mỗi buồng có từ 40 - 60 quả, trong quả có cơm màu

trắng, mềm, khi quả già cơm cứng lại. Quả dừa nước già khô sẽ rụng xuống đất và phân tán theo thủy triều, có khi mọc mầm ngay khi trôi nổi. Cây dừa nước từ khi trồng đến khi ra hoa tự quả khoảng 10 năm trở lên.

Lúc đầu người ta đem dừa về trồng để chắn sóng, chắn gió nhưng qua thời gian với nhu cầu của cuộc sống, người dân Cẩm Thanh đã biết vận dụng cây dừa để làm vật che nắng, che mưa. Dần dần nghề làm nhà bằng cây dừa nước đã phát triển, chính vì thế cây dừa nước từ lâu đã trở thành nguồn kinh tế chính cho người dân Cẩm Thanh. Tuy nhiên, với nhu cầu của cuộc sống ngày càng cao, nhà dừa dần được thay thế bằng nhà xây gạch, ximăng và lợp ngói, khiến nghề khai thác, làm nhà dừa trở nên bấp bênh. Thế nhưng khi ngành du lịch phát triển, nhu cầu làm nhà dừa và các sản phẩm du lịch từ cây dừa nước lại phát

triển mạnh, kể từ đó nghề làm tre dừa khôi phục và phát triển, ổn định đầu ra và tăng nguồn thu nhập đáng kể cho người dân nơi đây.

Thông thường, mỗi năm người ta khai thác lá dừa 2 lần vào tháng giêng, 2, 3 và tháng 8, 9 âm lịch. Khi khai thác người ta đốn các tàu dừa già (*nằm phía ngoài lá có màu xanh sậm*) chừa lại các tàu dừa non (*lá có màu xanh như lá chuối non*) để nuôi tàu dừa con phát triển. Thân, phiến lá là nguyên liệu chính để làm tranh lợp nhà, làm phen, bức phong, làm dù che mát... ngoài ra thân, bẹ dừa còn tận dụng làm củi đốt. Quả dừa khi cơm vừa sít ăn rất ngon, mềm, nước có vị ngọt nhẹ, có thể chế biến món chè dừa. Ngoài ra theo Đông y, trái dừa nước có công dụng tương đương dừa gáo, giúp tăng cường khí lực, tươi nhuận nhan sắc, giải nhiệt.



Cùng với sự phát triển của Rừng Dừa Bảy Mẫu, hệ sinh thái rừng ngập mặn ở Cẩm Thanh là môi trường thuận lợi cho nhiều loài thủy sản vùng cửa sông ven biển sinh sản và phát triển, đồng thời đây cũng là nơi ngăn gió, trốn bão an toàn cho các tàu thuyền của ngư dân trong vùng. Bằng sự tái tạo của tự nhiên, sự quan tâm phục hồi của cư dân địa phương, từ vài cây dừa, theo thời gian đã phát triển thành rừng dừa trù phú, tươi mát, trong lành của vùng sông nước mang vẻ đẹp của vùng quê yên bình. Năm bắt được xu thế phát triển du lịch trong thời gian gần đây, loại hình du lịch làng quê sinh thái là lựa chọn của nhiều du khách khi đến Hội An, người dân địa phương đã bắt đầu làm du lịch theo các tour đường làng, đường thủy, chèo thuyền ngắm cảnh dừa nước xanh, tươi mát, thăm làng nghề truyền thống, sản phẩm được làm từ dừa đã để lại cho du khách nhiều trải nghiệm thú vị khi dừng chân tại đây.

Cây dừa nước đã trở thành tài sản vô giá được người dân địa phương gìn giữ và bảo tồn tốt trong thời gian qua. Cẩm Thanh cũng đang từng bước đẩy mạnh lợi thế từ sản phẩm này và đây cũng là chiến lược đầu tư lâu dài để phát triển kinh tế, phát triển du lịch nâng cao đời sống của người dân địa phương♣

*** Tài liệu tham khảo:**

Báo cáo điều tra, sưu tầm nghệ tranh tre dừa
Cẩm Thanh - Quảng Văn Quý.

GIẢI MÃ BIỂU TƯỢNG LONG CHU

Đỗ Thị Ngọc Uyên

Trong vài thế kỷ trước, Hội An là nơi tụ cư của nhiều dân tộc: Việt - Chăm - Hoa - Nhật, mỗi dân tộc có một nét văn hoá đặc trưng riêng, tạo nên vùng đất Hội An với nhiều lễ hội, lễ nghi truyền thống độc đáo. Trong đó, lễ rước Long Chu là một sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng dân gian được bảo tồn, lưu truyền đến hiện nay cùng với nhiều loại hình di sản văn hoá phi vật thể khác có sức thu hút mạnh mẽ đối với du khách khi đến Hội An.

Long Chu là từ chỉ chiếc thuyền làm hình con rồng, theo quan niệm của người xưa, Long Chu được làm dựa theo loại thuyền của vua chúa để chở thần, tướng, âm binh áp tải tống quái, tống ôn và xú uế đi, mong hưởng điều tốt lành cho nơi cư trú của con người.

Ở Hội An, Long Chu được làm bằng sườn tre, ngoài phết giấy phẩm xanh, đỏ, giữa mình là thuyền, đầu đuôi hình rồng có đủ sừng, râu, kỳ, vảy... Hông trái buộc một dầm lái, trước buộc một dầm mũi, bốn góc trước và sau thuyền có 4 hình nhân cầm dầm, một hình nhân giữa ngồi lái. Trên Long Chu cắm 4 cờ, 4 cán cờ xuyên thẳng qua thuyền thành 4 chân,

giữa có lộng che và một phướn, hông thuyền cột dọc 2 đoạn tre cho 4 người khiêng, trong lòng có trang bị đầy đủ đồ dùng cho một bậc quyền uy, tất cả đều làm bằng tre và giấy màu. Long Chu được rước khỏi cổng đình, đi qua các đường phố, sau khi đi hết các đường phố, thôn xóm, đám rước dừng lại ven sông, Long Chu được đưa ra giữa sông và đốt.

Để giải mã biểu tượng Long Chu, ta có thể tìm hiểu ý nghĩa vì sao chọn hai hình tượng là con rồng và chiếc thuyền để tạo ra mô hình Long Chu. Trong chữ Long Chu thì “Long” có nghĩa là rồng, “Chu” là thuyền. Long chu có nghĩa là thuyền rồng. Theo quan niệm dân gian, rồng là con vật linh thiêng đứng đầu trong tứ linh (Long, Lân, Quy, Phụng). Rồng ngự trị

linh vật đặc biệt, là “vạn vật chi đế”, là biểu tượng cộng gộp tất cả các ước vọng tốt đẹp nhất của cuộc sống nhân sinh. Trước nhất, rồng là linh vật tổng hợp từ nhiều loài vật có thật trong tự nhiên, tạo nên một linh vật có: sừng giống nai, đầu giống đà, mắt giống thỏ, thân giống rắn, bụng giống trai, vây giống cá, ngón chân giống chim, chân giống hổ, tai giống bò. Do vậy rồng mang trong mình hết thảy các ưu thế vượt trội của các loài, trong đó sức mạnh và quyền năng thiên biến vạn hóa là hai đặc tính quan trọng. Rồng được cho là biểu trưng của sự mạnh mẽ, hùng tráng, là uy lực bất bại trước kẻ thù; Thứ hai, rồng được tin là linh vật mang lại điềm lành, sự may mắn, thịnh vượng, sự thông thái; đồng thời, rồng còn hàm chứa ý nghĩa của



trong tâm thức người Việt như một sự phồn thực, cầu mong mưa thuận gió

hoà, rồng phun nước tưới cho cây trồng tốt tươi, một yếu tố cần thiết hàng đầu của cư dân nông nghiệp “*nước - phân - cần - giống*”; Thứ ba, rồng có thể thiên biến vạn hóa và thông thiên kết nối nhân gian và thế giới thần tiên. Biểu tượng rồng như là một biểu hiện của khát vọng vươn lên chinh phục tự nhiên và chinh phục chính mình,...

Bên cạnh đó, cũng theo quan niệm dân gian, con thuyền là biểu tượng cho việc tống tiễn những thể lực hắc ám như ma quỷ hoặc bệnh tật.



Việc chọn hình tượng con rồng với ý nghĩa về sự mạnh mẽ, hùng tráng, uy lực, mang lại sự may mắn, thịnh vượng, mang mưa thuận gió hòa và thể hiện sự vươn lên của con người để chinh phục tự nhiên,... kết hợp với hình tượng chiếc thuyền với ý nghĩa tống ôn, xú uế các thể lực hắc ám, bệnh tật,... để hình thành nên mô hình Long Chu đã thể hiện đầy đủ hết chức năng và ý nghĩa của lễ rước Long Chu ở Hội An. Biểu tượng Long Chu đã thể hiện nhân sinh quan, thế giới quan của người xưa. Khi con người chưa cắt nghĩa và có hành động giải quyết được những hiện tượng lạ xung quanh mình, thì dựa vào ý nghĩa của các loài vật, phương tiện,... để xây dựng mô hình tượng trưng và nhờ đến thể lực phù thủy với các lễ nghi ma thuật huyền bí để thực hiện những nhu cầu, ước muốn

của con người. Vì thế, biểu tượng Long Chu được hình thành nên từ đó.

Ở Hội An, khi đô thị cổ trở thành một địa danh du lịch nổi tiếng thì việc giải mã biểu tượng Long Chu để hiểu được ý nghĩa của lễ rước là điều cần thiết trong việc tuyên truyền, quảng bá sản phẩm du lịch. Chính những yếu tố tín ngưỡng thần linh, ma quái của

Long Chu được soi sáng dưới nhãn quan khoa học, sẽ tạo nên tính hấp dẫn riêng; đồng thời, giải mã biểu tượng Long Chu cũng nhằm giáo dục cho thế hệ mai sau hiểu được ý nghĩa

của hoạt động văn hoá truyền thống này và có ý thức bảo tồn, gìn giữ giá trị văn hóa phi vật thể này trong tương lai♣

* Tài liệu tham khảo :

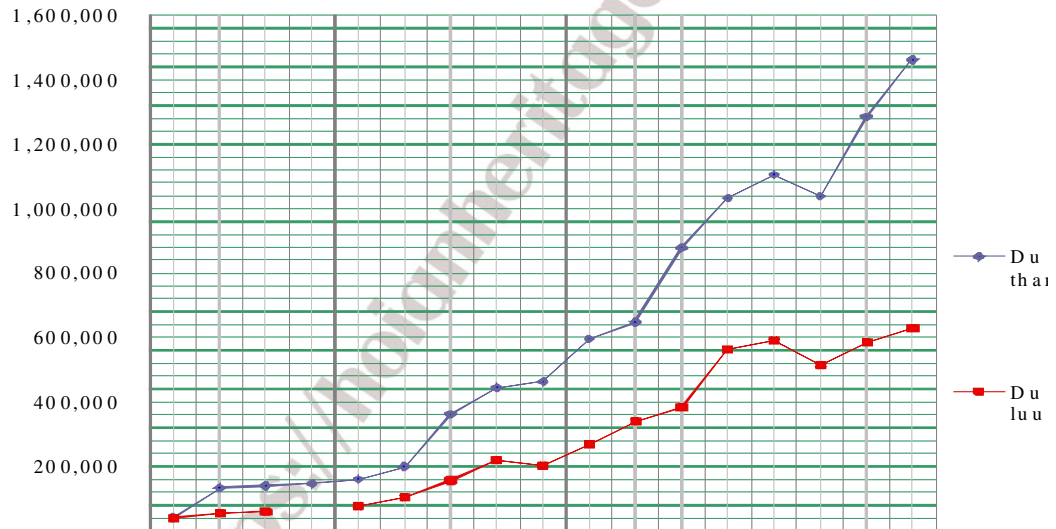
1. Nguyễn Đức Minh, 2003. Bài viết “*Lễ rước Long Chu ở Hội An*”.
2. Jean Chevalier và Alain Cheerbrant, 2002. “*Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*”, NXB Đà Nẵng.
3. Nguyễn Ngọc Thơ, 2012. Bài viết “*Rồng trong văn hóa Việt Nam*” trong website: <http://vanhoahoc.edu.vn>
4. Nguyễn Thượng Luyện, 2009. Bài viết “*Con rồng Việt Nam qua tác phẩm điêu khắc nghệ thuật Ông rồng*”, Hội Mỹ Thuật Việt Nam.

HỘI AN

ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH BỀN VỮNG ĐỊNH HƯỚNG TƯƠNG LAI CHO BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN

Phạm Phú Ngọc

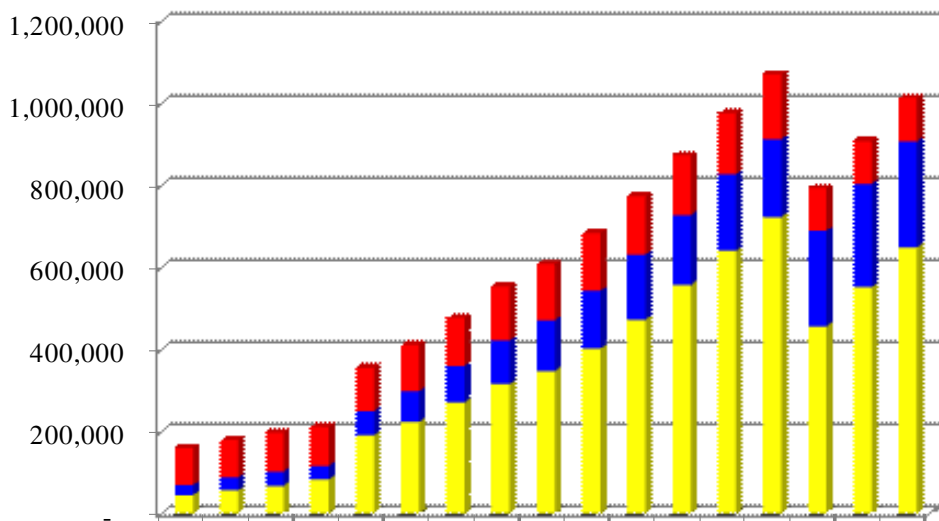
Mang trong mình hai danh hiệu thế giới: Di sản Văn hóa Thế giới Khu phố cổ Hội An và Khu Dự trữ Sinh quyển Thế giới Cù Lao Chàm - Hội An, hơn nữa lại nằm liền kề hai di sản thế giới khác là Khu đền tháp Mỹ Sơn và Quần thể di tích Cố đô Huế nên trong những năm gần đây, Hội An trở thành điểm đến được lựa chọn hàng đầu của du khách trong và ngoài nước. Từ năm 1995 đến nay, lượng khách du lịch đến tham quan Hội An không ngừng tăng mạnh mẽ.



Biểu đồ số lượng du khách tham quan và lưu trú ở Hội An

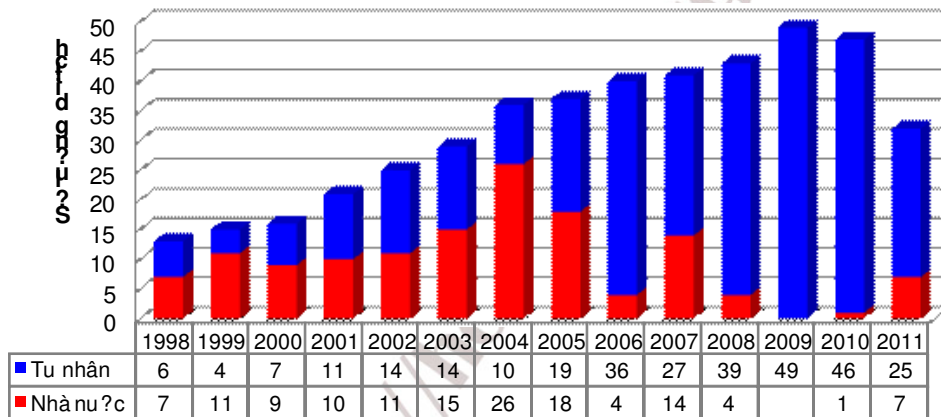
Nguồn: Phòng Thống kê Hội An

Chính nhờ du lịch phát triển đã dẫn đến những thay đổi quan trọng trong đời sống kinh tế của người dân Hội An nói chung, Khu phố cổ Hội An nói riêng. Thu nhập bình quân của mỗi người dân Hội An không ngừng tăng. Cơ cấu kinh tế của thành phố chuyển dịch theo hướng du lịch, thương mại và dịch vụ. Tỷ trọng ngành du lịch, thương mại và dịch vụ chiếm phần lớn trong GDP của thành phố.



Biểu đồ GDP của Hội An từ năm 1995 đến năm 2011

Nguồn: Phòng Thống kê Hội An

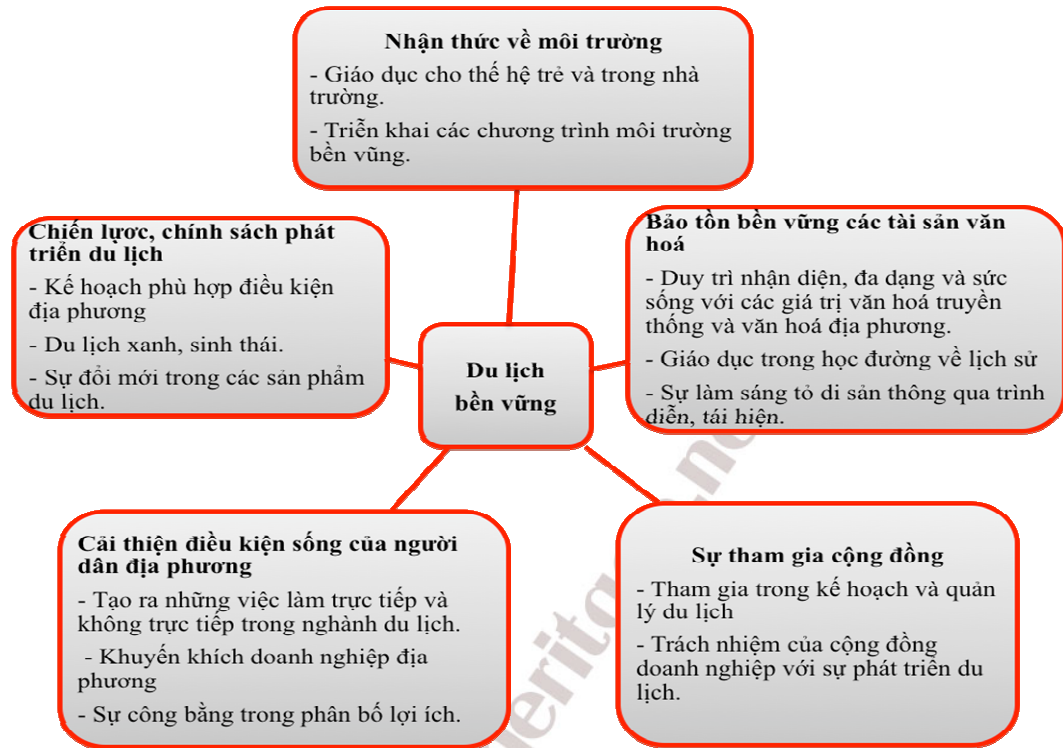


Biểu đồ phân loại các di tích
được tu bổ bởi kinh phí từ nguồn tư nhân và nhà nước

Nguồn: Phòng Thống kê Hội An

Qua các biểu đồ trên chúng ta có thể nhận thấy mối quan hệ giữa bảo tồn di sản và phát triển du lịch là hết sức mật thiết. Du lịch vừa tạo điều kiện để bảo tồn di sản và ngược lại bảo tồn di tích hướng đến phục vụ phát triển du lịch. Theo kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới, du lịch bền vững là giải pháp đảm bảo sự cân bằng giữa mục tiêu phát triển du lịch và bảo tồn di sản.

Từ thực trạng phát triển du lịch và bảo tồn di sản ở Hội An hiện nay, trong bài viết này người viết đề xuất một số biện pháp để ngành du lịch Hội An phát triển bền vững:



Sơ đồ khung các thành phần
xoay quanh định hướng cho du lịch bền vững Hội An

Từ sơ đồ khung với 5 thành phần ở trên, xin đưa ra những vấn đề cốt lõi nhất hiện nay cho khu phố cổ có thể có những cơ chế chính sách để thực hiện được:

1. Công tác nghiên cứu bảo tồn di sản cần tăng cường tính chiều sâu thông qua việc nhận diện và làm nổi bật các giá trị văn hoá để từ đó chúng ta có thể kể một câu chuyện hấp dẫn hơn cho du khách.

2. Tiếp tục có chính sách hỗ trợ các di tích tư nhân tập thể. Nhà nước có cơ chế mua lại các nhà tư nhân (*sở hữu không rõ ràng, nhà thờ tộc họ...*) để bảo tồn hoặc cho vay 100% vốn để cùng với nhà nước hợp tác trong việc bảo tồn.

3. Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác tu bổ di tích và các làng nghề:

- Đối với những thợ có tay nghề cao, cần được tôn vinh ở cấp địa phương hoặc ưu tiên cho các công ty có các nghệ nhân này tham gia vào tu bổ di tích.

- Đối với các nghệ nhân, nhà nước cần quan tâm có chính sách hỗ trợ kinh phí hàng tháng để thúc đẩy phát triển các ngành nghề truyền thống.

4. Ưu tiên kinh phí cho các chiến lược quảng bá, giới thiệu, đổi mới sản phẩm du lịch:

- Thông tin phải được cung cấp ở tầm vĩ mô.

- Có các trang Web chính thức để quảng bá, giới thiệu.

- Đổi mới, bổ sung các sản phẩm du lịch ở địa phương mà ở đây các bảo tàng trong khu phố cổ và bảo tàng Hội An là điểm đến không thể thiếu trong chuỗi tham quan phố cổ Hội An

+ Bảo tàng chuyên đề cần có cơ chế đầu tư, nâng cấp theo hình thức trưng bày hiện đại hấp dẫn du khách.

+ Bảo tàng Hội An cần có cơ chế kêu gọi đầu tư, hợp tác từ khu vực tư nhân hoặc nhà nước quan tâm đầu tư.

5. Cần có cơ quan nghiên cứu về chiến lược kinh doanh cho các sản phẩm thủ công mỹ nghệ truyền thống ở địa phương:

- Trong phương hướng marketing cần chia ra rõ ràng: điều tra nhu cầu của du khách và hướng đến những nhu cầu đó (*Khách Tây Âu rất thích đồ sơn mài. Khách Nhật rất thích tranh thêu. Khách Mỹ rất thích đồ mỹ nghệ bằng gỗ, tre, rơm...*)

- Gắn các sản phẩm đặc trưng địa phương với phát triển du lịch.

- Nhân rộng mô hình ý tưởng OVOP “mỗi làng một sản phẩm” (*One Village One Product Movement*) hoặc OTOP (*One Town One Product, hoặc One Tambon One Product*) “mỗi thị trấn hay mỗi địa phương một sản phẩm” mà ở đó chất lượng các sản phẩm cần được quản lý với các tiêu chuẩn kỹ thuật cụ thể trước khi đến với du khách.

6. Di sản làng quê, sông nước, biển đảo - điểm đến của du lịch bền vững, Hội An có hệ thống di sản làng quê, hệ thống sông nước - biển đảo vô cùng phong phú nhưng việc quan tâm đầu tư kinh phí để tạo ra sức hút cho các làng quê này vẫn còn hết sức hạn chế. Do vậy, trong thời gian đến nhà nước cần có kế hoạch đầu tư hoặc xã hội hoá kinh phí cho các làng nghề - biển đảo để làm sao tạo ra nhiều giá trị tăng thêm đáp ứng được mục tiêu mang đến sự hưởng lợi cho cộng đồng♣



TIN TỨC SỰ KIỆN

Lập hồ sơ bổ sung dự án đầu tư tu bổ khẩn cấp các di tích có nguy cơ sụp đổ trong Khu phố cổ

Phòng Tu bổ Di tích

Vào ngày 13/12/2012, UBND thành phố Hội An ban hành văn bản số 2772/UBND về việc thống nhất cho lập hồ sơ bổ sung dự án đầu tư Tu bổ khẩn cấp các di tích có nguy cơ sụp đổ trong Khu phố cổ. UBND Thành phố cũng đã thống nhất với nội dung đề xuất giải quyết một số vấn đề liên quan đến việc thực hiện dự án này, trong đó cho phép Trung tâm QLBT Di sản Văn hóa hợp đồng với các đơn vị tư vấn lập hồ sơ đầu tư tu bổ 19 di tích đang xuống cấp nghiêm trọng trong khu phố cổ. Việc thực hiện dự án này sẽ góp phần quan trọng không chỉ trong công tác bảo tồn di tích kiến trúc trong khu phố cổ Hội An mà còn tạo điều kiện tốt hơn cho sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng của cư dân *

Tu bổ di tích cổng Tây Hồ

Đặng Tuấn

Sau 10 ngày thi công, công trình tu bổ di tích cổng Tây Hồ ở khối Phong Niên - phường Sơn Phong đã hoàn thành, vào ngày 28/12/2012, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tiến hành nghiệm thu. Công trình được tu bổ với tổng kinh phí đầu tư là 8.906.000 đồng, từ nguồn kinh phí phòng chống bão lụt



năm 2012. Việc tu bổ cổng trại nhằm khắc phục tình trạng xuống cấp, đảm bảo an toàn cho người dân khi lưu thông qua ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Nguyễn Duy Hiệu *

Phê duyệt danh mục bố trí vốn năm 2013

Nữ Phương

Vừa qua, UBND thành phố Hội An đã ban hành Quyết định số 2376/QĐ-UBND ngày 29/12/2012 về việc phê duyệt danh mục bố trí vốn và phân công chủ đầu tư các công trình xây dựng cơ bản về tu bổ di tích và công trình văn hóa từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trong kế hoạch năm 2013 với tổng kinh phí 12,8 tỷ đồng. Một số công trình tu bổ di tích quan trọng nằm trong danh mục bố trí vốn năm 2013 gồm công trình tu bổ đình Xuân Mỹ, đình Đẻ Võng, Tam quan chùa Bà Mụ, nhà lao Hội An. Việc phê duyệt danh mục bố trí vốn tạo điều kiện xúc tiến nhanh công tác tu bổ di tích, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị di sản thuộc khu di sản văn hóa thế giới Hội An *

Thi sáng tác mỹ thuật Di sản thế giới trong tay bạn

Thu Thủy

Nhân kỷ niệm 40 năm ngày Công ước Di sản thế giới ra đời (1972-2012), Văn phòng UNESCO Hà Nội và Panasonic Việt Nam phối hợp tổ chức Cuộc thi sáng tác mỹ thuật “*Di sản thế giới trong tay bạn*” dành cho thanh thiếu niên dưới 18 tuổi trên toàn quốc. Mục đích của cuộc thi là giúp nâng cao ý thức, vai trò và trách nhiệm của thanh thiếu niên trong việc gìn giữ, bảo tồn và phát huy giá trị Di sản thế giới, qua đó phát huy tính sáng tạo và lòng yêu mến di sản thế giới trong các em thiếu thi. Tại thành phố Hội An, cuộc thi đã được UBND thành phố Hội An thống nhất cho phép Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp triển khai, tại công văn số 2822/UBND ngày 19/12/2013 và chính thức phát động từ ngày 04/01 - 25/01/2013. Một kết quả bất ngờ là tổng số tranh vẽ dự thi lên đến 1070 bức với các chủ đề đa dạng về di sản như Chùa Cầu, phố Hội, sông Hoài, Thành nhà Hồ, Hoàng thành Thăng Long, thiếu nhi với di



sản,... Qua đó, cho thấy tuổi trẻ Hội An đã có sự quan tâm nhất định đến những giá trị di sản quê hương. BTC Cuộc thi vẽ tranh Di sản trong tay bạn tại Hội An đã họp tổng kết sơ bộ kết quả và gửi tác phẩm dự thi về Văn phòng UNESCO Hà Nội ✨

Triển lãm ảnh Hoàng Sa, Trường Sa – Biển đảo của Việt Nam

Ngọc Hương



Nằm trong kế hoạch triển lãm ảnh “*Hoàng Sa, Trường Sa - Biển đảo của Việt Nam*” của UBND thành phố Hội An, vào sáng ngày 09/01/2013, Ban thường vụ Thành Đoàn cùng Ban chấp hành Chi đoàn Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp với Chi đoàn trường Cao Đẳng Điện lực miền Trung tổ chức triển lãm ảnh “*Hoàng Sa, Trường Sa - Biển đảo của Việt Nam*” tại Trường Cao Đẳng Điện lực Miền Trung. Tham dự buổi khai mạc triển lãm có đại biểu lãnh đạo Thành đoàn Hội An cùng đông đảo đoàn viên, sinh viên của trường Cao Đẳng Điện lực miền Trung. Đợt triển lãm này góp phần tuyên truyền cho

các sinh viên đang theo học tại Trường biết và hiểu rõ hơn về chủ quyền biển đảo của Việt Nam✱

Phê duyệt đơn giá ngôi âm dương phục vụ tu bổ, tôn tạo di tích Đình Xuân Mỹ

Phòng Tu bổ Di tích

Ngày 11/01/2013, UBND thành phố Hội An ban hành Quyết định số 52/QĐ - UBND về việc phê duyệt đơn giá ngôi âm dương phục vụ tu bổ, tôn tạo di tích Đình Xuân Mỹ. Theo đó, đơn giá ngôi âm dương kích thước 18cm x 18cm, dày 1cm là 1.398 đồng/viên chưa tính thuế giá trị gia tăng và phí vận chuyển. Ngôi sẽ được nung tại lò gốm ông Lê Văn Xê ở khối Nam Diêu, phường Thanh Hà. Quyết định này đã tạo điều kiện thuận lợi để sản xuất ngôi âm dương có chất lượng cao phục vụ công tác tu bổ di tích đình Xuân Mỹ nói riêng, và là tiền đề để sản xuất ngôi âm dương truyền thống tại chỗ phục vụ công tác bảo tồn di tích ở Hội An nói chung✱

Tiếp và làm việc với đoàn đại biểu thị xã Sơn Tây- thành phố Hà Nội

Thanh Lương

Ngày 11/01/2013, Ông Nguyễn Văn Dũng - Phó Chủ tịch UBND thành phố Hội An cùng đại biểu lãnh đạo các cơ quan ban ngành Phòng Văn hóa - Thông tin, Thương mại & Du lịch, Đội Kiểm tra Quy tắc, Văn phòng

UBND Thành phố, Trung tâm Văn hóa - Thể thao, Trung tâm QLBT Di sản Văn hóa Hội An, UBND Phường Minh An đã có buổi làm việc với đoàn đại biểu lãnh đạo chính quyền và các cơ quan ban ngành Thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội do ông Đặng Vũ Nhật Thăng - Phó Bí thư Thị ủy - Chủ tịch UBND thị xã Sơn Tây làm trưởng đoàn. Mục đích chuyến công tác của đoàn là trao đổi, học hỏi kinh nghiệm của chính quyền thành phố Hội An trong lĩnh vực quản lý, bảo tồn và tu bổ di tích, di sản cũng như trình tự, thủ tục và kinh nghiệm trong việc xây dựng hồ sơ trình UNESCO công nhận Đô thị cổ Hội An là Di sản Văn hoá Thế giới. Qua trao đổi, đoàn đánh giá cao những nỗ lực, thành quả của thành phố Hội An đạt được và xem đây là những kinh nghiệm quý báu để chính quyền thị xã Sơn Tây học hỏi, triển khai các hoạt động quản lý, bảo tồn, tu bổ tiến đến lập hồ sơ trình UNESCO công nhận Làng cổ Đường Lâm (*thuộc thị xã Sơn Tây*) là Di sản Văn hoá Thế giới trong thời gian đến✱

Đài truyền hình DTVT thành phố Đà Nẵng làm phim quảng bá về du lịch Hội An

Ngọc Hương

Vào ngày 24/01/2013, Đài truyền hình DTVT thành phố Đà Nẵng đã đến Hội An làm phim quảng bá về du lịch Hội An. Trong đó đoàn đã tiến hành thực hiện chương trình tham quan du lịch tại các điểm di tích kết hợp với “*Tour sưu tập con dấu kỷ*

niệm về các di tích ở Hội An” đã được thực hiện trong các sự kiện “Giao lưu văn hóa Hội An - Nhật Bản” năm 2011, 2012. Đồng thời đoàn đã thực hiện phóng sự tại làng Mộc Kim Bồng - xã Cẩm Kim. Đây là dịp để quảng bá thêm cho các hoạt động du lịch tại Khu phố cổ Hội An nói riêng, thành phố Hội An nói chung ✱

Phân bổ nguồn xây dựng cơ bản từ nguồn hỗ trợ trùng tu di tích đợt I năm 2013

Nữ Phương

Ngày 30/01/2013, UBND thành phố Hội An đã ban hành Quyết định số 211/QĐ-UBND về việc phân bổ nguồn vốn xây dựng cơ bản từ nguồn hỗ trợ trùng tu di tích đợt 1 - năm 2013 với số tiền 01 tỷ đồng để thanh quyết toán các công trình nhà nước đã tu bổ trên địa bàn thành phố do Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An làm chủ đầu tư. Đây là nguồn kinh phí từ ngân sách Thành phố, với việc phân bổ này nhằm kịp thời giải ngân vốn cho các công trình đã tu bổ trong thời gian qua, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị di sản thuộc khu di sản văn hóa thế giới Hội An ✱

MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG TRONG DỊP TẾT NGUYÊN ĐÁN QUÝ TÝ 2013

Phòng Quản lý Di tích

Mừng xuân Quý Tỵ, nhằm phục vụ nhân dân, khách tham quan du lịch

trong dịp Tết cổ truyền, qua đó góp phần quảng bá hình ảnh Di sản Hội An đến với bạn bè khắp nơi, năm nay, từ ngày 24 tháng Chạp đến ngày mùng 7 tháng Giêng (04/02/2013 – 16/02/2013), Ban Tổ chức Hội Tết Dân tộc Quý Tỵ thành phố Hội An tổ chức nhiều hoạt động có ý nghĩa thiết thực, mới lạ, nhằm tạo không khí vui chơi phấn khởi, khí thế thi đua sôi nổi để đón chào năm mới ✱

Khai mạc hội thi đèn lồng lần thứ V và hội đón giao thừa



Vào đêm 29 tháng Chạp (09/02/2013), tại Quảng trường Sông Hoài, Ban Tổ chức Hội Tết Quý Tỵ thành phố Hội An tổ chức chương trình khai mạc hội thi đèn lồng lần thứ V và kết hợp với hội đón giao thừa xuân Quý Tỵ. Sau phần tuyên bố khai mạc hội thi đèn lồng của ông Trương Văn Bay - Phó Ban Tổ chức Hội Tết là phần trình diễn pháo hoa đầy ấn tượng đã tạo nên không khí vui tươi, phấn khởi cho đông đảo người xem. Mặc dù trời mưa lớn, nhưng nhiều người cho rằng đây là dấu hiệu khởi đầu của một năm mới đầy tốt đẹp và hứa hẹn cho thành phố thân yêu của chúng ta ✱

Hội thi câu đối Xuân Quý Ty 2013

Nằm trong khuôn khổ các hoạt động Hội tết Quý Ty và Hội Đèn Lồng, Hội An năm 2013, từ ngày 09/02/2013 - 16/02/2013 (nhằm ngày 29 tháng Chạp - mồng 7/01 Quý Ty), Ban Tổ chức Hội Tết Quý Ty tổ chức trưng bày các câu đối xuân dự thi đạt giải tại vườn tượng An Hội. Hội thi được phát động rộng rãi trên nhiều tỉnh thành.



Kết quả Hội thi Ban tổ chức trao 09 giải, gồm: 02 giải nhì cho tác giả Đậu Văn Các - Vĩnh Lộc - Can Lộc - Hà Tĩnh và tác giả Nguyễn Tế Nhị - H4 - Cư Xá Đài PT-TH Đồng Nai. 03 giải ba gồm các tác giả Đinh Xuân Sơn - Ban Văn hóa Thông tin phường Tân An - Hội An; Phương Nam - Số 522 - Bình Quới - F. 28 - Quận Bình Thạnh - Thành phố Hồ Chí Minh; Đậu Văn Các - Vĩnh Lộc - Can Lộc - Hà Tĩnh. 04 giải khuyến khích gồm các tác giả: Vĩnh Ba - Số 666 Lê Duẩn - thành phố Huế; Trần Hoàng - Phòng 205 nhà E - Chung cư 29A Lê Hồng Phong - thành phố Huế; Lê Văn Bê - 167 Lý Thường Kiệt - phường Cẩm Phô - thành phố Hội An; Phùng Khắc Việt Hùng - Phùng Xá - Thạch Thất - Hà Nội *

Hội thi Giọng ca trẻ Nhóm ca trẻ - Thời trang nét xuân



Vào hai đêm ngày 10 và 11/02/2013 nhằm mồng 01 và mồng 02 Tết Quý Ty, tại Quảng trường Sông Hoài, Thành Đoàn thành phố Hội An phối hợp với Trung tâm Văn hóa - Thể thao thành phố tổ chức hội thi “Giọng ca trẻ - Nhóm ca trẻ - Thời trang nét xuân”. Hội thi đã thu hút được nhiều đơn vị các trường học, xã, phường, đơn vị hành chính sự nghiệp trên địa bàn Thành phố tham gia. Trong đó có 36 tiết mục được Ban giám khảo chấm chọn từ hơn 150 tiết mục tại vòng sơ khảo diễn ra trước đó. Kết quả chung cuộc giải nhất thuộc về Đoàn trường THPT Nguyễn Trãi, giải nhì thuộc về Đoàn trường THPT Trần Quý Cáp, Đoàn phường Cẩm Phô giành giải ba. Đây là một hoạt động văn hóa - văn nghệ của tuổi trẻ Thành phố nhằm chào mừng 83 năm ngày thành lập Đảng (03/02/1930 - 03/02/2013) và chào mừng xuân Quý Ty - 2013 *

Hoạt động phục dựng cây nêu ngày tết Xuân Quý Tỵ - 2013

Phát
huy kết quả
của Hội thi
dựng nêu
mừng xuân
Nhâm Thìn
2012, năm
nay,
UBND
Thành phố
tiếp tục tổ



chức hoạt động “Phục dựng cây nêu ngày Tết kết hợp với nghệ thuật sắp đặt lồng đèn”. Ban đầu có 23 đơn vị/di tích trên địa bàn Thành phố đăng ký tham gia nhưng đến khi chấm chọn thì có 21 đơn vị/di tích dựng nêu. Tuy nhiên, đối với một số di tích không đăng ký nhưng vẫn tham gia phục dựng cây nêu như Chùa Pháp Bảo, tịnh xá Ngọc Châu...

Qua chấm chọn, Ban Tổ chức đã trao 11 giải, gồm: Giải nhất thuộc về di tích Đình Sơn Phong; Đồng giải nhì là nhà thờ tộc Lê Văn - Cẩm Nam và Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An. Ba giải ba là Minh Hương Tụy Tiên đường, Trường THPT Nguyễn Trãi; Đình Đế Võng. Năm giải khuyến khích được trao cho Khách sạn Palm Garden, Văn phòng Hướng dẫn tham quan, Làng rau Trà Quế, Lãng Âm Linh ở khối Thanh Nam Đông - Cẩm Nam, Lãng Ngũ Hành ở khối Hà Trung - Cẩm Nam *

Tham gia hội thi lồng đèn Hội An lần thứ V - 2013 của khối di tích

Thực hiện kế hoạch của BTC Hội đèn lồng lần thứ V, Trung tâm đã lập thông báo và kèm theo thể lệ hội thi gửi đến 100 điểm di tích/bảo tàng trên địa bàn thành phố và thành lập tiểu ban vận động, sau 10 ngày, đã triển khai vận động, tuy nhiên do đa số di tích không có người làm và không có điều kiện về kinh phí nên ít tham gia, chỉ có 03 điểm di tích tham gia: Miếu Hy Hòa; Chùa Cầu và Quan Công miếu. Kết quả chấm chọn của Ban Giám khảo có 01 giải ba dành cho tác phẩm “Ấm áp mùa xuân” của điểm di tích Chùa Cầu.

Nhìn chung, do đa số điểm di tích không có người làm và kinh phí đầu tư cho một tác phẩm lồng đèn tương đối lớn nên năm nay số lượng tham gia hội thi lồng đèn của các điểm di tích rất ít mặc dù đã có sự vận động tích cực *

Hội thi thể hình thành phố Hội An

Vào tối mùng 5 Tết (14/02/2013), tại Quảng trường Sông Hoài diễn ra hội thi thể hình thành phố Hội An. Đây là lần đầu tiên được Thành phố tổ chức với sự tham gia của 16 vận động viên đến từ 4 câu lạc bộ trên địa bàn Thành phố. Kết quả hội thi, Ban Tổ chức đã trao huy chương vàng cho các vận động viên: Phạm Quang Thuật - CLB Sơn Phong (hạng cân dưới



60kg), Hồ Tấn Khoa - CLB Lâm Hồng Khanh (*hạng cân 60-65kg*) và Phạm Công Viên - CLB Sơn Phong (*hạng cân trên 65kg*). Giải nhất toàn đoàn được trao cho CLB Sơn Phong với thành tích 7 huy chương (02 vàng, 01 bạc và 04 đồng) ✱

Hội đua ghe ngang

Một hoạt động nằm trong chương trình Hội Tết của Thành phố năm nay đã thu hút sự tham gia cổ vũ nhiệt tình của người dân địa phương và du khách tại sông Bạch Đằng Hội An đó là hội đua ghe ngang, được tổ chức vào chiều mùng 6 Tết (15/02/2013). Tham gia giải lần này có 9 thuyền đua của các xã, phường và theo quy định của Ban Tổ chức ở mỗi ghe đua có một du khách nước ngoài cùng tham gia.

Kết quả Ban Tổ chức đã trao giải với hai nội dung. Ở giải khai mạc với 2 vòng đôi (1000m), giải nhất thuộc về ghe đua của phường Minh An, giải nhì là ghe Cẩm Kim và giải ba là Cẩm Nam. Ở giải bơi chính, 4 vòng đôi (2000m), ghe đua xã Cẩm Kim về nhất, nhì là ghe Cẩm Hà và ba là Thanh Hà ✱

Bế mạc Hội Tết Quý Tỵ 2013

Hội Tết Dân tộc Quý Tỵ diễn ra trong 12 ngày với nhiều hoạt động phong phú, sôi nổi đã khép lại vào tối mùng 7 Tết (16/02/2013) bằng chương trình bế mạc Hội Tết được tổ chức tại sân khấu Quảng trường Sông Hoài. Trong đêm bế mạc, Ban Tổ chức đã công bố và trao giải thưởng cho tất cả các hoạt động. Cũng trong đêm đó, một số tiết mục, chương trình đoạt giải được trình diễn lại để mọi người cùng thưởng thức ✱



Lễ cúng Cầu Bông tại làng Rau Trà Quế

Lệ Xuân

Như thường lệ, lễ cúng Cầu Bông tại làng rau Trà Quế diễn ra vào ngày mùng 7 Tết (16/02/2013), tại làng rau Trà Quế. Năm nay, với sự phối hợp của cộng đồng nhân dân thôn Trà Quế



cùng với UBND xã Cẩm Hà, lễ hội Cầu Bông được tổ chức bài bản và tạo được không khí vui tươi, phấn khởi trong đầu năm mới.

Trước tiên là lễ cúng Thần Nông, Tiền hiền của làng, cầu cho mùa màng bội thu, xóm thôn được bình an. Sau phần cúng tế là phần thi thao tác nghề truyền thống, mỗi tổ của thôn Trà Quế chọn ra 02 người để tham gia thi đánh luống trồng rau; Bên cạnh đó là phần thi nấu ăn, mỗi tổ cũng chọn ra những người nội trợ khéo tay để chế biến những món ăn mà bắt buộc phải có hương vị của rau Trà Quế, ban giám khảo của phần thi này là du khách, những khách mời của địa phương...

Với nghi thức cúng tế đảm bảo tính truyền thống cùng với những hoạt động vui chơi thiết thực, lễ hội này đã tạo được sự giao lưu giữa người dân địa phương cùng du khách, qua đó, góp phần giới thiệu văn hóa truyền thống, quảng bá sản phẩm của địa phương đến với bạn bè khắp nơi ✨

Tết Nguyên Tiêu năm Quý Tỵ 2013

Lệ Xuân

Nhằm phục vụ nhu cầu tín ngưỡng của nhân trong và ngoài thành phố Hội An trong dịp đầu năm mới, đồng thời góp phần tạo nên sức hấp dẫn, thu hút của Di sản văn hóa thế giới Hội An, như mọi năm, các hoạt động Tết Nguyên Tiêu năm nay diễn ra từ ngày 14 đến ngày 16 tháng Giêng (23/02/2013 - 25/02/2013), với một số



hoạt động: Đêm phố cổ (14 tháng Giêng) và Đêm thơ Nguyên Tiêu (đêm 14 tháng Giêng); Lễ giỗ Tiền hiền tại các hội quán Quảng Triệu, Triều Châu; Lễ cúng Nguyên Tiêu tại hội quán Phúc Kiến, Quan Công miếu, Tụy Tiên đường Minh Hương...

Với thời tiết thuận lợi, Hội Tết Nguyên Tiêu ở Hội An năm nay mà cụ thể là tại các điểm di tích trong Khu phố cổ chính thức diễn ra từ lúc 4h00 - 16h30 ngày 16 tháng Giêng âm lịch, đã thu hút đông đảo người dân địa phương và bà con, du khách ở xa đến dâng hương, tham quan.

Nhìn chung, sinh hoạt tín ngưỡng trong ngày lễ Nguyên Tiêu tại các điểm di tích nói trên diễn ra theo truyền thống, không có hoạt động mê tín dị đoan, đảm bảo nhu cầu tín ngưỡng của người dân ✨

Lễ tế xuân và khánh thành di tích khu miếu áp Bàu Súng

Lệ Xuân

Vào ngày 27/02/2013, tức ngày 18 tháng Giêng năm Quý Tỵ, tại di tích khu miếu áp Bàu Súng - phường Thanh Hà, bà con nhân dân xóm Bàu



Súng long trọng tổ chức lễ xuân đầu năm theo lệ truyền từ xưa nhằm tri ân công đức của các bậc tiền hiền, thánh thần và cầu cho mưa thuận gió hòa, thôn xóm yên vui.

Đặc biệt, trong năm 2012, khu miếu ấp Bàu Súng đã được UBND thành phố Hội An đầu tư tổng kinh phí tu bổ là 572.571.000đ, nên trong lễ tế xuân năm nay bà con xóm Bàu Súng kết hợp tổ chức lễ khánh thành ngôi miếu. Buổi lễ tế xuân và khánh thành khu miếu bắt đầu từ lúc 7h30, diễn ra trong không khí trang nghiêm, thành kính với sự tham gia của đông đảo bà con địa phương cùng quý vị đại biểu ✱

Nghiệm thu sản xuất ngói âm dương bằng phương pháp truyền thống để phục vụ tu bổ Đình Xuân Mỹ

Ngọc Hương

Thực hiện sự chỉ đạo của UBND thành phố Hội An, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã lập đề án sản xuất vật liệu ngói âm dương truyền thống phục vụ công tác tu bổ di tích ở Hội An hiện nay nhằm hướng đến bảo tồn bền vững di sản văn hóa Hội An nói chung và di tích kiến trúc



nghệ thuật ở Hội An nói riêng. Vừa qua, theo nguyện vọng của cộng đồng cư dân trong việc tu bổ di tích Đình Xuân Mỹ, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã phối hợp với một số ban ngành hữu quan của Thành phố và ông Lê Văn Xê, một người dân giàu kinh nghiệm trong sản xuất ngói âm dương ở làng gốm Nam Diêu xúc tiến các thủ tục để triển khai sản xuất thí điểm 25.000 viên ngói âm dương theo phương pháp truyền thống để tu bổ di tích Đình Xuân Mỹ. Vào ngày 05/03/2013, tại lò gốm ông Lê Văn Xê - khối Nam Diêu - phường Thanh Hà, Hội đồng nghiệm thu gồm Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An cùng các ban ngành liên quan của Thành phố và công ty xây dựng Kim An tiến hành nghiệm thu ngói âm dương phục vụ cho công tác tu bổ di tích đình Xuân Mỹ. Qua đánh giá về chất lượng và kỹ thuật, Hội đồng nghiệm thu đã thống nhất cho phép sử dụng để tu bổ di tích đình Xuân Mỹ. Đồng thời đề nghị trong thời gian tới việc tu bổ các di tích trên địa bàn thành phố Hội An cũng cần sử dụng loại ngói có chất lượng và kỹ thuật tương ứng như vậy ✱

**Thành lập Ban Quản lý các dự án tu bổ,
tôn tạo di tích thuộc nguồn vốn
xây dựng cơ bản tập trung của Thành phố
Việt Nam**

Vừa qua, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An ban hành quyết định số 149/QĐ - DSVH ngày 07/3/2013 về việc thành lập Ban Quản lý dự án tu bổ, tôn tạo di tích thuộc nguồn vốn XDCB tập trung của Thành phố (gọi tắt là *Ban Quản lý dự án*). Ban dự án gồm 15 thành viên trong đó Ông Võ Đăng Phong - Phó Giám đốc Trung tâm làm Trưởng Ban; các ông Trần Văn An - Phó Giám đốc Trung tâm, Phạm Phú Ngọc, Phạm Việt Tâm cán bộ Trung tâm làm phó ban. Ban quản lý dự án có trách nhiệm thực hiện các thủ tục quản lý đầu tư xây dựng theo đúng quy định hiện hành và kịp thời báo cáo Chủ đầu tư các vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao để chỉ đạo xử lý *

Gặp mặt nhân chứng nhà Lao Hội An

Nguyễn Cường

Sáng ngày 14/3/2013, tại di tích nhà lao Hội An, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa tổ chức buổi gặp mặt nhân chứng xin ý kiến góp ý để triển khai tu bổ các hạng mục tiếp theo của Dự án tu bổ, tôn tạo di tích nhà lao Hội An trong năm 2013. Buổi gặp mặt có sự tham gia của 16 nhân chứng là cựu tù yêu nước từng bị giam cầm ở nhà lao Hội An trong thời kỳ



kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Nội dung buổi gặp mặt tập trung vào các hạng mục: hệ thống điện, hệ thống nước, hệ thống cửa ở cổng và các phòng giam, hệ thống cây xanh và lối đi trong khuôn viên nhà lao trước năm 1975. Qua buổi gặp mặt, các nhân chứng đã cung cấp nhiều thông tin mới, làm cơ sở quan trọng để Trung tâm đề xuất phương án tu bổ, tôn tạo các hạng mục này với Ban quản lý Dự án để triển khai thực hiện trong thời gian đến *

Phân bổ vốn xây dựng cơ bản từ nguồn hỗ trợ trùng tu di tích đợt 2 - 2013

Tuyết Anh

Để phục vụ các công tác liên quan đến tu bổ di tích trong năm 2013, vào ngày 18/3/2013, UBND thành phố Hội An đã ban hành Quyết định số 409/QĐ-UBND về phân bổ vốn xây dựng cơ bản từ nguồn hỗ trợ trùng tu di tích đợt II - năm 2013 với tổng số tiền 2,5 tỷ đồng. Trong đó, kinh phí tu bổ di tích Nhà nước là 1.512,3 triệu đồng, tu bổ di tích tư nhân, tập thể là 567,7 triệu đồng và kinh phí văn hoá phi vật thể là 420 triệu đồng *

Nghiệm thu đưa vào sử dụng công trình hỗ trợ di tích tư nhân - tập thể

Thân Danh

Ngày 20/3/2013, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp cùng các ban ngành trên địa bàn Thành phố và UBND phường Minh An tiến hành nghiệm thu hoàn thành hệ mái ngói âm dương di tích số 10 Bạch Đằng (di tích loại 4) - phường Minh An. Công trình này sau khi nghiệm thu và hoàn thành quyết toán sẽ được hỗ trợ 40% hệ mái ngói âm dương (bao gồm ngói âm dương, rui, đòn tay và nhân công thực hiện) theo Quyết định hỗ trợ số 20/QĐ-UBND ngày 04/01/2013 của UBND thành phố Hội An *

Thành phố Hội An hưởng ứng giờ trái đất năm 2013

Phước Tịnh

Vào lúc 8h30' tối ngày 23/3/2013, cũng như nhiều thành phố trên cả nước, thành phố Hội An đã tắt đèn chiếu sáng trong vòng 60 phút để hưởng ứng chiến dịch Giờ trái đất với chủ đề “Liên kết mọi người cùng bảo



vệ hành tinh”. Nhiều hoạt động song hành với Giờ Trái đất ở Hội An diễn ra như mọi người cùng tổng vệ sinh môi trường, khơi thông cống rãnh, thu gom rác thải và vớt rác trên sông Hoài; Hội đèn - trưng bày các loại đèn dầu xưa do các nhà sưu tập cung cấp tại khu vườn tượng An Hội; Hội hoa đăng “Lung linh đêm sông Hoài” với hơn 3.000 hoa đăng được thả xuống dòng sông Hoài, phát hơn 5.000 tờ rơi tuyên truyền... Năm nay, giờ trái đất ở thành phố Hội An được đông đảo người dân, du khách cùng cán bộ, công nhân viên các ban ngành, đoàn thể, doanh nghiệp tham gia. Đây là hoạt động có ý nghĩa thiết thực nhằm góp phần tiết kiệm điện năng, nâng cao nhận thức về những giá trị thiên nhiên ban tặng cũng như giảm thiểu tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu *

Tham dự Hội nghị

Tập huấn Nghị định số 70/2012/NĐ-CP
và Thông tư số 18/2012/TT-BVHTTDL

Việt Tâm

Vào ngày 25/3/2013, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch giao cho Cục Di sản văn hóa chủ trì tổ chức Hội nghị - Tập huấn trực tuyến tại 3 điểm cầu tại thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng để phổ biến Nghị định số 70/2012/NĐ - CP ngày 18/9/2012 quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và Thông tư số 18/2012/TT - BVHTTDL ngày

28/12/2012 quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An cử hai đồng chí là cán bộ chuyên môn trong công tác tu bổ tôn tạo, trùng tu di tích trên địa bàn thành phố Hội An tham dự tại hội nghị này.

Tham dự Hội nghị tập huấn trực tuyến tại điểm cầu Hà Nội gồm 28 tỉnh, thành phố; thành phố Hồ Chí Minh có 21 tỉnh, thành phố và điểm cầu tại thành phố Đà Nẵng là 14 đơn vị tỉnh, thành phố. Đây là hai văn bản pháp luật quan trọng quy định nhiều nội dung về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích nên thu hút sự quan tâm của nhiều Tỉnh thành trong cả nước *

Ngày hội Thanh niên Việt Nam năm 2013

BCH Chi đoàn

Nhằm nâng cao nhận thức, niềm tự hào dân tộc, tự hào về truyền thống của Đảng, của tổ chức Đoàn trong đông đảo đoàn viên, thanh niên trên địa bàn Thành phố, đồng thời hưởng ứng Tháng Thanh Niên, vào ngày 26/3/2012, Thành đoàn Hội An tổ chức “Ngày hội Thanh niên Việt Nam năm 2013” với nhiều hoạt động có ý nghĩa thiết thực.

Khởi đầu ngày hội là lễ khai mạc ngày hội Thanh niên Việt Nam của tuổi trẻ thành phố Hội An được tổ chức tại sân Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hội An với gần 200 đoàn viên thanh niên tham gia, sau hồi trống khai hội của đồng chí



Kiều Cư - Phó Bí thư Thành ủy là lệnh xuất quân hành quân về khu di tích lịch sử cách mạng Thượng Phước - xã Cẩm Kim bằng xe đạp của tất cả đoàn viên tham gia.

Đây là hoạt động có ý nghĩa, nhằm khơi dậy tinh thần tình nguyện, xung kích của đoàn viên qua đó nâng cao sự hiểu biết về những địa chỉ đỏ của địa phương, đồng thời mở rộng đoàn kết tập hợp thanh niên trên địa bàn Thành phố *

Thống nhất cho thực hiện vẽ ghi hiện trạng kiến trúc một số di tích loại đặc biệt trong Khu phố cổ

Tú Anh

Nhận thấy việc vẽ ghi hiện trạng kiến trúc các di tích trong Khu phố cổ có ý nghĩa hết sức quan trọng, nhằm xây dựng nguồn tư liệu, làm cơ sở vững chắc cho công tác quản lý và bảo tồn các di tích, nhất là đối với các di tích đã được xếp hạng loại đặc biệt và loại 1. Vào ngày 26/3/2013, UBND thành phố Hội An ban hành công văn số 577 về thống nhất chủ trương cho thực hiện vẽ ghi hiện trạng kiến trúc

các loại di tích đặc biệt gồm: Di tích Chùa Cầu và 05 Hội quán: Hải Nam, Phúc Kiến, Ngũ Bang, Quảng Triệu và Triều Châu *

Tọa đàm về hoạt động bảo tồn

và phát huy Đô thị cổ Hội An
giai đoạn 1999 - 2010

Thu Thủy - Ngọc Uyển

Nằm trong chuỗi các sự kiện kỷ niệm 40 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản; được sự thống nhất của UBND tỉnh Quảng Nam; sáng ngày 27/3/2013 tại hội trường Quảng trường sông Hoài, UBND Thành phố Hội An tổ chức Tọa đàm về Hoạt động bảo tồn và phát huy khu phố cổ Hội An giai đoạn 1999 - 2010. Đây là kết quả chương trình hợp tác 3 năm (2010 - 2013) giữa UBND thành phố Hội An với các trường Đại học Chiba, Nữ Chiêu Hòa (*Nhật Bản*) nhằm khảo sát, tìm hiểu những thay đổi về cảnh quan trong khu phố cổ qua đó thấy được những mặt tích cực, tiêu cực dưới tác động của sự phát triển du lịch, đồng thời đưa ra những đề xuất, kiến nghị nhằm phục vụ công tác bảo tồn và phát huy bền vững giá trị của khu phố cổ Hội An.

Qua kết quả 3 năm nghiên cứu, bằng phương pháp khảo sát, điều tra, Tiến sĩ Utsumi Sawako cho biết: Trong 21 nhà cổ được khảo sát năm 2011 thì có 5 ngôi nhà không còn chức năng sinh hoạt mà chỉ sử dụng cho mục đích kinh doanh; Không gian sinh

hoạt của gia đình bị hạn hẹp; Nơi thờ phượng trong gia đình bị che khuất bởi hàng hoá; còn sản phẩm hàng hóa thì giống nhau và chủ yếu là từ nơi khác đến;... Theo tiến sĩ điều này sẽ ảnh hưởng đến việc bảo tồn và phát triển bền vững ở khu phố cổ Hội An.

Bằng hình thức minh họa một số trường hợp bảo tồn ở Nhật Bản, Giáo sư Fukukawa Yuichi – một người có nhiều năm nghiên cứu ở Hội An đã đưa ra một số kiến nghị cho công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Hội An như sau: Cần xác định lại vị trí khu vực bảo tồn và giá trị của khu di sản; Cần khôi phục lại không gian cây xanh ở hai bên bờ sông An Hội; Trong quá trình phát triển, lưu ý đến nơi đậu đỗ xe, nhất là xe ô tô, tránh gây áp lực cho khu phố cổ; Cần có những cơ chế để khuyến khích người dân sống trong ngôi nhà của chính mình; Các dịch vụ công cộng như bệnh xá, nhà trẻ, cơ quan,... nên được duy trì trong khu phố cổ; Nên bảo tồn nhà cổ nhưng đáp ứng nhu cầu đời sống hiện đại cho người dân; Nên sử dụng một số ngôi nhà cổ làm nhà trọ để cho du khách trải nghiệm.

Qua báo cáo kết luận của tiến sĩ Utsumi Sawako và đề xuất của giáo sư Fukukawa Yuichi, ông Nguyễn Văn Dũng - Phó Chủ tịch UBND Thành phố đặt ra nhiều vấn đề còn tồn tại trong công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa ở Hội An và đề nghị các cơ quan ban ngành có liên quan tiếp tục nghiên cứu để giải quyết từng vấn đề cụ thể *

Lễ hội Cầu Ngư tại Lăng Tiêu Diện - phường Cửa Đại

Lệ Xuân

Lăng Tiêu Diện còn có tên gọi là lăng Tứ Chánh Vạn, thuộc khối Phước Thịnh phường Cửa Đại, là nơi thờ Tiêu Diện Đại Sĩ Diệm Khẩu Quỷ Vương và thần Nam Hải Cự tộc Ngọc Lân tôn thần và Ngũ hành Tiên nương, hàng năm vào ngày 16/2 và 16/8 âm lịch ngư dân địa phương tổ chức cúng tế Nam Hải Ngọc Lân và Tiêu Diện Đại Sĩ, nhằm cầu mong bình an, mưa thuận gió hoà, mùa vụ bội thu. Trong những năm gần đây, UBND thành phố Hội An đã chọn lễ hội Cầu Ngư tại lăng Tiêu Diện là một trong những lễ hội nằm trong chương trình các sự kiện văn hóa - du lịch, lễ hội trong năm.

Năm nay, được sự chuẩn bị chu đáo của bà con địa phương cùng UBND phường Cửa Đại, lễ hội Cầu Ngư diễn ra vào ngày 16/2 âm lịch (27/3/2013), lễ nghinh thần trên bộ và trên sông bắt đầu vào lúc 6h30' kéo dài đến 9h30' là đi vào lễ tế chính, buổi chiều là diễn xướng bả trạo, buổi tối tổ chức hát tuồng. Sang ngày 17/02



al, tổ chức đua thuyền ngang kết hợp lễ phát động ra quân đánh bắt cá vụ Nam.

Đây là lễ hội gắn liền với đời sống tinh thần của cư dân sống bằng nghề sông nước, là một trong những lễ hội độc đáo, giàu tính nhân văn, lễ hội diễn ra trong không khí trang nghiêm, đảm bảo tính truyền thống với sự tham gia đông đảo của bà con *

**Viếng nghĩa trang liệt sĩ
nhân ngày giải phóng Hội An
(28/3/1975 - 28/3/2013)**

Nguyễn Cường



Nhân kỷ niệm 38 năm ngày Hội An hoàn toàn giải phóng (28/3/1975-28/3/2013), sáng ngày 28/3/2013, Ban thường vụ Thành ủy, Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN Thành phố tổ chức lễ viếng nghĩa trang liệt sĩ Thành phố.

Tham dự buổi lễ có các đồng chí trong Ban chấp hành Đảng bộ, đại biểu HĐND, UBND Thành phố, các đồng chí nguyên là lãnh đạo Thành phố, bà mẹ Việt Nam anh hùng, thương binh, đại diện gia đình liệt sĩ, đại biểu lãnh đạo các cơ quan, ban

ngành, đoàn thể, địa phương, đại biểu các chức sắc, tôn giáo, đại diện bà con người Hoa ở Hội An, các công ty xí nghiệp, trường học và quân đội đóng trên địa bàn Thành phố.

Trong không khí trang nghiêm của buổi lễ, các vị đại biểu đã kính cẩn nghiêng mình trước vong linh các anh hùng liệt sĩ, đồng bào, đồng chí đã chiến đấu, hy sinh cho sự nghiệp đấu tranh cách mạng tiến lên thống nhất nước nhà. Cũng tại buổi lễ, các vị đại biểu đã đặt vòng hoa, viếng hương tượng đài và các phần mộ liệt sĩ*

**Khai mạc Đại hội Thể dục Thể thao
lần thứ VII và Đại hội Thể dục Thể thao
quốc phòng LLVT thành phố Hội An
năm 2013**

Nguyễn Cường



Trong không khí hân hoan chào mừng kỉ niệm 38 năm ngày giải phóng Hội An, sáng ngày 28/3/2013, tại sân vận động Hội An đã diễn ra lễ khai mạc Đại hội thể dục thể thao lần thứ VII và đại hội thể dục thể thao quốc phòng lực lượng vũ trang Thành phố năm 2013.

Tham dự buổi lễ có đại diện lãnh đạo Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng

Nam, Sở Văn hóa thể thao và du lịch tỉnh, các đồng chí trong Ban thường vụ Thành ủy, Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN Thành phố, lãnh đạo các cơ quan, ban ngành, địa phương, các tổ chức đoàn thể, các doanh nghiệp, trường học, đơn vị lực lượng vũ trang, lực lượng tự vệ và hơn 5.000 đại biểu đại diện cho các tổ chức chính trị, xã hội, các cơ quan, đơn vị, trường học, vận động viên và quần chúng nhân dân trên địa bàn Thành phố.

Sau màn diễu hành của các lực lượng tham dự, đồng chí Nguyễn Sự - Bí thư Thành ủy, Chủ tịch HĐND Thành phố đã châm đuốc khai mạc đại hội.

Phát biểu tại buổi lễ, đồng chí Lê Văn Giảng - Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch UBND Thành phố nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc rèn luyện thể dục thể thao trong suốt chặng đường đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc ta nói chung, của quê hương Hội An nói riêng. Trong thời đại cách mạng mới hiện nay, việc rèn luyện thể dục thể thao trong các lực lượng vũ trang và quần chúng nhân dân sẽ là động lực quan trọng để Thành phố tiếp tục gặt hái nhiều thành quả hơn nữa trên các lĩnh vực bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phát triển kinh tế trong thời gian đến. Nhân dịp này, thay mặt Thành phố, đồng chí Lê Văn Giảng đã phát động *Cuộc vận động toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại của Thành phố giai đoạn 2013 - 2020* với các chỉ tiêu cụ thể, sát hợp với điều kiện và định hướng phát triển chung của Thành phố đến năm 2020*

Lễ tế Xuân đầu năm tại một số di tích trên địa bàn Thành phố

Lệ Xuân

Vào những ngày đầu năm sau tết Quý Tỵ, tại nhiều di tích trên địa bàn thành phố Hội An, bà con nhân dân địa phương đã long trọng tổ chức lễ cúng cầu an, lễ cúng đất và một số lễ cúng khác liên quan đến nghề nghiệp của từng làng, cộng đồng. Thời gian tổ chức bắt đầu từ ngày mùng 06 tháng Giêng âm lịch với lễ giỗ tổ nghề mộc Kim Bồng. Tiếp sau đó là lễ Cầu Bông ở làng rau Trà Quế, lễ giỗ tổ nghề gốm Thanh Hà và nhiều lễ cúng cầu an tại đình Sơn Phong, Tín Nghĩa Từ, đình Cẩm Phô, miếu Bàu Súng,... Bên cạnh các lễ cúng của người Việt, sau tết Nguyên Đán, cộng đồng người Hoa ở Hội An cũng tổ chức các hoạt động lễ Nguyên Tiêu và giỗ tổ tiên hiền khách quy mô, bài bản tại các hội quán, thu hút đông đảo người dân địa phương và vùng lân cận tham gia *.

Kiểm kê Di sản Văn hoá Phi vật thể nghề thủ công truyền thống ở Hội An

Ngọc Hương

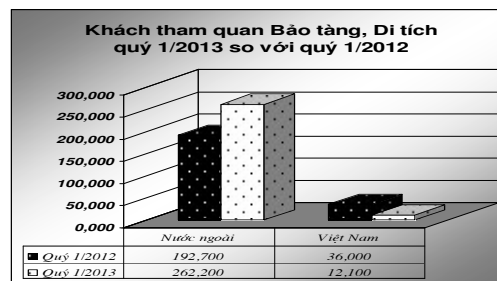
Thực hiện Văn bản số 376/VHTTDL-TCKH, ngày 30/5/2012 của Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch về kiểm kê khoa học di sản văn hóa phi vật thể làng nghề ở Hội An, trong quý I vừa qua, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tiến hành kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể của 12 nghề thủ công truyền thống trên địa bàn thành phố Hội An gồm: Nghề mộc Kim Bồng, Nghề Tranh tre

dừa - Cẩm Thanh, Nghề gốm - Thanh Hà, Nghề Rau - Trà Quế, Nghề làm bánh in, Nghề chế biến Cao Lầu, Nghề Yến - Thanh Châu, Nghề May, Nghề làm Lồng đèn, Nghề cào và chế biến hén, Nghề khai thác, chế biến thủy hải sản, Nghề Buôn. Đây là một phần trong công tác kiểm kê và lập hồ sơ khoa học về di sản văn hóa phi vật thể ở Hội An theo Thông tư 04/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhằm bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể của dân tộc. Bước đầu trong công tác kiểm kê cho thấy nhiều nghề truyền thống ở các địa phương trên địa bàn thành phố Hội An được bảo tồn và phát triển tốt, cần phát huy hơn nữa trong tương lai *.

Tình hình khách tham quan tại các Bảo tàng, di tích quý I/2013

Lệ Phương

Trong 3 tháng đầu năm 2013, các điểm Bảo tàng, Di tích trực thuộc Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã đón 262.200 lượt khách nước ngoài và 12.100 lượt khách nội địa đến tham quan.



Như vậy, so với quý I/2012 lượng khách nước ngoài quý I/2013 tăng 69.500 lượt khách, lượng khách Việt Nam giảm 23.900 lượt khách *.



BÀN

ĂN

BIỂU

VĂN BẢN PHÁP QUY

Trích Nghị định 70/2012/NĐ-CP về quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh

Quản lý Di tích

Vào ngày 18/9/2012, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 70/2012/NĐ-CP về quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

Trong số này, Ban Biên tập xin được giới thiệu chương I và chương II của nghị định để chúng ta cùng tham khảo.

Chương 1.

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Nghị định này quy định chi tiết về thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa,

danh lam thắng cảnh (sau đây gọi là di tích).

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam khi tiến hành các hoạt động lập, phê duyệt, quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích* là việc xác định phạm vi và biện pháp bảo quản, tu bổ, phục hồi các yếu tố gốc của di tích trong một khu vực xác định, định hướng tổ chức không gian các hạng mục công trình xây dựng mới, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và tạo lập môi trường cảnh quan thích hợp trong khu vực di tích.

2. *Dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích* là tập hợp đề xuất về các biện pháp bảo quản, tu bổ, phục hồi các yếu tố gốc của di tích, cảnh quan thiên nhiên, môi trường sinh thái và các yếu tố khác có liên quan nhằm mục đích bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

3. *Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích* là dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích có quy mô nhỏ được lập theo quy định của Luật xây dựng và các văn bản

quản lý đầu tư xây dựng cần phải tuân thủ trong thời gian lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật.

4. *Quy chuẩn bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích* là các quy định bắt buộc áp dụng trong hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về văn hóa, thể thao và du lịch ban hành.

5. *Tiêu chuẩn bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích* là chuẩn mực kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, trình tự thực hiện các công việc kỹ thuật, các chỉ tiêu, các chỉ số kỹ thuật, các chỉ số tự nhiên được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành hoặc công nhận để áp dụng trong hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích. Tiêu chuẩn bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích gồm tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng và tiêu chuẩn khuyến khích áp dụng.

Điều 3. Nguyên tắc cơ bản trong hoạt động lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng, di sản văn hóa, các Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Phù hợp với mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và quy hoạch phát triển các ngành trong phạm vi khu vực quy hoạch đã được phê duyệt nhằm đảm bảo đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, thống

nhất và hài hòa về hình thái không gian, kiến trúc khu vực, đảm bảo môi trường cảnh quan bền vững, kết hợp hài hòa giữa bảo tồn và phát triển trong khu vực.

3. Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích phải được lập, phê duyệt với định hướng lâu dài từ 10 năm đến 20 năm để làm cơ sở cho các hoạt động đầu tư bảo quản, tu bổ, phục hồi, khai thác, phát huy giá trị di tích. Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích phải phân thành định kỳ 5 năm kể từ năm 2010 để đánh giá lại, xem xét điều chỉnh (nếu cần thiết) nhằm phù hợp với thực tiễn bảo vệ di tích, với quy hoạch xây dựng và các quy hoạch chuyên ngành khác đã được phê duyệt còn hiệu lực hoặc đã thực hiện.

4. Quy hoạch, dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích phải xuất phát từ nhiệm vụ giữ gìn tối đa các yếu tố gốc của di tích để phát huy giá trị. Đảm bảo tính đồng bộ và phù hợp về không gian kiến trúc, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, môi trường cảnh quan trong khu vực quy hoạch, dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

5. Dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích phải tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích và phù hợp với quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

6. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

Điều 4. Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân trong việc quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, báo cáo kinh tế-kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích và bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

1. Tổ chức, cá nhân tham gia lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (sau đây gọi chung là quy hoạch di tích), lập dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (sau đây gọi chung là dự án tu bổ di tích), lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (sau đây gọi chung là báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích), lập thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa và pháp luật về xây dựng.

2. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành quy định chi tiết điều kiện chuyên môn của tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện lập quy hoạch di tích, lập dự án tu bổ di tích, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, lập thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích và bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

Điều 5. Kinh phí lập quy hoạch di tích

Kinh phí lập quy hoạch di tích được cân đối từ nguồn kinh phí sự nghiệp hàng năm của ngân sách địa phương, ngân sách của Bộ, ngành được giao quản lý di tích và các nguồn tài trợ hợp pháp khác.

Chương 2.

QUY HOẠCH BẢO QUẢN, TU BỔ, PHỤC HỒI DI TÍCH

Điều 6. Phân loại quy hoạch di tích

Quy hoạch di tích được phân làm hai loại sau đây:

1. Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi hệ thống di tích (*sau đây gọi chung là quy hoạch hệ thống di tích*) là quy hoạch toàn bộ di tích trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bao gồm di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích;

2. Quy hoạch tổng thể bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (*sau đây gọi chung là quy hoạch tổng thể di tích*) là quy hoạch đối với một di tích quốc gia đặc biệt hoặc cụm di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh tạo thành một quần thể phân bố trong cùng một khu vực địa lý, có mối quan hệ mật thiết về lịch sử, văn hóa, khoa học.

Điều 7. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch di tích

Quy hoạch di tích với sản phẩm là các hồ sơ (*bản vẽ, thuyết minh*) và đồ án quy hoạch, được thực hiện theo trình tự sau đây:

1. Xin chủ trương (*kèm theo khái toán sơ bộ*) các công việc phục vụ lập quy hoạch di tích;

2. Tổ chức thực hiện điều tra, khảo sát, đánh giá sơ bộ về: Các vấn đề kinh tế - xã hội; bảo vệ và phát huy

giá trị di tích; đầu tư xây dựng và các vấn đề liên quan;

3. Thu thập bản đồ đo đạc địa hình khu vực, bản đồ quy hoạch xây dựng và quy hoạch chuyên ngành khác đã được phê duyệt còn hiệu lực liên quan tới khu vực lập quy hoạch di tích;

4. Tổ chức thực hiện điều tra, khảo sát, lập hồ sơ (*bản vẽ, thuyết minh*) đánh giá về giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ của di tích, di vật, di sản văn hóa phi vật thể thuộc phạm vi quy hoạch;

5. Tổ chức lấy ý kiến của tổ chức, cá nhân có liên quan để hoàn thiện nhiệm vụ quy hoạch di tích;

6. Lập, thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch di tích;

7. Tổ chức điều tra, khảo sát chi tiết, khai quật khảo cổ, thu thập tài liệu liên quan đến nội dung quy hoạch di tích;

8. Lập đồ án quy hoạch di tích;

9. Lấy ý kiến của tổ chức, cá nhân có liên quan về đồ án quy hoạch di tích;

10. Thẩm định và phê duyệt đồ án quy hoạch di tích;

11. Công bố công khai quy hoạch di tích đã được phê duyệt tại địa phương nơi có di tích.

12. Tổ chức cấm mốc giới theo quy hoạch di tích được duyệt.

Điều 8. Nhiệm vụ quy hoạch hệ thống di tích

1. Xác định yêu cầu nghiên cứu, khảo sát di tích và các yếu tố kinh tế -

xã hội liên quan trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Xác định đặc điểm, tính chất, giá trị, hiện trạng về tình trạng kỹ thuật, quản lý sử dụng và phát huy giá trị di tích thuộc phạm vi quy hoạch.

3. Đề xuất định hướng và kế hoạch lập quy hoạch tổng thể di tích, kế hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, kế hoạch cấm mốc giới bảo vệ di tích, kế hoạch giải tỏa vi phạm, kế hoạch tổ chức phát huy giá trị di tích cho từng giai đoạn 5 năm, 10 năm và đề xuất kế hoạch lập hồ sơ xếp hạng di tích đối với các đối tượng trong danh mục kiểm kê di tích.

4. Đánh giá môi trường chiến lược, dự báo tác động môi trường và đề xuất biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường trong khu vực.

5. Xác định nội dung chi tiết của đồ án quy hoạch, thời hạn hoàn thành đồ án quy hoạch.

Nhiệm vụ quy hoạch hệ thống di tích được xây dựng thành báo cáo trình cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 12 của Nghị định này.

Điều 9. Nội dung quy hoạch hệ thống di tích

Quy hoạch hệ thống di tích bao gồm những nội dung sau đây:

1. Căn cứ lập quy hoạch;

2. Đánh giá tổng quan về đặc điểm, tính chất, giá trị, hiện trạng, về tình trạng kỹ thuật, quản lý sử dụng và phát huy giá trị di tích thuộc phạm vi quy hoạch;

3. Mục tiêu dài hạn, mục tiêu ngắn hạn;

4. Thống kê, đánh giá hiện trạng và phân tích tình hình quản lý, sử dụng đất của di tích; xác định danh mục di tích cần điều chỉnh các khu vực bảo vệ di tích;

5. Đề xuất định hướng và kế hoạch cấm mốc giới bảo vệ di tích, giải tỏa vi phạm, danh mục di tích cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi theo giá trị và mức độ hư hỏng, tổ chức phát huy giá trị di tích cho từng giai đoạn 5 năm, 10 năm và kế hoạch lập hồ sơ xếp hạng di tích đối với các đối tượng trong danh mục kiểm kê di tích; đề xuất định hướng xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ việc bảo vệ, phát huy giá trị di tích;

6. Định hướng kết nối hạ tầng kỹ thuật;

7. Dự toán kinh phí và nguồn kinh phí thực hiện quy hoạch;

8. Đề xuất biện pháp giảm thiểu tác động môi trường;

9. Giải pháp, cơ chế chính sách để thực hiện quy hoạch.

Điều 10. Nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di tích

1. Xác định yêu cầu nghiên cứu, khảo sát di tích và các yếu tố kinh tế - xã hội có liên quan.

2. Nghiên cứu đánh giá các yếu tố kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến việc lập và triển khai quy hoạch.

3. Xác định đặc trưng và giá trị tiêu biểu của di tích.

4. Đề xuất định hướng, kế hoạch lập quy hoạch tổng thể di tích và kế hoạch chi tiết cho các việc cấm mốc giới, giải tỏa vi phạm, tổ chức phát huy giá trị di tích và lập hồ sơ xếp hạng di tích.

5. Đề xuất định hướng tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan cho việc bảo tồn di tích và xây dựng mới.

6. Xác định nội dung chi tiết của đồ án quy hoạch, thời hạn hoàn thành đồ án quy hoạch.

Nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di tích được xây dựng thành báo cáo trình cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 12 của Nghị định này.

Điều 11. Nội dung quy hoạch tổng thể di tích

1. Căn cứ lập quy hoạch tu bổ di tích bao gồm:

a) Văn bản pháp luật có liên quan đến quy hoạch;

b) Chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, quy hoạch hệ thống di tích của địa phương đã được phê duyệt;

c) Nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di tích đã được phê duyệt;

d) Quy chuẩn, tiêu chuẩn về bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích.

2. Phân tích, đánh giá hiện trạng di tích và đất đai thuộc di tích bao gồm:

a) Kết quả khảo sát, nghiên cứu về đặc điểm, giá trị di tích; vai trò của di tích trong mối quan hệ vùng; tình trạng

kỹ thuật, quản lý, sử dụng và phát huy giá trị di tích;

b) Phân tích, đánh giá môi trường tự nhiên và xã hội; các yếu tố kinh tế - xã hội; hiện trạng về sử dụng đất; hiện trạng về cơ sở hạ tầng kỹ thuật của khu vực quy hoạch;

c) Xác định đặc trưng và giá trị tiêu biểu của di tích.

3. Quan điểm, mục tiêu dài hạn và mục tiêu ngắn hạn của quy hoạch tổng thể di tích.

4. Xác định ranh giới các khu vực bảo vệ di tích, kiến nghị về việc điều chỉnh mở rộng hoặc thu hẹp các khu vực bảo vệ di tích, xác định khu vực cảnh quan thiên nhiên, khu vực hạn chế xây dựng, khu vực xây dựng mới.

5. Định hướng bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích: Phương hướng chung đối với việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích của toàn khu vực quy hoạch; danh mục các đối tượng di tích cần bảo quản, tu bổ, phục hồi và mức độ bảo quản, tu bổ, phục hồi đối với từng hạng mục di tích; nguyên tắc và giải pháp cơ bản đối với việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

6. Định hướng phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch bền vững.

7. Định hướng tổ chức không gian, công trình kiến trúc xây dựng mới, độ cao, mật độ xây dựng, hình thức kiến trúc, vật liệu xây dựng; định hướng cải tạo, xây dựng hệ thống hạ

tầng kỹ thuật trong khu vực quy hoạch tổng thể di tích.

8. Dự báo tác động môi trường và đề xuất biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường trong khu vực quy hoạch tổng thể di tích.

9. Đề xuất các dự án thành phần, phân kỳ đầu tư, thứ tự ưu tiên các dự án thành phần và nguồn vốn đầu tư cho các dự án.

10. Đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp thực hiện quy hoạch tổng thể di tích.

Điều 12. Thẩm quyền, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương, nhiệm vụ quy hoạch di tích và quy hoạch di tích

1. Thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương, nhiệm vụ quy hoạch di tích và quy hoạch di tích:

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương, nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di tích, đồ án quy hoạch tổng thể di tích quốc gia đặc biệt và đồ án quy hoạch tổng thể di tích quốc gia có quy mô đầu tư lớn;

b) Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Bộ, ngành liên quan để thẩm định, đề nghị Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương, nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di tích, đồ án quy hoạch tổng thể di tích quốc gia đặc biệt và đồ án quy hoạch tổng thể di tích quốc gia có quy mô đầu tư lớn; thỏa thuận chủ trương, thẩm định nhiệm vụ quy hoạch hệ

thống di tích, đồ án quy hoạch hệ thống di tích, nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di tích quốc gia, đồ án quy hoạch tổng thể di tích quốc gia;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (*sau đây gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*) phê duyệt chủ trương, nhiệm vụ quy hoạch di tích, đồ án quy hoạch di tích không thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ hoặc Thủ trưởng Bộ, ngành được giao trực tiếp quản lý di tích; thỏa thuận đồ án quy hoạch tổng thể di tích thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ trưởng Bộ, ngành được giao trực tiếp quản lý di tích;

d) Thủ trưởng Bộ, ngành được giao trực tiếp quản lý di tích phê duyệt quy hoạch tổng thể di tích thuộc thẩm quyền quản lý;

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Thủ trưởng Bộ, ngành được giao trực tiếp quản lý di tích có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch di tích thuộc thẩm quyền.

2. Thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương, nhiệm vụ quy hoạch di tích và quy hoạch di tích:

a) Đối với di tích quốc gia đặc biệt và di tích quốc gia có quy mô đầu tư lớn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Thủ trưởng Bộ, ngành được giao trực tiếp quản lý di tích gửi văn bản đề nghị kèm theo 01 (một) bộ hồ sơ bằng cách nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Thủ tướng Chính phủ để phê duyệt chủ trương, nhiệm vụ

quy hoạch tổng thể di tích, đồ án quy hoạch tổng thể di tích; gửi văn bản đề nghị kèm theo 01 (một) bộ hồ sơ bằng cách nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để thẩm định, đề nghị Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương, nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di tích đồ án quy hoạch tổng thể di tích.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền quy định tại Điểm a, Điểm b, Khoản 1 Điều này có trách nhiệm xem xét thỏa thuận hoặc phê duyệt chủ trương, thẩm định hoặc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di tích, thẩm định hoặc phê duyệt đồ án quy hoạch tổng thể di tích theo thẩm quyền.

b) Đối với di tích quốc gia, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Thủ trưởng Bộ, ngành được giao trực tiếp quản lý di tích gửi văn bản đề nghị kèm theo 01 (một) bộ hồ sơ bằng cách nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để thỏa thuận chủ trương, thẩm định nhiệm vụ quy hoạch di tích quốc gia, đồ án quy hoạch di tích quốc gia quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều này.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét thỏa thuận chủ trương, thẩm định nhiệm vụ quy hoạch di tích

quốc gia, đồ án quy hoạch di tích quốc gia theo thẩm quyền.

c) Đối với di tích thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi văn bản đề nghị kèm theo 01 (một) bộ hồ sơ bằng cách nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thỏa thuận chủ trương, phê duyệt chủ trương, nhiệm vụ quy hoạch di tích và đồ án quy hoạch di tích thuộc thẩm quyền.

d) Đối với di tích thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ, ngành, người đứng đầu cơ quan quản lý di tích trực thuộc gửi văn bản đề nghị kèm theo 01 (một) bộ hồ sơ và ý kiến thỏa thuận của người có thẩm quyền quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 1 Điều này bằng cách nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Thủ trưởng Bộ, ngành được giao trực tiếp quản lý di tích để phê duyệt chủ trương, nhiệm vụ quy hoạch di tích thuộc thẩm quyền.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Thủ trưởng Bộ, ngành được giao trực tiếp quản lý di tích có trách nhiệm phê duyệt chủ trương, nhiệm vụ quy hoạch di tích, đồ án quy hoạch di tích thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Trường hợp lập quy hoạch tổng thể di tích quốc gia đặc biệt mà di tích đó gồm nhiều điểm phân bố trên địa bàn nhiều tỉnh thì Thủ tướng Chính phủ quyết định việc chọn địa phương

chịu trách nhiệm chủ trì lập quy hoạch. Đối với trường hợp lập quy hoạch tổng thể không phải là di tích quốc gia đặc biệt, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định.

Điều 13. Hồ sơ quy hoạch di tích

1. Hồ sơ quy hoạch hệ thống di tích gồm:

a) Bản vẽ:

Bản đồ vị trí di tích trên nền bản đồ đo đạc địa hình khu vực tỷ lệ 1/50.000 hoặc 1/100.000;

Bản đồ xác định các vùng di tích trọng điểm trên nền bản đồ đo đạc địa hình khu vực tỷ lệ 1/10.000 hoặc có tỷ lệ thích hợp tùy theo khu vực quy hoạch;

Bản đồ định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật liên kết các vùng di tích trọng điểm tỷ lệ 1/10.000 hoặc có tỷ lệ thích hợp với khu vực quy hoạch.

b) Báo cáo thuyết minh tổng hợp; các văn bản thỏa thuận chủ trương, thẩm định nhiệm vụ, thẩm định đồ án quy hoạch di tích và văn bản khác có liên quan;

c) Tờ trình phê duyệt đồ án quy hoạch hệ thống di tích.

2. Hồ sơ quy hoạch tổng thể di tích gồm:

a) Bản vẽ:

Bản đồ vị trí di tích trên nền bản đồ đo đạc địa hình khu vực tỷ lệ 1/5.000;

Bản đồ mối liên hệ vùng tỷ lệ 1/10.000 - 1/25.000;

Bản đồ hiện trạng tổng hợp về sử dụng đất, kiến trúc, cảnh quan, hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật và đánh giá quỹ đất xây dựng trên nền bản đồ đo đạc địa hình khu vực và bản đồ quy hoạch xây dựng khu vực (*đã được phê duyệt và còn hiệu lực*) tỷ lệ 1/2.000 hoặc có tỷ lệ thích hợp với khu vực quy hoạch;

Bản đồ định hướng tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan tỷ lệ 1/2.000 hoặc có tỷ lệ thích hợp với khu vực quy hoạch;

Bản đồ xác định các khu vực bảo vệ và cấm mốc giới di tích; bản đồ xác định khu vực cần giải tỏa vi phạm di tích tỷ lệ 1/2.000 hoặc có tỷ lệ thích hợp với khu vực quy hoạch;

Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/2.000 hoặc có tỷ lệ thích hợp với khu vực quy hoạch;

Bản đồ quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật tỷ lệ 1/2.000 hoặc có tỷ lệ thích hợp với khu vực quy hoạch.

b) Điều lệ quản lý quy hoạch;

c) Báo cáo thuyết minh tổng hợp; các văn bản thỏa thuận chủ trương, thẩm định nhiệm vụ, thẩm định đồ án quy hoạch di tích và văn bản khác có liên quan;

d) Tờ trình phê duyệt đồ án quy hoạch tổng thể di tích.

Điều 14. Điều chỉnh quy hoạch di tích

1. Quy hoạch di tích được điều chỉnh khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Có sự điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược quốc phòng an ninh có ảnh hưởng tới di tích;

b) Có sự thay đổi về địa giới hành chính hoặc điều kiện địa lý, tự nhiên;

c) Có sự thay đổi hoặc có phát hiện mới về di tích trong khu vực quy hoạch.

2. Người có thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch di tích, đồ án quy hoạch di tích quy định tại Điều 12 Nghị định này có thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch di tích, đồ án điều chỉnh quy hoạch di tích.

Điều 15. Quản lý quy hoạch di tích

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Thủ trưởng Bộ, ngành được giao quản lý di tích chịu trách nhiệm tổ chức công bố, cấm mốc giới trên thực địa, cung cấp thông tin và thực hiện quy hoạch di tích.

2. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm đơn đốc, tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy hoạch di tích.

(Số sau sẽ giới thiệu các chương còn lại)

DI SẢN ĐÓ ĐÂY

Thành cổ

Bình Dao

Thanh Lương (ST)

Thành cổ Bình Dao nằm ở huyện Bình Dao, thành phố Tấn Trung, tỉnh Sơn Tây - Trung Quốc đã được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa thế giới vào tháng 11 năm 1997 bởi thành cổ Bình Dao là huyện lỵ cổ đại được bảo tồn nguyên vẹn nhất trong địa phận Trung Quốc, mở ra trước mắt mọi người một cuốn họa nguyên vẹn phản ánh quá trình phát triển văn hóa, xã hội, kinh tế và tôn giáo phi thường trong quá trình phát triển lịch sử của Trung Quốc.

Bình Dao cổ thành nằm ở huyện Bình Dao có lịch sử hình thành cách nay hơn 2700 năm, đây là một trong những thành phố lịch sử nổi tiếng của Trung Quốc. Tường thành của Bình Dao có chu vi 6,2 km, cao 12m và tổng diện tích là 2,25 km². Trong thành có 4 đường lớn, 8 đường nhỏ và 72 kiết. Trên thành có 72 tòa lầu, 3000 cửa vọng tượng trưng cho thất thập nhị hiên - 72 vị hiên tài và tam thiên đồ đệ - 3000 học trò của đức Khổng

Phu Tử. Ngoài ra, trong thành còn có nhiều công trình kiến trúc to lớn khác như cổng thành, nha môn huyện thụ, nhà bảo tàng, Thân Dân đường, bảo tàng văn miếu, Thanh Hư quán,... Kiến trúc nhà ở của thành cổ Bình Dao đều là các khuôn viên tứ hợp viện xây bằng gạch màu tro, có đường trục rõ ràng, đối xứng phải trái, chính phụ rõ ràng. Bên ngoài của mỗi khuôn viên khép kín, tường cao bảy tám mét. Nét đặc biệt của các ngôi nhà ở tại thành cổ Bình Dao là nhà chính vẫn giữ được kiểu nhà hang động của khu vực Tây Bắc Trung Quốc, khắc gỗ, khắc gạch trên kiến trúc nhà ở, cũng như tranh cắt giấy tinh xảo dán trên cửa sổ, đã toát lên hơi thở đồng quê mộc mạc. Hơn bốn nghìn ngôi nhà ở bình thường còn tồn tại hiện nay tại Bình Dao phần lớn đều là xây từ thời nhà Minh và nhà Thanh, trong đó có hơn 400 ngôi được bảo tồn tương đối tốt, là cụm nhà ở cổ đại được bảo tồn nguyên vẹn nhất tại khu vực dân tộc Hán hiện nay. Cụm kiến trúc gồm sáu ngôi chùa lớn tồn tại hiện nay trong thành cổ, cũng như dãy cửa



hàng ở dọc hai bên đường đều là nguyên vẹn như trước đây, mái ngói lưu ly màu vàng và màu xanh lá cây với một diện rộng nhà cửa tường xanh mái ngói cho thấy tượng trưng của đẳng cấp. Những kiến trúc cổ kính này đã phác họa bộ mặt sầm uất của khu thương nghiệp thời nhà Minh và nhà Thanh.

Bình Dao có nhiều văn vật cổ tích như điện Vạn Phật trong chùa Chấn Quốc ở phía đông bắc thành cổ, là kiến trúc kết cấu bằng gỗ cổ xưa thứ ba của Trung Quốc hiện nay, đến nay đã có lịch sử hơn 1000 năm. Các bức tượng màu quý giá của thế kỷ thứ 10 Công nguyên trong điện là bản mẫu để nghiên cứu tượng màu sớm nhất Trung Quốc. Ngoài ra còn chùa Song Lâm xây vào thế kỷ thứ 6 Công nguyên, trong hơn 10 ngôi điện lớn của chùa có hơn 2000 pho tượng đất màu kể từ thế kỷ thứ 13 đến thế kỷ thứ 17, được mọi người coi là *“kho báu nghệ thuật tượng màu Trung Quốc”*. Ngoài ra, còn có hơn 1000 tấm bia khắc thời cổ dựng khắp trong và ngoài thành.

Ngoài ra, thành cổ Bình Dao có mối liên quan đặc biệt đối với lịch sử tiền tệ cận đại Trung Quốc. Năm 1824, Bình Dao xuất hiện ngân hàng sơ khai đầu tiên của Trung Quốc gọi là *“Nhật Thăng Xương ký”*, lấy hình thức hối phiếu thay đổi chế độ chi trả tiền mặt truyền thống. Từ đó, nghiệp vụ của *“Nhật Thăng Xương ký”* không những mở rộng ra khắp cả nước mà còn mở rộng sang các nước Nhật, Sinh-ga-po, Nga v.v... được xem là *“Đệ nhất hiệu thiên hạ”*. Nhật Thăng Xương Ký tọa lạc tại Đại Thanh Kim Dung đệ nhất nhai trong thành cổ Bình Dao, đoạn đường mà nổi tiếng phồn hoa. Hiệu

này mở đầu từ thời Thanh Đạo Quang, cách nay đã hơn 100 năm. Tiền tài, ngân phiếu từ đây thông thương hơn 35 thành thị trong cả nước; công việc làm ăn giao tế của hiệu vượt khỏi lãnh thổ Trung Quốc thông đến tận Âu, Mỹ và cả vùng Đông Nam Á nên lịch sử gọi là *“hối thông thiên hạ”* tức tiền của lưu thông khắp thiên hạ. Dưới sự lôi kéo của ngân hàng *“Nhật Thăng Xương ký”*, ngành ngân hàng Bình Dao phát triển nhanh chóng, trong thời kỳ hưng thịnh nhất, Bình Dao có những 22 ngân hàng loại này, chiếm một nửa tổng số ngân hàng hối bấy giờ của Trung Quốc, trở thành trung tâm tiền tệ Trung Quốc. Đường Tây trong thành cổ Bình Dao ngày nay chính là dãy phố ngân hàng cách đây hơn trăm năm. Trên đường Tây hiện nay, vẫn cảnh cửa hàng nối tiếp cửa hàng, cảnh mua bán rất tấp nập. Ở giữa các cửa hàng này, ngân hàng *“Nhật Thăng Xương ký”* hình ảnh sơ khai của Ngân hàng hiện đại của Trung Quốc nằm ở đó. Bề ngoài của nó không cao, không nổi bật chút nào, thế nhưng khuôn viên hẻo lánh, không nổi bật này, từng là trung tâm của mạng lưới tiền tệ khổng lồ tỏa ra cả hải ngoại.

Ngày nay thành cổ Bình Dao vẫn tràn đầy sức hút mạnh mẽ. Một dãy tường thành đã ngăn huyện lỵ Bình Dao thành hai thế giới khác biệt nhau. Các đường phố, các cửa hàng, nhà cửa ở bên trong tường thành vẫn giữ lại chế độ tạo hình của 600 trước; bên ngoài tường thành được coi là *“thành mới”*. Đây là một đô thị tuyệt vời bao gồm các kiến trúc cổ đại và hiện đại khác nhau, khiến người ta suy ngẫm miên man ✱

HOẠT ĐỘNG CƠ QUAN

Tình hình quản lý, bảo tồn và phát huy di tích nằm ngoài KPC trên địa bàn Thành phố Hội An

Quản lý Di tích

Nhằm chuẩn bị đón tết Nguyên Đán Quý Ty năm 2013. Trong quý I vừa qua, tại các điểm di tích trên địa bàn Thành phố đã diễn ra nhiều hoạt động như dọn vệ sinh, sơn quét vôi, trang trí bàn thờ, treo cờ, phướn ... một số di tích có tổ chức dựng cây nêu theo phong tục truyền thống của người Việt Nam, bên cạnh đó còn tổ chức các lễ cúng cuối năm và cúng đầu năm mới. Đặc biệt, trong thời khắc giao thừa tại các điểm di tích tín ngưỡng tổ chức gióng chuông, trống và mở cửa đón khách đến viếng, dâng hương với mong muốn cầu mong một năm mới nhiều may mắn, hạnh phúc.

Qua khảo sát tình hình di tích trong quý I, bên cạnh những di tích được quản lý tốt, một số di tích vẫn còn những vấn đề cần quan tâm.

1/ Di tích trên địa bàn phường Cẩm Phô:

*** Về tình trạng kỹ thuật:** 17/23 di tích có tình trạng kỹ thuật còn tốt. Các di tích còn lại như:

- Mộ Tổ tộc Trần Trung: bình phong bị nứt, lư hương, đồ án trang trí ở phía sau bị gãy;

- Miếu Ngũ Hành: đòn tay bị mối mọt, bờ nóc bị nứt;

- Mộ ông Trần Ngọc Giao: bờ tường bị bể;

- Miếu Thần Nông: đồ án trang trí trên bình phong bị bể gãy một bên;

- Lăng Ông Ngọc: con giống mái bên phải bị gãy, tường, ngói bị nứt, bể một số nơi;

- Khổng Tử Miếu: Khuôn bông của cầu bán nguyệt bị bể gãy nhiều. Khuôn bông trang trí trong chánh điện bị gãy. Gương bể. Một số ngói bể.

*** Về tình trạng vệ sinh:** 16/23 di tích có tình trạng vệ sinh tốt. Các di tích khác còn bẩn, cỏ mọc nhiều (Văn Thánh Miếu Cẩm Phô, Thánh Thất Cao Đài, mộ tổ Tộc Trần Trung, mộ ông Trần Ngọc Giao, miếu Thần Nông, đình ấp Tu Lễ, Khổng Tử Miếu). Riêng Mộ tổ tộc Trần Trung có nuôi gà trong khuôn viên mộ gây mất vệ sinh.

*** Về tình trạng lấn chiếm:** 18/23 di tích không có tình trạng lấn chiếm. Các di tích còn lại như Miếu Ngũ Hành, mộ ông Trần Ngọc Giao, miếu Thần Nông, mộ tổ tộc Trần Trung và Văn Thánh Miếu Cẩm Phô bị một số hộ xung quanh phơi áo quần, đặt vật

dụng, che chắn, để xe máy gây mất cảnh quang di tích.

*** Đề xuất của người bảo vệ di tích:**

Người bảo vệ di tích Văn Thánh Miếu Cẩm Phô yêu cầu Trung tâm can thiệp nghiêm cấm hộ dân đang làm lồng đèn trong di tích di dời ra khỏi khu vực di tích. Các hộ dân sống xung quanh Miếu Thần Nông cho rằng việc cho phép hộ dân buôn bán tại di tích của UBND Phường Cẩm Phô làm ảnh hưởng đến tính linh thiêng cũng như vệ sinh trong di tích nên đề nghị giải quyết.

*** Đề xuất của Phòng QLDT:**

- Đối với di tích Miếu Thần Nông: Cần đề nghị UBND Phường Cẩm Phô chấm dứt việc cho phép kinh doanh tại khu di tích gây mất vệ sinh cho di tích;

- Đối với di tích nhà ông Huỳnh Đủ: Cần bố trí lại bia di tích.

2/ Di tích trên địa bàn phường Cẩm An:

*** Về tình trạng kỹ thuật:** 4/7 di tích có tình trạng kỹ thuật còn tốt và 1/7 di tích là phế tích (Đình đá An Bàng). Các di tích còn lại như:

- Lăng Bà: hai trụ phía trước bị rạn nứt, ngói bể gây dột nhiều nơi.

- Lăng Thành Hoàng: Gia tô vòm cửa bị nứt, một số ngói âm dương bị bể.

*** Về tình trạng vệ sinh:** 3/7 di tích có tình trạng vệ sinh tốt. Các di tích khác còn bẩn, rác và cỏ nhiều (Lăng Ông, Lăng Bà, Đình đá An Bàng, Lăng Thành Hoàng).

*** Về tình trạng lấn chiếm:** 7/7 di tích không có tình trạng lấn chiếm.

*** Đề xuất của người bảo vệ di tích:**

Người bảo vệ Lăng Ông cho rằng việc tu bổ di tích năm 2010 chưa đúng kỹ thuật nên di tích nhanh xuống cấp và đề xuất UBND Thành phố hỗ trợ kinh phí để xây dựng một ngôi nhà để chiêng, trống; Lăng Ngũ Hành đề nghị xây cổng để bảo vệ lăng; Lăng Thành Hoàng đề nghị quét vôi lại trong lăng và sửa chữa lại điện.

*** Đề xuất của Phòng QLDT:**

- Lăng Thổ Thần trước đây đã bị sạt lở không còn nữa, người dân địa phương xây dựng lăng mới nên được gọi là lăng Thành Hoàng. Vì vậy, đề nghị đổi tên di tích trong danh mục để tiện quản lý theo dõi.

3/ Di tích trên địa bàn phường Cửa Đại:

*** Về tình trạng kỹ thuật:** 1/2 di tích có tình trạng kỹ thuật còn tốt và 1/2 di tích (Lăng Tiêu Diện) mái xuống cấp gây dột nhiều nơi, tường bị bong tróc.

*** Về tình trạng vệ sinh:** 2/2 di tích có tình trạng vệ sinh tốt.

*** Về tình trạng lấn chiếm:** Không có di tích nào bị lấn chiếm.

*** Đề xuất của người bảo vệ di tích:** Người bảo vệ Lăng Tiêu Diện đề nghị tu bổ di tích gấp.

*** Đề xuất của Phòng QLDT:**

- Đối với lăng Tiêu Diện: Cần có kế hoạch tu bổ khẩn cấp

4/ Di tích trên địa bàn phường Cẩm Châu:

*** Về tình trạng kỹ thuật:** 20/28 di tích có tình trạng kỹ thuật còn tốt; 2 di tích chỉ là dấu vết (rừng Thanh Tây và lô cốt 12). 8/28 di tích còn lại như:

- Miếu Ông địa (*Thanh Tây*): Hệ thống đòn tay gỗ bị mối mọt, mái tôn bị vỡ ở mái trước.

- Đình An Mỹ: Ngói mái trước đại đình bị vỡ một số nơi, hương án và bàn thờ chính giữa bị mối mọt.

- Miếu Ông địa (*Trường Lệ*): Hậu tẩm bị thấm dột, tường nứt nẻ.

- Nhà thờ tộc Nguyễn Đình: Mái bị dột

- Bia di tích quận lý Hiếu Nhơn: chữ bị mờ

- Khu mộ tổ tộc Lưu: vữa bị bong tróc một vài nơi

- Đình Đế Võng: Đang xuống cấp

- Chùa Nam Tôn: Tường nứt nẻ, chính điện mưa dột, nhà phía Tây đang xuống cấp.

*** Về tình trạng vệ sinh:** 22/28 di tích có tình trạng vệ sinh tốt (*trừ 2 vết tích*). 6 di tích vệ sinh còn nhếch nhác.

*** Về tình trạng lấn chiếm:** 26/28 di tích không có tình trạng lấn chiếm. 2 di tích miếu Ông Địa (*Thanh Tây*) và nhà thờ tộc Nguyễn Đình nằm trong quy hoạch

*** Đề xuất của người bảo vệ di tích:** Người bảo vệ miếu Ông Địa (*Thanh Tây*), đình Thanh Tây, miếu Ông Địa (*Trường Lệ*) xin tu bổ lại; Đình An Mỹ xin chống mối mọt, xin

kinh phí làm cầu qua đình và kinh phí cờ treo khi tế lễ; Miếu Nam Thành xin kinh phí xây cổng; miếu Âm Linh xin kinh phí tu bổ hệ mái; Miếu Xóm Mới xin kinh phí xây tường rào, đổ đất lấp mương và xin cấp bằng di tích; Đình Sơn Phô xin dặm lại mái ngói để khỏi mưa dột; Đình Đế Võng đề nghị cần được tu bổ gấp; Chùa Nam Tôn xin lợp ngói lại một số nơi ở chánh điện, thay một số đòn tay hư, sửa lại tường nứt ở chánh điện.

*** Đề xuất của Phòng QLDT:**

- Đối với các di tích như Miếu Ông Địa (*Thanh Tây và Trường Lệ*), đình An Mỹ: Cần có kế hoạch đưa vào danh mục tu bổ những năm đến.

- Đối với Đình Đế Võng: Cần tu bổ khẩn cấp để cứu nguy di tích.

5/ Di tích trên địa bàn xã Cẩm Kim:

*** Về tình trạng kỹ thuật:** 14/28 di tích có tình trạng kỹ thuật còn tốt; 5 di tích chỉ là dấu vết (*Đình Năm Căn, Gò Mỏ, Bến đò Bà Ngân, Vườn bà Thủ Khóa, Bến Chùa*). 9/28 di tích còn lại như:

- Bia di tích vùng Thượng Phước bị nứt.

- Giếng trong vườn bà Thủ Khóa bị nứt.

- Nhà thờ tộc Lê Văn bị mối mọt, thấm dột.

- Nhà ông Lê Độ bị mối mọt ván gác và thấm dột.

- Nhà ông Trương Kim Sen bị mối mọt ở một số đòn tay, thấm dột

- Nhà ông Huỳnh Cường bị mối mọt và thấm dột.

- Chùa Kim Bửu bị xuống cấp nặng

- Giếng Tứ Tộc bị nứt nẻ.

- Lăng Bà bị thấm dột ở hậu tẩm

* **Về tình trạng vệ sinh:** 20/23 di tích có tình trạng vệ sinh tốt (trừ 5 vết tích). 4 di tích vệ sinh còn nhếch nhác.

* **Về tình trạng lấn chiếm:** Không có di tích nào bị lấn chiếm.

* **Đề xuất của người bảo vệ di tích:** Người bảo vệ nhà thờ Tộc Đỗ đề nghị có chủ trương bảo vệ khu mộ tổ và đưa vào danh mục bảo vệ; Nhà thờ tộc Lê Văn và nhà ông Trương Kim Sen yêu cầu có biện pháp phòng chống mối mọt; Nhà ông Lê Độ yêu cầu lợp ngói âm dương lại toàn bộ ngôi nhà; Nhà thờ tộc Phạm xin kinh phí xây dựng nhà Đông, nhà Tây; Nhà ông Huỳnh Cường xin kinh phí tu bổ di tích; Chùa Kim Bửu đề nghị tu bổ sớm; Người bảo vệ đình tiền hiền Kim Bồng yêu cầu đổ đất, nâng nền để tránh ngập nước khi trời mưa; Người bảo vệ di tích Lăng Bà yêu cầu quét vôi bên trong hậu tẩm và chống dột.

* **Đề xuất của Phòng QLDT:**

- Đối với các di tích như nhà thờ tộc Lê Văn, nhà ông Lê Độ, nhà ông Trương Kim Sen: Cần đưa vào danh mục chống mối mọt.

6/ Di tích trên địa bàn xã Cẩm Thanh;

* **Về tình trạng kỹ thuật:** 13/23 di tích có tình trạng kỹ thuật còn tốt; 8/23 di tích chỉ là địa danh hoặc thắng cảnh (Khu đồng thuận tình, Khu đồn thôn 1, Thôn thanh đông, Làng yến thanh châu, Bến đò bà Châu, Miếu Âm Linh, Khu thuận tình). 2/23 di tích còn lại như:

- Mộ Thử Phi vua Quang Trung và các tướng Tây Sơn: Bia gắn di tích chữ đã bị mờ, các trụ và hậu tẩm bị bong tróc lớp vôi để lộ lớp gạch

- Vườn Xã Tiếp: Tường bao quanh bia di tích bị nứt, sân nền bị nứt nhiều nơi

* **Về tình trạng vệ sinh:** 11/23 di tích có tình trạng vệ sinh tốt (trừ 8 địa danh, thắng cảnh). 4 di tích vệ sinh còn nhếch nhác.

* **Về tình trạng lấn chiếm:** Không có di tích nào bị lấn chiếm.

* **Đề xuất của người bảo vệ di tích:** Người bảo vệ Lăng Bà xin lắp bộ cửa chính và bộ cửa hông nhà phía Tây, xin vôi sơn hàng năm để quét lại di tích và kẻ lại chữ ở các câu liễn, đối; Mộ Thử Phi vua Quang Trung và các tướng Tây Sơn xin tôn tạo lại di tích; Mộ ông Thủy tổ tộc Lê xin làm bờ rào và đường vào di tích, trùng tu lại mộ; Lăng Ông xin cho đổ đất sân phía trước lăng; Miếu áp cây giá xin tu bổ; Miếu ông Tiến xin cây xanh để trồng trong khuôn viên di tích, xin bịt 2

khuôn bông phía trước, xin bắt điện vào di tích.

*** Đề xuất của Phòng QLDT:**

- Đối với các di tích như mộ Thứ Phi vua Quang Trung và các tướng Tây Sơn; Mộ ông Thủy tổ tộc Lê; Miếu Ông Tiến: Cần có kế hoạch tu bổ.

7/ Di tích trên địa bàn phường Sơn Phong:

*** Về tình trạng kỹ thuật:** 4/11 di tích có tình trạng kỹ thuật còn tốt; 7/11 di tích còn lại như:

- Nhà thờ tộc Châu: Đền tay bị mục nhiều nơi, trụ cửa phía ngoài và trụ cột bị mối mọt, hai bên mái nhà Đông nhà Tây bị dột.

- Nhà thờ tộc Lê: Mái ngói bị dột nhiều nơi, đà sần cửa phía Bắc bị mối mọt, sân nền ẩm thấp.

- Mộ ông Chu Kỳ Sơn: xuống cấp nặng

- Mộ vợ chồng đô đốc họ Nguyễn: Bia nhỏ ghi chú di tích chữ bị mờ

- Miếu xóm An Hòa: Câu đối đắp nổi mặt tiền phía Đông bị bong tróc, khung bao cửa chính phía Đông và tường bàn thờ phía Tây bị nứt.

- Nhà thờ tộc Nguyễn: Tường bao quanh bị ẩm mốc

- Đình Sơn Phong: Bức hoành của chúa Nguyễn phúc Chu tặng sơn bị bong tróc, 2 tường phía trong hậu tẩm và bàn thờ phía Tây Đông bị bong tróc lớp vôi, tường phía Đông bị nứt

*** Về tình trạng vệ sinh:** 9/11 di tích có tình trạng vệ sinh tốt. Di tích mộ Chu Kỳ Sơn vệ sinh nhếch nhác,

nuôi gà vịt và di tích mộ vợ chồng đô đốc họ Nguyễn cỏ mọc nhiều.

*** Về tình trạng lấn chiếm:** 10/11 di tích không có tình trạng lấn chiếm. Di tích mộ Chu Kỳ Sơn bị hai hộ dân là Trần Lịa và Trần Đạt lấn chiếm để mở quán cà phê và nuôi gà vịt.

*** Đề xuất của người bảo vệ di tích:** Người bảo vệ Đình Sơn Phong xin quét vôi hậu tẩm, sơn lại bức hoành và tủ thờ phía trước hiên.

*** Đề xuất của Phòng QLDT:**

- Đối với nhà thờ tộc Lê và nhà thờ tộc Châu: Cần tu bổ những hạng mục xuống cấp.

- Đối với mộ ông Chu Kỳ Sơn: đề nghị lấy lại mặt bằng, cắm mốc, khoanh vùng bảo vệ để tránh tình trạng lấn chiếm di tích.

- Đối với nhà thờ tộc Huỳnh: thuộc địa bàn phường Cẩm Châu nên điều chỉnh trong danh mục di tích để đưa về phường Cẩm Châu quản lý.

8/ Di tích trên địa bàn phường Cẩm Nam:

*** Về tình trạng kỹ thuật:** 9/15 di tích có tình trạng kỹ thuật còn tốt; 1 di tích không còn (Đền Cẩm Phô Nam) và 5/15 di tích còn lại như:

- Lăng Vy Mỹ: Mái dột nước, tường nứt vài nơi, mái sau bờ cháy phía Tây nứt gãy, móng có hiện tượng sụt lún.

- Nhà thờ tộc Đinh: Tường nứt vài nơi

- Chùa Cẩm Giác: Tường mặt tiền bên phải tượng Hộ Pháp có đường nứt

lớn, nứt máng xối, đột nước, tường trái trong chính điện nứt.

- Nhà thờ tộc Trần: Tường trước nứt, mái sau hư hỏng đột nước, am thờ giữa nứt vỡ.

- Nhà ông Phan Văn Huân: Tường mục, lở nhiều nơi.

* **Về tình trạng vệ sinh:** 10/14 di tích có tình trạng vệ sinh tốt. 4 di tích còn lại như: Lăng Vy Mỹ, chùa Cẩm Giác, nhà thờ tộc Trần Đắc và nhà thờ tộc Nguyễn Văn vệ sinh chưa sạch sẽ.

* **Về tình trạng lấn chiếm:** 14/14 di tích không có tình trạng lấn chiếm.

* **Đề xuất của người bảo vệ di tích:** Người bảo vệ lăng Vy Mỹ xin hỗ trợ tu bổ di tích (đã có đơn xin); Đình Xuyên Châu Trung xin xây tường rào cao để bảo vệ di tích; Chùa Cẩm Giác xin đề nghị tu bổ; Nhà ông Phan Văn Huân xin được tu bổ.

* **Đề xuất của Phòng QLDT:**

- Đối với lăng Vy Mỹ và chùa Cẩm Giác: Cần đưa vào danh mục cần tu bổ.

- Đối với Hội đồng Ngụ xã Cẩm Nam và Đồn Cẩm Phô Nam: Không cần báo cáo ở lần sau vì không còn di tích.

- Đối với di tích nhà ông Phan Văn Huân: Trong danh mục di tích ghi cả 2 tên trong một di tích là nhà ông Quảng Chỉ và ông Phan Văn Huân. Vì vậy cần điều chỉnh lại trong danh mục di tích.

9/ Di tích trên địa bàn xã Tân Hiệp:

* **Về tình trạng kỹ thuật:** 13/21 di tích có tình trạng kỹ thuật còn tốt hoặc tương đối tốt; 8/21 di tích còn lại như:

- Chùa Hải Tạng: Cổng tam quan xuống cấp Ban Trị sự chùa đã tu bổ khi chưa được cho phép, tường có nhiều bong tróc, hệ gỗ của chùa có hiện tượng mục và mối mọt.

- Lăng Bà Bạch: Sơn, vữa mặt trước của lăng bị bong tróc, đồ án trang trí quần bàn của am và hai am phụ nhòe mờ.

- Miếu Hiệp Hòa: Bờ cháy mái trước ngấm nước vào trong

- Miếu Âm hồn: Tường phía Tây mặt ngoài bị bong vỡ nhiều nơi, các đồ án trang trí quần bàn bong tróc.

- Lăng Tiên Hiền: Tường xuống cấp, bong, gạch mục, cầu đối trước lăng bong tróc, quần bàn bong tróc.

- Miếu Bà Mộc: Mái trước có nhiều thảo mộc mọc.

- Di chỉ Bãi Ông: Bờ phía Nam bị lở một số đoạn

- Giếng Xóm Đình: Bờ gạch trong lòng giếng sụt mục một số viên.

* **Về tình trạng vệ sinh:** 17/21 di tích có tình trạng vệ sinh tốt. 4 di tích còn lại như: Miếu Hiệp Hòa, lăng Tiên Hiền, Lăng Cô và giếng Xóm Đình vệ sinh chưa sạch sẽ.

* **Về tình trạng lấn chiếm:** 21/21 di tích không có tình trạng lấn chiếm.

* **Đề xuất của người bảo vệ di tích:** Người bảo vệ chùa Hải Tạng xin tu bổ lại cổng tam quan.

* **Đề xuất của Phòng QLDT:**

- Đối với lăng Tiền Hiền: Đề nghị xem xét, có phương án tu bổ.

- Đối với Di chỉ Bãi Ông: Đề nghị dựng bia cấm mốc và gia cố lại khu vực bị lở.

- Đối với giếng Xóm Đình: Cần có phương án gia cố thành giếng.

10/ Di tích trên địa bàn xã Cẩm Hà:

* **Về tình trạng kỹ thuật:** 7/14 di tích có tình trạng kỹ thuật còn tốt hoặc tương đối tốt; 2/14 là dấu tích (Di chỉ Đồng Nà và chiến thắng Cửa Suối); 5/14 di tích còn lại như sau:

- Bia di tích chiến thắng Bàu Ốc, chiến thắng Cồn Thanh và vườn nhà ông Thiệt: Bong tróc sơn hoàn toàn.

- Chùa Vạn Đức: Miếu Ngũ (cũ) xuống cấp nghiêm trọng, cây xanh mọc toàn bộ hệ mái, rễ cây bám xuống tường làm nứt 3 đường từ đuôi mái đến chân móng và tường phía Tây Bắc xụp đổ hoàn toàn; Mái nhà chính điện bị dột; 6 khung ngoại cửa đi nhà sau chính điện có dấu hiệu mối mọt.

- Mộ ông Nguyễn Điền: Nền sân có 3 vị trí bị sụt lún diện tích khoảng từ 0,5 đến 0,7m²/vị trí; Bồn hoa bên trái bình phong bị nứt, vỡ dộc; màu vôi ở các hạng mục dần mất màu.

* **Về tình trạng vệ sinh:** 14/14 di tích có tình trạng vệ sinh tốt.

* **Về tình trạng lấn chiếm:** Không có tình trạng lấn chiếm nhưng 05 di tích cần khoanh vùng bảo vệ (*chiến thắng Bàu Ốc, Cồn Thanh, Cửa Suối, miếu áp Đồng Nà và di tích Đồng Nà*)

* **Đề xuất của người bảo vệ di tích:** Người bảo vệ Mộ chí sĩ Nguyễn Duy Hiệu xin hỗ trợ kinh phí điện tưới cây xanh trong khuôn viên hàng tháng; Chùa Vạn Đức mong muốn làm mới lại chính điện (chưa xác định thời gian làm) và chống mối cho nhà sau chính điện; Miếu Ngũ Hành Trà Quế xin hỗ trợ kinh phí xây dựng hàng rào xung quanh bảo vệ di tích; Mộ ông Nguyễn Điền xin hỗ trợ kinh phí để tu bổ những nơi hư hỏng nêu trên và đưa di tích vào tuyến tham quan làng rau Trà Quế.

*** Đề xuất của Phòng QLDT:**

- Cần khoanh vùng bảo vệ 05 di tích: chiến thắng Bàu Ốc, Cồn Thanh, Cửa Suối, miếu áp Đồng Nà và di tích Đồng Nà.

- Cần có kế hoạch tu bổ 04 di tích trong thời gian đến: Miếu áp Đồng Nà (phục dựng lại miếu cũ), Mộ ông Nguyễn Điền (*tu bổ nhỏ*), cụm Miếu Thổ Thần và Ngũ Hành Trà Quế (*xây dựng hàng rào xung quanh*)

11/ Di tích trên địa bàn phường Tân An:

* **Về tình trạng kỹ thuật:** 8/11 di tích có tình trạng kỹ thuật còn tốt hoặc tương đối tốt; 3/11 di tích còn lại như sau:

- Chùa Ông Tạng (*Thiên Đức Tự, nhà thờ tộc Đình*): Nhà Đông hai kèo hiên, hai bộ kèo trong và một sổ rui bị mối xâm hại (*đã chống mối nay không còn*) - chưa ảnh hưởng nhiều đến kết cấu chịu lực của khu nhà.

- Vạn Thiện Đồng Quy (*trước chùa Phước Lâm*): Hàng rào xung quanh chỉ còn lại ở phía Đông Nam.

- Miếu Âm Hồn: Đang xuống cấp nặng; hệ đỡ mái đã bị mối xâm hại, mục có nguy cơ sụp mái.

* **Về tình trạng vệ sinh:** 8/11 di tích có tình trạng vệ sinh tốt. 3/11 di tích vệ sinh còn bẩn, để đồ đạc tại di tích.

* **Về tình trạng lấn chiếm:** Không có tình trạng lấn chiếm.

* **Đề xuất của người bảo vệ di tích:** Người bảo vệ Đình Ấp Xuân Mỹ đề nghị thay đổi người bảo vệ di tích (ông Nguyễn Khương được giao nhiệm vụ trước đây nay đã mất) và xin hỗ trợ kinh phí tiền điện thấp sáng hàng tháng; Miếu Âm Hồn đề nghị sớm triển khai tu bổ.

* **Đề xuất của Phòng QLDT:**

- Đối với tượng đài chí sĩ Nguyễn Duy Hiệu: Cần có kế hoạch phát huy giá trị khu tưởng niệm (mở cửa thường xuyên để nhân dân và du khách đến tham quan).

- Đối với Vạn Thiện Đồng Quy (trước chùa Phước Lâm): Xây dựng lại tường rào ở những đoạn bị ngã đổ để khoanh vùng bảo vệ di tích.

- Đối với Miếu Âm Hồn: Cần có kế hoạch tu bổ sớm để cứu nguy di tích.

12/ Di tích trên địa bàn phường Thanh Hà

Tổng số di tích trên địa bàn phường Thanh Hà là 54 di tích, trong đó 42/54 di tích có tình trạng kỹ thuật còn tốt. Còn lại đa số loại hình di tích mộ bị hư hại, xuống cấp như:

- Mộ ông Đinh Thanh Hương (Bàu Đưng): Tường bao, liềm bị hư hại nặng.

- Mộ bà họ Lê dâu tộc Trần (Thanh Chiếm): Tường bao phía đông bị sụp đổ.

- Mộ ông Đô đốc thời Tây Sơn (An Bang): Quynh, tay ngai, nắm bị nứt, bong tróc, hai trụ biểu không còn.

- Mộ ông tú tài Tăng Thuần Bác (Bàu Đưng): Nhà bia, nắm bị nứt.

- Mộ bà Lê Huệ Mẫn (Bàu Đưng): Nhà bia và nắm mộ bị nứt.

- Mộ bà Đinh Thị Năm (Bàu Đưng): Nhà bia, tay ngai bị nứt.

- Mộ ông Bát phẩm Lê Thuần Giản & bà họ Phạm (Bàu Đưng): Tường bao, nhà bia bị xuống cấp.

- Mộ bà Lê Thiện Ký (Bàu Đưng): Tay ngai, nhà bia bị nứt bể.

- Mộ ông họ Lâm, bà họ Phạm, Mộ ông họ Thái, bà họ Đinh, Mộ ông Trần Ôn Giản, Mộ bà họ Cù (Bàu Đưng): Cây cối mọc làm nứt nắm mộ.

- Mộ bà họ Mạnh, Mộ bà họ Đinh, Mộ bà họ Trần dâu họ Đinh (Thanh Chiếm): Nứt quynh, tay ngai.

- Đình Thanh Hà (Hậu Xá): Hệ mái xuống cấp (bể, dột, trượt ngói 30%), hai trụ ở tường sau bị nứt, tường phía tây bị bong tróc gây ẩm ướt.

- Lò gốm Nhà ông Nguyễn Văn Sơn (Nam Diêu): Đã sụp đổ một phần mái lò, thành lò đang xuống cấp. Đề nghị chống đỡ khẩn cấp✱

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUÝ I/2013

I/ Kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác quý I:

1/ Công tác nghiên cứu khoa học: Chỉ đạo thực hiện 03 đề tài nghiên cứu cấp Thành phố và 01 đề tài nghiên cứu cấp Tỉnh; Triển khai thực hiện chương trình kiểm kê văn hoá phi vật thể nghề, làng nghề truyền thống ở Hội An; Làm tư liệu các hoạt động văn hoá - xã hội trên địa bàn Thành phố nhân các sự kiện, các ngày lễ lớn.

2/ Công tác quản lý, tu bổ di tích: Tiếp tục tham mưu lấy ý kiến của các ban ngành, các xã/phường về Quy chế “*Quản lý, bảo tồn, sử dụng di tích vùng ven trên địa bàn thành phố Hội An*”; Theo dõi và tăng cường mối quan hệ hợp tác với lực lượng bảo vệ di tích trong và ngoài khu phố cổ; Tổ chức khảo sát, kiểm tra tình hình quản lý di tích vùng ven hàng quý; Chú trọng công tác cấp phép tu bổ di tích, tích cực giám sát xây dựng, sửa chữa di tích/nhà ở của nhân dân đồng thời phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện công tác kiểm tra, chấn chỉnh trật tự kinh doanh trong khu phố cổ; Thụ lý giải quyết và trả lời trực tiếp cho công dân 47 văn bản liên quan đến công tác quản lý, tu bổ di tích trong và ngoài khu phố cổ.

Tiếp tục triển khai các dự án trọng điểm như Nhà lao Hội An, nhà 14 Nguyễn Thái Học, dự án Tam quan Chùa Bà Mụ; Tiếp tục thực hiện các chương trình đầu tư tu bổ di tích từ các nguồn: Chương trình mục tiêu, ngân sách thành phố, đề án cho vay vốn tu bổ di tích khẩn cấp; Tích cực thực hiện nghiệm thu, quyết toán các công trình đã hoàn thành; Tính đến 11/3/2013, đơn vị tiếp nhận 37 lượt hồ sơ sửa chữa di tích trong khu phố cổ từ Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả Thành phố. Qua kiểm tra, khảo sát và xem xét, đơn vị đã tham mưu cấp phép 27 trường hợp, trong đó Khu vực I là 07 HS, Khu vực IIA là 13 HS và Khu vực IIB là 6 HS.

3/ Công tác tuyên truyền, phát huy giá trị: Chỉ đạo thực hiện tốt một số hoạt động trong Hội Tết Quý Tỵ 2013: Hoạt động phục dựng cây nêu ngày Tết, Hội thi lồng đèn, Hội Tết Nguyên tiêu; Biên tập nội dung chuyên mục phát thanh Bảo tồn di sản hàng tuần (đã được 08 số với 16 bài và 16 tin); Cập nhật và phát huy hiệu quả Website, chuẩn bị phát hành bản tin chuyên môn quý I của đơn vị; Triển khai thực hiện phương án nâng cấp các bảo tàng chuyên đề do cơ quan quản lý; Thường xuyên cập nhật, bổ sung tư liệu tại Văn phòng tư vấn thông tin di sản, trong quý I, Văn phòng đã bổ sung được 8 bài báo, bài viết về Hội An, nhiều tài liệu của đơn vị và đã phục vụ cho 44 lượt khách có nhu cầu tìm hiểu thông tin về Hội An (trong đó có 27 lượt khách Việt Nam, 17 lượt khách quốc tế); Thường xuyên đảm bảo an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy và đón tiếp khách tham quan tại các điểm bảo tàng, di tích do cơ quan quản lý. Trong 2 tháng đầu năm, các điểm đã

đón tiếp tổng cộng 175.200 lượt khách đến tham quan (*Quốc tế 170.200 lượt, Việt Nam 5.000 lượt*)

4/ Công tác đối ngoại: Xin chủ trương thành phố tiếp nhận tình nguyện viên Úc và phối hợp xây dựng Kế hoạch quản lý rủi ro cho Khu Di sản văn hoá thế giới Hội An; Xúc tiến các thủ tục tiếp nhận hiện vật do Ông Cousso hiến tặng phục vụ việc thiết lập Bảo tàng nghề y truyền thống tại Hội An; Thực hiện các thủ tục tiếp nhận, lắp đặt đèn năng lượng mặt trời do hãng hàng không Asiana tài trợ; Đón tiếp và làm việc với 04 đoàn nước ngoài đến liên hệ công tác tại đơn vị.

II/ Một số nhiệm vụ trọng tâm trong quý II/2013:

1/ Công tác nghiên cứu khoa học: Tăng cường chỉ đạo và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học do cơ quan chủ trì; Biên soạn nội dung và xuất bản sách “*Di tích danh thắng Hội An*”; Tổ chức Hội thảo đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động bảo tồn và phát huy di sản từ 1981-2010; Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình kiểm kê, nhận diện di sản văn hoá phi vật thể nghề, làng nghề truyền thống.

2/ Công tác quản lý, tu bổ di tích: Làm tư liệu sự kiện văn hoá - xã hội trên địa bàn thành phố nhân các sự kiện, các ngày lễ lớn. Triển khai công tác khảo sát, kiểm tra công tác quản lý các di tích vùng ven, di tích trong khu phố cổ; Theo dõi khảo sát, viết báo cáo lập hồ sơ tu bổ các công trình năm 2013, dự kiến tu bổ năm 2014. Làm trích lục bản đồ di tích, dựng bia cắm mốc cho các di tích; Phát huy hiệu quả Website bảo tồn di sản tại đơn vị.

Tham mưu xây dựng và trình UBND Tỉnh phê duyệt danh mục ưu tiên các dự án thành phần thuộc Quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị DSVH Hội An; Tiếp tục triển khai các dự án trọng điểm; Tiếp tục duy trì thường xuyên công tác tham mưu và xét hỗ trợ kinh phí tu bổ di tích thường xuyên trên địa bàn Thành phố.

3/ Công tác tuyên truyền, phát huy giá trị: Tiếp tục chỉ đạo nâng cao chất lượng bản tin hàng quý và chuyên mục phát thanh “*Bảo tồn Di sản*”. Thực hiện phương án nâng cấp các bảo tàng chuyên đề do cơ quan quản lý và hồ sơ lưu trữ tư liệu, di tích; Thường xuyên chú trọng công tác đảm bảo an ninh-trật tự, phòng cháy chữa cháy và đón tiếp khách tham quan tại các điểm bảo tàng, di tích do cơ quan quản lý; hướng dẫn và cung cấp thông tin về Hội An cho các cá nhân, tổ chức có nhu cầu; Phối hợp và thực hiện các hoạt động kỷ niệm nhân các ngày lễ lớn. Tiếp tục cập nhật và phát huy hiệu quả Website của đơn vị.

4/ Công tác đối ngoại: Thực hiện các thủ tục tiếp nhận hiện vật của ông Cousso về Bảo tàng nghề Y; Thực hiện các dự án thành phần do Hãng hàng không Asiana tài trợ; Phối hợp với VP. UNESCO Hà Nội thực hiện dự án Xây dựng kế hoạch quản lý rủi ro cho Khu di sản Hội An; Tham mưu đối ngoại giao dịch với các nước, các tổ chức, cá nhân liên quan; Thực hiện các thủ tục xuất cảnh cho cán bộ cơ quan đi công tác nước ngoài.